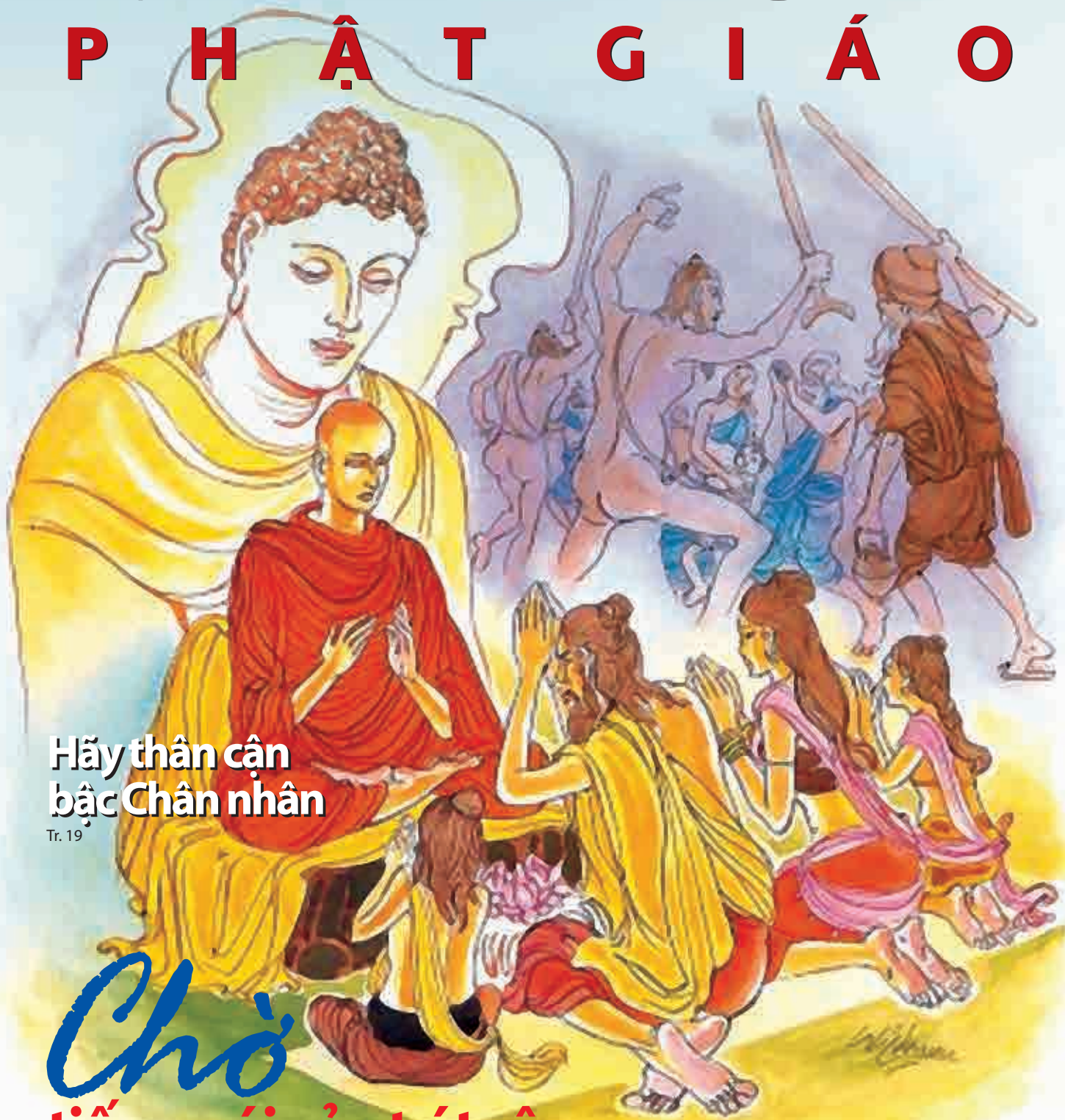


# VĂN HÓA

## P HẬT G I Á O



Hãy thân cận  
bậc Chân nhân

Tr. 19

**Chờ**  
tiếng nói của trí tuệ Tr. 5





ĐƠN VỊ TỔ CHỨC

HOA SEN GROUP

THÀNH NHÊN



TÒA SÁNG NGHỊ LỰC  
**VIỆT**

*Sống trung thực - Sống trách nhiệm - Sống nghị lực*

## HỘI NGỘ TẤM GUƠNG NGHỊ LỰC VIỆT NAM VỚI NICK VUJICIC

► **21/5/2014**  
tại Tp. Hồ Chí Minh

Nhà thi đấu TDTT Phú Thọ  
Truyền hình trực tiếp trên kênh **VTV6**  
Lúc 18 giờ 30

► **24/5/2014**  
tại Tp. Hà Nội

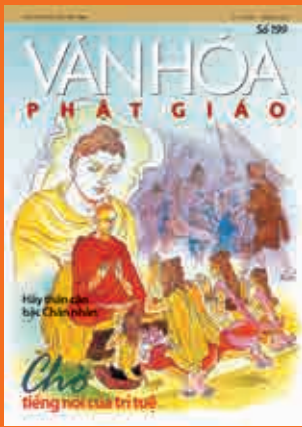
Sân vận động Quốc gia Mỹ Đình  
Truyền hình trực tiếp trên kênh **VTV1**  
Lúc 20 giờ 00

- [www.toasangnghilucviet.vn](http://www.toasangnghilucviet.vn)
- [www.facebook.com/toasangnghilucviet](https://www.facebook.com/toasangnghilucviet)
- [www.nickdenvietnam.com](http://www.nickdenvietnam.com)

THƯƠNG HIỆU ĐỒNG HÀNH



**TÔN HOA SEN**  
Mái ấm gia đình Việt



# Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO  
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập  
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực  
kiêm Thư ký Tòa soạn  
TRẦN TUẤN MÀN

Phó Tổng Biên tập  
THÍCH TRUNG HẬU  
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự  
NGUYỄN BÔNG

Trình bày  
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành  
Trụ sở Tòa soạn VHPG  
ĐT: (84-8) 3 8484 335  
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo  
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576  
Fax: (84-8) 35265 569  
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn  
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:  
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa  
Số tài khoản: 1487000000B  
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của  
Bộ Thông tin và Truyền thông  
Số 1878/GP. BTTTT  
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú  
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Vô cùng kính tiếc	4
Chờ tiếng nói của trí tuệ (Nguyễn Cảnh)	5
Tiến trình phát triển Phật giáo (Trần Quang Thuận)	9
Có những ông Nghè không đỗ Tiến sĩ (Võ Hương-An)	13
Nhớ Phùng Thăng (Thái Kim Lan)	16
Hãy thân cận bậc Chân nhân (Thụy Khuê)	19
Tu huyễn theo kinh Viên giác (Nguyễn Thế Đăng)	22
Sinh viên Học viện Phật giáo và hướng tiếp cận văn hóa-xã hội trong tâm lý học (Thái Văn Anh)	26
Hành thiện là sự tỉnh thức (Nguyễn Khắc Thạch)	29
Hãy suy nghĩ như một tên trộm (Tỳ-kheo Thanissaro-Hoàng Nguyễn Đức dịch)	32
Một tâm như bầu trời: sự Chú tâm Thiện xảo sự Tỉnh giác Rộng mở (Jack Kornfield-Lâm Hạnh Nhiên dịch)	34
Đình, Đền, Chùa và văn hóa truyền thống làng Lai Triều (Vũ Đình Tâm - Đoàn Văn Chuyên)	37
Chùa Giác Thế, nơi lưu giữ dấu ấn thời gian (Trần Văn Dũng)	40
Ngày xuân, thăm chùa Thiên Đức (Mang Viên Long)	42
Người ta khư khư còn tôi buông xả (Nguyễn Hữu Đức)	44
Tiếng loa đài hát lớn chẳng ai nghe... (Lê Hải Đăng)	46
Mối giao hòa của đất (Linh Lan)	48
Duy tâm theo cách của bà... (Khải Thư)	50
Lúa đã vàng bông (Trúc Chi)	51
Thơ (Phan Thanh Minh, Trà Kim Long, Trường Khánh, Thân Nguyễn Luận, Tương Giang, Nguyễn Dũng)	52
Miền đất ngọt (Lý Thị Minh Châu)	54
Lên vùng cao A Lưới (Cao Huy Hóa)	56
Thanh âm chốn quê nhà...(Thảo Nguyên)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	60

**Bìa 1: Đến với Thầy.** Nguồn: [www.nirvanadhamma.com](http://www.nirvanadhamma.com)



# Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Sau khi biết rằng số báo Văn Hóa Phật Giáo mừng Đại lễ Phật đản Phật lịch 2558 sẽ ra mắt vào ngày 1-5-2014 tới đây cũng là số báo thứ 200 được phát hành liên tục trong suốt gần mười năm qua, nhiều độc giả, cộng tác viên và thân hữu đã liên lạc với tòa soạn để hỏi thăm xem VHPG sẽ tổ chức kỷ niệm việc phát hành số báo thứ 200 dưới hình thức nào, ở đâu và vào lúc nào.

Quả thực, chúng tôi hết sức phân vân. Chúng tôi cũng đã xác định là sẽ cố gắng có một hình thức kỷ niệm thích hợp. Nhưng, vào các dịp VHPG tròn năm tuổi và kể đó là dịp phát hành số báo thứ 100, chúng tôi cũng đã sắp xếp tổ chức các hoạt động kỷ niệm nho nhỏ nhưng rồi đều không thành tựu vì điều kiện không cho phép. Lần này, với tất cả những khả năng hạn hẹp của mình, chúng tôi nghĩ là sẽ có một buổi tọa đàm đơn giản với sự tham dự của một số độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu đang có mặt tại TP.HCM. Nếu sắp xếp được, chúng tôi sẽ gửi thư mời trực tiếp đến quý vị và xác định thời gian, địa điểm tổ chức. Dù thế nào, tự thân chúng tôi vẫn cảm thấy hạnh phúc vì đã được phục vụ quý độc giả liên tục qua hai trăm số báo. Số báo thứ 200 được phát hành đúng vào dịp mừng Đại lễ Phật đản Phật lịch 2558 cũng mang lại cho chúng tôi cảm nhận sự gia hộ của Tam Bảo đối với lý tưởng mà VHPG đang nỗ lực thực hiện, lý tưởng góp phần xây dựng một xã hội hiền thiện dựa trên những lời dạy đầy từ bi và trí tuệ của Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Chúng tôi kính mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ quý báu của quý độc giả, các cộng tác viên, ân nhân và thân hữu về mọi hoạt động của Văn Hóa Phật Giáo. Kính chúc toàn thể quý vị luôn có được niềm vui tự nội.

Văn Hóa Phật Giáo



**Này các Tỳ-kheo, khi nào các ông sống hộ trì các  
căn thì Ác ma nhàm chán các ông và sẽ bỏ đi,  
không nắm giữ cơ hội.**

***Kinh Tương Ưng Bộ – Phẩm Rắn độ***

**Vô  
Cùng  
Kính  
Tiếc**



**Đại lão Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự  
kiêm Đệ nhất Phó Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam**

# **Thích Trí Tịnh**

**viên tịch lúc 9 giờ 15 phút ngày 28 tháng Hai năm Giáp Ngọ (28-3-2014)**

**tại chùa Vạn Đức, TP.HCM, trụ thế 98 năm, hạ lạp 69 năm**

**Ngưỡng cầu Giác linh Đại lão Hòa thượng nương thần lực Tam bảo**

**Siêu Thăng Phật Quốc**





# Chờ tiếng nói của trí tuệ

NGUYỄN CÂN

## **Cử tri thông thái, người ở đâu?**

Mới đây, Hội nghị truyền thông về Quốc hội (QH) dành cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội do Văn phòng Quốc hội (VPQH) phối hợp với Đại sứ quán Vương quốc Anh tổ chức đã để lại nhiều ấn tượng tốt về sự thẳng thắn và cởi mở trong trao đổi.

Theo tường thuật của các báo thì hội nghị quy tụ hơn 200 sinh viên thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội, Viện Đại học Mở Hà Nội và Học viện Báo chí Tuyên truyền. Ngay trong phần giới thiệu về vai trò của QH, Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng, Phó Chủ nhiệm VPQH, đã đặt câu hỏi với các sinh viên hiện diện rằng có ai nhớ được vị đại biểu mà các sinh viên đã bầu. Ông bình luận, “Muốn có những đại biểu Quốc hội (ĐBQH) thông thái thì phải có những *cử tri thông thái*, một khi chúng ta đi bầu cử mà không nhớ mình đã bầu cho ai thì chúng ta phải tự hỏi về trách nhiệm của mình” và đưa ra một hy vọng, rằng “trong tương lai, chúng ta sẽ có những ĐBQH tài giỏi hơn, đức độ hơn, sẽ có những cử tri biết đòi hỏi nhiều hơn trách nhiệm của nghị sĩ”. Về mục tiêu của Hội nghị này, Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng mong muốn thông qua

các hoạt động truyền thông về QH dành cho sinh viên, thế hệ trẻ có nhận thức đầy đủ về vai trò cũng như hoạt động của QH và nhận biết rằng tương lai mình có thể trở thành ĐBQH hay không.

Cách đặt vấn đề thẳng thắn của người tổ chức Hội nghị đã tạo điều kiện cho các sinh viên tham dự hội nghị cởi mở trong việc tham gia trao đổi. Quả vậy, tường thuật của các báo cho thấy những người trẻ đã mạnh dạn nêu lên những câu hỏi thể hiện sự bén nhạy trong suy nghĩ của họ. Chẳng hạn, về hy vọng của Phó Chủ nhiệm VPQH rằng trong tương lai sẽ có những ĐBQH đức độ hơn, một sinh viên nêu “... phải chăng ĐBQH thời nay đang có vấn đề về đức độ nên mới phải hy vọng vào tương lai?”. Đáp lại yêu cầu về việc người đi bầu phải có trách nhiệm với lá phiếu của mình vì ĐBQH là người được người bỏ phiếu ủy quyền, đại diện cho quyền lợi của người bỏ phiếu, một sinh viên đặt ngược vấn đề, hỏi “... ĐBQH đã làm gì để gần dân, hiểu dân, để dân biết và dân tin ở mình?”. Sinh viên này nêu nhận xét, “... đại biểu khi ứng cử tại địa phương thì hứa với cử tri rất nhiều, nhưng sau khi trúng cử thì không thấy thực hiện lời hứa,



thậm chí một lời cảm ơn cử tri cũng không có". Một sinh viên khác nhận định rằng "có một thực tế đáng buồn là QH còn là một diễn đàn khá xa lạ với thế hệ trẻ". Sinh viên này mong muốn thế hệ trẻ có được những diễn đàn để sinh hoạt, thảo luận, nói lên ý kiến của mình và hy vọng "... các vị ĐBQH dám nói trung thực, dám nghĩ quyết liệt và dám làm vì dân... các vị không chỉ làm việc vì nước vì dân, mà còn là tấm gương sáng về đạo đức để thế hệ trẻ noi theo". Một sinh viên khác nói thẳng nhận xét của mình về giá trị lập pháp, rằng "... có nhiều đạo luật, QH ban hành sau một thời gian ngắn đã phải sửa. Có những điều luật không đi vào cuộc sống. Phải chăng tầm nhìn của QH cũng còn hạn chế?". Cũng đã có cả những câu hỏi được coi là nhạy cảm, chẳng hạn, Việt Nam có nên tổ chức QH theo mô hình lưỡng viện không, vai trò của Đảng trong việc chống tham nhũng như thế nào...

Trả lời và giải thích cho sinh viên, các vị ĐBQH có mặt trong buổi hội nghị cũng thể hiện một sự trung thực đáng trân trọng. Về vấn đề đức độ của ĐBQH, ông Nguyễn Sĩ Dũng trình bày rằng khái niệm mà ông đưa ra có phần trừu tượng; ông quan niệm rằng "... Một trong những yêu cầu cơ bản nhất trong đạo đức nghị viện là không được xung đột lợi ích... anh đã làm hành pháp rồi thì không nên làm lập pháp... Ví dụ, một ông thứ trưởng là ĐBQH thì làm sao để giám sát có hiệu quả ông bộ trưởng là cấp trên của mình". Giải thích thêm, đại biểu Dương Trung Quốc cho biết vấn đề đức độ liên quan đến cơ chế vận hành của QH, rằng "... QH hiện nay chỉ có khoảng 30% đại biểu chuyên trách, thời gian dành cho hoạt động của QH rất ít, nhiều đại biểu kiêm nhiệm lại là cấp dưới của đối tượng chịu sự giám sát của mình, do đó chúng ta chưa có một QH chuyên nghiệp, điều này cũng ảnh hưởng đến niềm tin của người dân vào Quốc hội". Về vấn đề QH còn xa rời dân, đại biểu Bùi Sỹ Lợi, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Các vấn đề xã hội, nhìn nhận đó là sự thật, và tự kiểm điểm rằng trong gần mười lăm năm làm ĐBQH, ông cũng hiếm khi tiếp xúc cử tri là sinh viên, trong khi đó nhiều vấn đề bức bách của đất nước như tình trạng thất nghiệp và giải quyết việc làm, thực hiện bảo hiểm y tế... đều liên quan mật thiết đến sinh viên, đến giới trẻ. Về vấn đề tầm nhìn của QH, cũng đại biểu Bùi Sỹ Lợi nhìn nhận "... đúng là hệ thống pháp luật của chúng ta có vấn đề. Khi xây dựng luật, có lúc còn chưa cập nhật đầy đủ thông tin, chưa tham khảo tường tận tâm tư nguyện vọng của các đối tượng chịu sự điều chỉnh của luật và chưa có những phân tích, đánh giá xác đáng...". Ngay cả ý kiến về một hệ thống QH lưỡng viện, ông Nguyễn Sĩ Dũng cũng thẳng thắn bày tỏ quan điểm cá nhân là "... nên tổ chức mô hình QH lưỡng viện, vì như vậy vừa có đại diện của các địa phương lại có đại diện của toàn dân".

Có mặt trong buổi trao đổi trên, ông Andrew Holt, Bí thư thứ nhất Đại sứ quán Vương quốc Anh chia sẻ rằng cho đến năm 2000, nghị viện trẻ ở Anh đã được

thành lập bao gồm 600 đại biểu ở độ tuổi từ 11 đến 18 được chính các bạn trẻ bầu ra. Ông hy vọng rằng những hoạt động tương tự ở Việt Nam cũng sẽ sớm thu được những kết quả tốt đẹp.

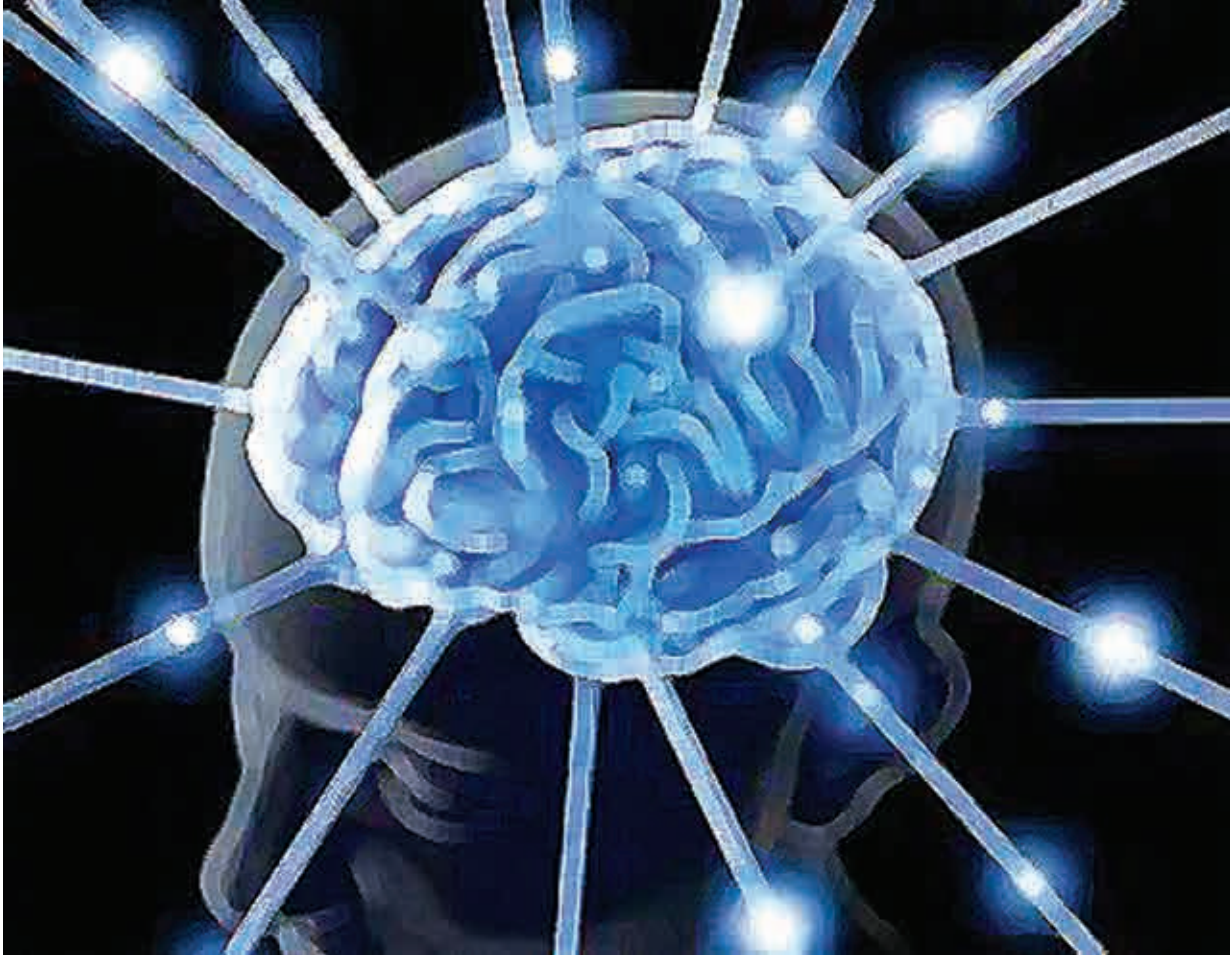
### **Công dân nào, thể chế ấy**

Như vậy chúng ta thấy các đại biểu mong có những cử tri thông thái, biết đòi hỏi, thì mới có QH trí tuệ. Đây là quy luật hay lại là câu chuyện "con gà-quả trứng". Trong những chiều kích của dân chủ thì QH phải là đại diện cho tiếng nói của toàn dân; hay đúng hơn, những công dân tinh hoa biết nói lên suy nghĩ, ý kiến phản biện của mình. Từ xưa, Aristotle đã cho rằng mục tiêu cơ bản của nhà nước là tạo điều kiện cho mỗi công dân được hưởng một cuộc sống theo mong muốn của họ với giá trị tối thượng của con người. Theo Aristotle, một chính thể được xem là "tốt đẹp" khi giới cai trị quan tâm đến vấn đề an sinh của dân chúng; trong khi một chính thể bị xem là "thối nát" khi giới cai trị quan tâm chủ yếu đến mục đích tư lợi. Do vậy, một chính thể "tốt đẹp" có thể bị tha hóa và rơi vào tình trạng "thối nát" khi giới cai trị bắt đầu mưu cầu tư lợi, lơ là trách nhiệm đối với vấn đề an sinh cộng đồng. Xét từ cái nhìn đó, mỗi chính thể tốt đẹp đều có một hình thức thối nát tương ứng với nó: trong chế độ quý tộc, quyền điều hành thuộc về nhóm quý tộc (công dân) có phẩm chất và năng lực ưu việt. Khi quyền hành ấy rơi vào tay của một nhóm người chỉ quan tâm đến việc lạm dụng chức quyền để mưu cầu tư lợi, chế độ quý tộc bị thao túng bởi các nhà tài phiệt, trở nên thối nát và thoái hóa thành chính thể quả đầu (oligarchy). Dù quan niệm của ông có chỗ không còn phù hợp vì thời của ông có sự phân biệt giữa chủ nô và nô lệ, quý tộc và bình dân, nhưng những khái niệm căn bản về nhà nước vẫn có chỗ đáng tham khảo. Ông kết luận rằng một nhà nước lý tưởng phải có đa số dân thuộc tầng lớp trung lưu. Tầng lớp nghèo khổ chiếm đa số sẽ là một gánh nặng đối với vấn đề an ninh quốc gia; đồng thời, sự vượt trội về số lượng người giàu thuộc tầng lớp thượng lưu cùng tạo ra tình trạng mất cân đối về mặt phân phối phúc lợi và quyền lực trong đất nước.

Từ đó, Aristotle đưa ra nhận định là chẳng khi nào con người có thể đạt được một nhà nước lý tưởng (như Plato chủ trương), nhưng con người có thể xây dựng được cho mình một chế độ tốt nhất có thể được. Đó là một chế độ trung dung, giữa chế độ Dân chủ (thời cổ Hy Lạp, chúng ta phải hiểu đó là dân chủ trực tiếp, mọi người dân đều tham gia vào chính trị từ nghị luận việc công đến thi hành luật pháp) và chế độ Quả đầu (thiểu số cai trị nhưng không phải là quý tộc).

Để bảo vệ một chế độ, Aristotle đề nghị phải giáo dục quần chúng sao cho người dân sống và hành động theo đúng tinh thần của hiến pháp tạo dựng ra chế độ. Một câu nói khá quen thuộc với chúng ta ngày nay là: "người dân nào, chế độ đó". Vậy là đã rõ, lý tưởng dân





chủ, quan điểm về QH từ xưa vẫn dựa trên ý kiến tập thể, số đông và những quyền căn bản của con người.

Đọc lại kinh Phật, chúng ta ghi nhận một cuộc đàm thoại giữa Đức Phật và Ananda được ghi trong Mahā Parinibbāna Sutta (*Kinh Đại Niế-bàn*), Dīgha Nikāya (*Trường Bộ*), trong đó Đức Phật dạy người Vajjian bảy điều để ngăn ngừa quốc gia khỏi suy đồi. Ngỏ lời với Ananda, Ngài nói: *"Này Ananda, con có nghe rằng người dân Vajjian thường xuyên và đều đặn gặp nhau trong những buổi họp mặt không?"* "Vâng, Bạch Đức Thế Tôn, con có nghe như vậy". *"Này Ananda, ngày nào người Vajjian còn đều đặn và thường gặp nhau trong những buổi họp mặt, thì họ sẽ còn hưng thịnh và không suy đồi. Con có nghe rằng những người Vajjian họp mặt và giải tán ôn hòa thuận thảo và làm tròn nhiệm vụ trong tinh thần đoàn kết không?"* "Bạch Đức Thế Tôn, con có nghe như vậy". *"Này Ananda, ngày nào mà người Vajjian họp mặt và giải tán ôn hòa thuận thảo và làm tròn nhiệm vụ trong tinh thần đoàn kết thì họ sẽ còn hưng thịnh, không suy đồi"*. Phải chăng đó là một hình thức dân chủ mới vào thời ấy khi thần dân những quốc gia ở Ấn Độ đang sống trong chế độ chuyên chế phong kiến, luôn tôn thờ quốc vương (rāja). Dấu sao, điều này không ngăn cản Đức Phật nêu những tư tưởng dân chủ của mình. Quan điểm ấy bộc lộ ngay trong kinh *Pháp Cú*, Dhammapada:

*"Tất cả các trạng thái tâm đều do tâm dẫn đầu  
Như người lãnh đạo; và do tâm tạo tác"*.

Đức Phật không bao giờ áp đặt tư duy của mình lên kẻ khác, can thiệp vào quyền tự do tư tưởng của họ vì

đó là quyền của mỗi cá nhân từ lúc ra đời. Cưỡng bách người ta phải suy nghĩ trong cùng "một chiếc hộp" với mình, trong cùng tư duy với giới lãnh đạo một cách thiếu thuyết phục là việc tệ hại nhất, dù ở xã hội theo hình thức nào.

Tự do của tâm thức hướng đến khung trời dân chủ là những ước mơ không chỉ riêng người Phật tử, mà của toàn nhân loại xưa nay. Trong kinh điển Phật giáo có những bài giảng chỉ rõ một nhà trị dân phải như thế nào để lãnh đạo quần chúng. Kể ra sau đây là mười bốn phạm hạnh hay nguyên tắc chỉ đạo cho một vị vua: rộng lượng bố thí, giới đức, hy sinh hay không vị kỷ, thanh liêm, hiền hòa, không xa hoa phung phí, sống tự chế, không nóng giận, không hung bạo, nhẫn nại và dễ mến (*Jātaka, Túc sanh truyện*). Nên lưu ý tính từ "dễ mến" vì nó nhằm nói đến sự gần gũi và biết lắng nghe, tôn trọng ý muốn của dân. QH ở mức thấp hơn vua hay người lãnh đạo cao nhất nhưng là những đại biểu của dân lại càng cần phải gần dân hơn ai hết. Đức Phật từng răn dạy nhà cầm quyền trị dân phải tự mình hoàn thiện đạo đức, nhiệt tâm và giữ lòng chánh trực, cố tránh những thói hư tật xấu, làm gương lành để dẫn dắt dân chúng.

Đại đế Asoka của Ấn Độ được xem là nhà trị dân công minh, sáng suốt hơn cả trong các triều đại quân chủ thể hiện qua những sắc lệnh của ông:

*"Tất cả thần dân là con của tôi"*.

*"... Tôi phải là niềm an ủi cho thế gian. Nơi tôi thế gian phải cảm nhận hạnh phúc, không phải sầu muộn"* (Sắc lệnh I).

*“Không có nhiệm vụ nào cao cả hơn là nhiệm vụ tạo hạnh phúc cho toàn thể thế gian”.*

*“Tôi phải hoạt động vì sự tốt đẹp của toàn thể thế gian” (Sắc lệnh II).*

Cố Thủ tướng Ấn Độ, Jawaharlal Nehru, từng phát biểu trước QH Ấn Độ: *“Tôi có đủ đức tin để khấu đầu đảnh lễ khi được nhắc đến tên Đức Phật. Con đường mà Đức Phật và Asoka đã chỉ vạch không thể bị bỏ quên, và vẫn còn lưu lại trong những tâm hồn quốc gia Ấn Độ. Trong thời của chúng ta, Mahatma Gandhi cũng noi theo con đường ấy, và noi theo con đường ấy, uy tín và sức mạnh của quốc gia mới tăng trưởng. Nếu có vấn đề cần phải được xem xét, chúng ta phải xem xét một cách ôn hòa và dân chủ, theo đường lối mà Đức Phật dạy”.* Con đường ấy là gì? Hãy nghe Hòa thượng Piyadassi giải thích: *“... nhiều người có thể ngạc nhiên, biết rằng hơn hai ngàn năm trăm năm về trước hội nghị của những người Phật tử có đủ những thủ tục, những nghi thức thực hành, chánh yếu cho Quốc hội của chúng ta ngày nay. Phẩm giá của Quốc hội được bảo tồn do sự chỉ định một viên chức đặc biệt - thay bào mà ngày nay nở sanh ra vị ‘Chủ Tịch’ Quốc hội (Mr. Speaker) của chúng ta... Một hội viên để khởi chương trình nghị sự dưới hình thức kiến nghị rồi mở cuộc thảo luận. Trong vài trường hợp, điều này chỉ làm một lần, trong những trường hợp khác phải lặp lại ba lần, như vậy đã đi trước thủ tục của Quốc hội, buộc phải đọc quyết nghị ba lần mới trở thành luật. Nếu cuộc thảo luận cho thấy có những quan điểm bất đồng, vấn đề phải được quyết định bằng cách bỏ phiếu, thiểu số phục tùng đa số.”* (Piyadassi *“The Spectrum of Buddhism”* Trung tâm Narada, Seattle, Hoa Kỳ, xuất bản, 1995).

### **Để có những công dân dân trí tuệ và đức hạnh**

QH mong có những công dân thông thái hay trí tuệ chưa đủ. Họ còn phải là những công dân “đức hạnh” theo nghĩa đặt quyền lợi quốc gia lên trên lợi ích cá nhân. Nhưng họ phải được sống và hoạt động trong một xã hội dân chủ, nếu không, sự thông thái của họ sẽ trở thành bị kịch cho chính họ khi biết mà không

được nói hay nói mà chẳng ai nghe, hay thực thi, chưa kể nói ra còn có tội.

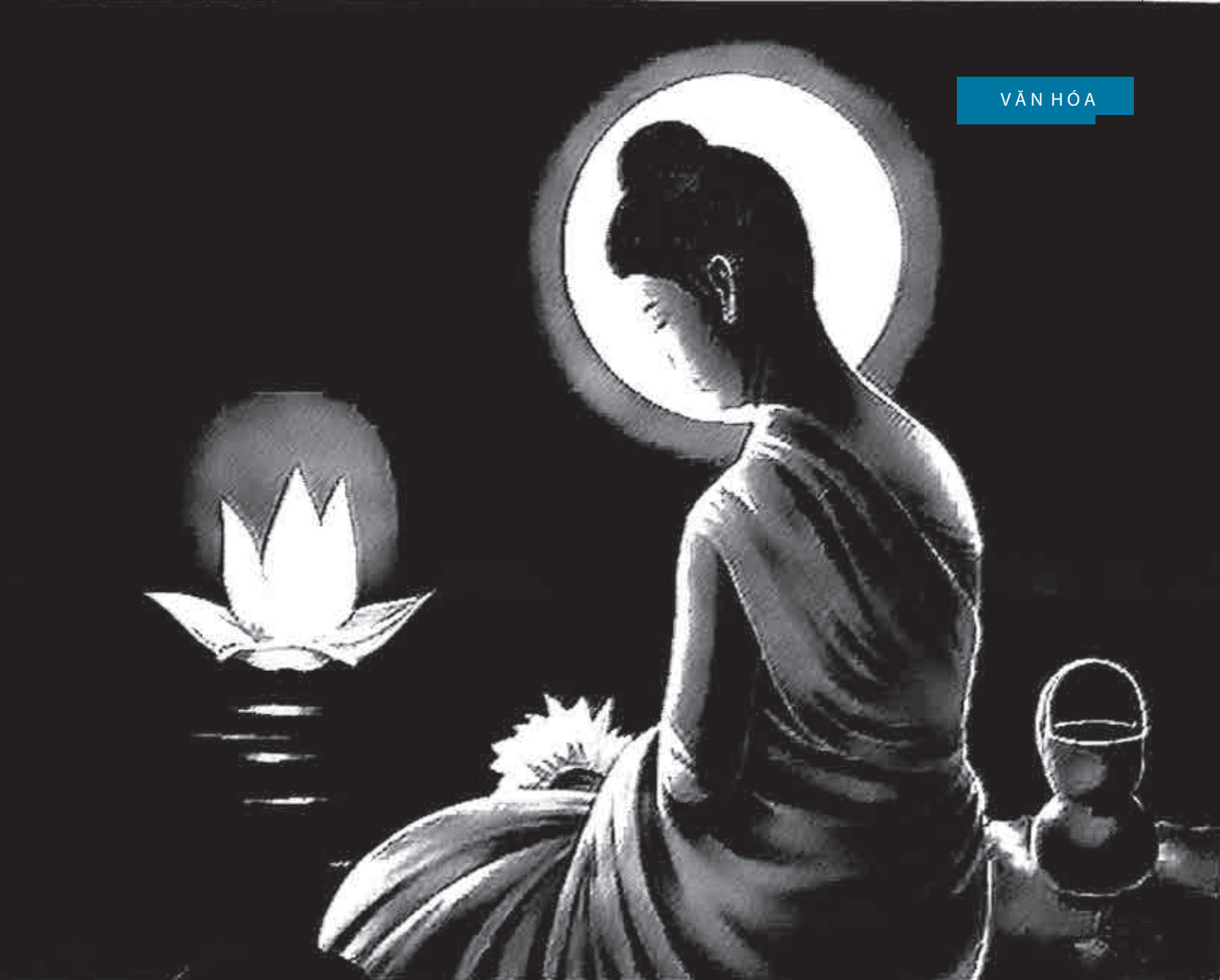
Trong xã hội dân chủ sơ khai, con người đã cùng nhau làm chủ, cùng chiếm hữu tư liệu sản xuất và sản phẩm làm ra, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, cùng lao động. Tuy nhiên, từ khi có nhà nước tới nay, xã hội dân chủ sơ khai thơ mộng ấy chưa có ngày trở lại... Theo Karl Marx, hình ảnh tương lai sẽ là một xã hội hiện thực, không có cửa riêng, không còn giai cấp, không còn nhà nước, sức sản xuất phát triển tới mức “làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”. Con người sẽ sống trong bầu không khí dân chủ và bình đẳng, tự do làm chủ thiên nhiên, xã hội và làm chủ bản thân mình. Đó là mơ ước tương lai; và liệu con đường đó mãi mãi chỉ là ước mơ hay sẽ là hiện thực thì hoàn toàn tùy thuộc vào việc làm thế nào để xây dựng một xã hội thực sự dân chủ. Nhưng nhiều người ngộ nhận là cứ đập tan sự thống trị của cái gọi là chủ nghĩa đế quốc, thực dân, thiết lập được chính quyền mới thì đã hoàn tất cuộc đấu tranh cuối cùng, đã có một đời sống hoàn toàn bình đẳng, dân chủ và tự do. Để xây dựng thể chế dân chủ thì vấn đề cơ bản, quan trọng nhất là làm sao thực hành dân chủ. Chỉ có thực hành dân chủ mới có thể biến các quan niệm dân chủ trong các lời tuyên bố thành dân chủ thực tế. Để thực hành dân chủ đòi hỏi phải giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức về văn hóa dân chủ cho tất cả mọi người từ lãnh đạo xuống thường dân. Nâng cao *dân trí* đặc biệt về lãnh vực hiểu biết quyền tự do và pháp luật, đặc biệt là nâng cao *quan trí* để tầng lớp lãnh đạo hiểu rõ vai trò “công bộc” của họ, không còn là khẩu hiệu vì “Nước ta là nước dân chủ, mọi người có quyền làm, có quyền nói”. Tất cả các cơ quan nhà nước phải tôn trọng các quyền dân chủ ấy của người dân. Những sự việc hệ trọng phải lấy ý kiến dân, thông qua quốc hội, như cải cách giáo dục, làm sân bay, xây đường cao tốc, quyết sách về giá tiện nghi như điện hay nước... không thể tùy tiện như một số việc hiện nay: giá xăng dầu, giá sữa, giá thuốc, phí cầu đường... Dân được trang bị kiến thức pháp luật, biết sống và làm việc theo tinh thần “thượng tôn pháp luật”, giám sát các cơ quan hành pháp, nêu tiếng nói qua đại biểu QH. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói “quan tham vì dân đại”. Nếu dân không “dại” mà thông thái thì... thế nào nhỉ? Thực hành dân chủ sẽ chống lại có hiệu quả tình trạng cửa quyền, bức hiếp dân đen, và nhất là ngăn chặn tệ tham nhũng...

Đến ngày ấy sẽ không còn ai trách các ĐBQH là xa dân, là “ai cũng hiểu chỉ một người không hiểu”<sup>1</sup> và những kiến nghị, mong muốn của cử tri không rơi vào quên lãng theo kiểu “Mỗi lần đi (họp), mang đến lại mang về”<sup>1</sup>. ■

1. Bài hát “Phượng hồng” của Vũ Hoàng, phổ thơ Đỗ Trung Quân.







# Tiến trình phát triển Phật giáo

TRẦN QUANG THUẬN

**N**ói đến tiến trình phát triển Phật giáo là nói đến lộ trình diễn tiến của Phật giáo từ lúc Phật nói bài pháp đầu tiên sau khi thành đạo cho đến bây giờ, suốt thời gian trên hai mươi lăm thế kỷ; là nói đến nơi Phật thuyết pháp lần đầu tiên cho nhóm Kiều-trần-như ở vườn Lộc Uyển cho đến bây giờ, trải qua một không gian rộng lớn từ lưu vực sông Hằng ở vùng c Ấn Độ, đến

miền Tây, vượt khỏi biên thùỳ Ấn Độ, đến Hy Lạp, Ai Cập, qua những sa mạc mênh mông, những dãy núi cao vòi vọi, những đồng bằng bát ngát, từ Trung Á đến Trung Quốc, Việt Nam, Tây Tạng, Đại Hàn, Nhật Bản, xuống Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cao Miên, Mã Lai, vượt Địa Trung Hải đến Âu châu, vượt Thái Bình Dương đến Úc châu, Mỹ Quốc. vượt Ấn Độ Dương đến Phi châu, vượt Đại Tây Dương đến Trung Mỹ, Nam Mỹ.



Nói đến lộ trình là nói đến những đoạn đường bằng phẳng, đầy hoa thơm cỏ lạ, dân cư đông đúc, hiền hòa vui vẻ, kinh tế phồn thịnh, văn hóa rực rỡ; là nói đến những đoạn đường gồ ghề khúc khuỷu, lên thác xuống ghềnh, dân chúng khổ sở, nghi kỵ, hung bạo; là nói đến những đoạn đường xuyên qua núi tuyết, đồng cỏ mênh mông, dân cư thưa thớt; là nói đến những đoạn đường băng qua sa mạc hoang vu, không có bóng người...

Trong tiến trình phát triển, Phật giáo đã đi qua những đoạn đường đó. Ta hãy xem Phật giáo đã được đón nhận như thế nào, tô điểm những đoạn đường đó như thế nào; Đức Phật, các bậc thánh Tăng đã hoằng truyền đạo pháp bằng phương thức nào, đem lại mức độ thành quả ra sao.

Nghiên cứu lộ trình phát triển Phật giáo, các học giả Trung Hoa chia làm năm thời kỳ (Ngũ thời Thuyết giáo), chư Tổ dựa vào tín tâm và thành quả chia làm ba thời kỳ (Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp). Ở đây, chúng tôi căn cứ vào bối cảnh lịch sử, địa dư, phát triển tông phái... chia làm bốn thời kỳ. Cách phân chia thời kỳ một cách tổng quát như thế này chỉ có giá trị tương đối; vì trên thực tế, ranh giới thời kỳ chồng chất lên nhau, có tính cách máy móc, không hoàn toàn xác đáng. Bốn thời kỳ ấy là:

1. Thời kỳ I có thể đặt tên là Thời kỳ Phật giáo Nguyên thủy, thời kỳ Phật tại thế cho đến Đại hội Kết tập II, sau khi Phật nhập Niết-bàn 100 năm.

2. Thời kỳ II từ sau Đại hội Kết tập II đến Đại hội Kết tập III, thời Phật giáo Bộ phái, từ năm 100 đến năm 400 sau khi Phật nhập Niết-bàn. Trong thời kỳ này Phật giáo lúc đầu chia làm hai bộ phái: Trưởng lão bộ và Đại chúng bộ, sau biến thành hai mươi phái, thuộc Tiểu thừa Phật giáo với Thượng tọa bộ lấy Sri Lanka làm trung tâm, thuyết Nhất thiết hữu bộ lấy Kashmir làm căn cứ địa và Đại chúng bộ lấy Mathura làm địa điểm chính.

3. Thời kỳ III từ sau Đại hội Kết tập III đến thế kỷ thứ XII, thời Phật giáo Thượng tọa bộ phát triển ở phương Nam, thời Phật giáo Đại thừa, Mật giáo, Kim Cang thừa xuất hiện ở phương Bắc, đồng thời sự vắng mặt dần dần của Phật giáo tại xứ Phật.

4. Thời kỳ IV, thời kỳ Phật giáo suy thoái từ thế kỷ thứ XIII đến thế kỷ thứ XIX và thời kỳ phục hưng từ cuối thế kỷ thứ XIX cho đến nay.

Trên phương diện địa dư, thời kỳ I, Phật giáo đóng khung trong lãnh thổ Ấn Độ, đặc biệt dọc theo đồng bằng sông Hằng. Thời kỳ II, Phật giáo truyền khắp lãnh thổ Ấn Độ. Thời kỳ III, Phật giáo trở thành quốc giáo tại Ấn Độ, trở thành một tôn giáo hoàn vũ, truyền đến các nước vùng Cận Đông, Đông Á, Viễn Đông, đặc biệt tại Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Cao Miên, Lào, Mã Lai, Nam Dương, Trung Quốc, Việt Nam, Tây Tạng, Đại Hàn, Nhật Bản. Thời kỳ IV, Phật giáo không còn ngự trị trên đất Ấn, một phần vì sự xâm lăng của Hồi giáo từ thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ thứ XII, Tăng Ni bị giết, các trung tâm Phật giáo như Nalanda, Vikramashila, Odantapura... bị thiêu hủy; phần khác, muốn phổ cập Phật đạo giữa nhân gian, Phật giáo sử dụng quá nhiều biểu tượng và nghi lễ Ấn Độ giáo, bị Ấn Độ giáo cải cách tiếm dụng, làm mất đặc tính của mình. Vào cuối thế kỷ thứ XII, Phật giáo bị Ấn Độ giáo đồng hóa, chỉ còn lại vài trung tâm biệt lập ở Magadha, Bengal, Orissa, Nam Ấn Độ; nhưng Phật giáo lúc này đã tràn đến các nước khác ở Á châu để rồi từ đó đến Âu châu và Mỹ châu.



Trên phương diện giáo lý, thời kỳ I, thời đại Phật giáo Nguyên thủy, những lời thuyết pháp của Phật đều trực tiếp, minh bạch, dễ hiểu, không có gì khúc mắc, bí ẩn. Mục đích Phật nói pháp không nhằm vào việc trao truyền trí thức cho hàng đệ tử, không bắt họ cố thủ giáo điều. Mục đích chính của Ngài là chuyển mê khai ngộ.

Ở thời kỳ II, thời Phật giáo Bộ phái, thời A-tỳ-đạt-ma (A-tỳ-đàm: Abhidhamma) thì mọi vấn đề đều được định nghĩa, phân loại, rồi đứng trên lập trường, trên góc độ khác nhau để thuyết minh (Chư môn Phân biệt), như Phật Âm (Buddhaghosa) nhận định: “*Trong Kinh, Ngũ Uẩn được giải thích một cách tổng hợp, trong A-tỳ-đàm thì dùng Kinh, Luận, Vấn đáp để thuyết minh một cách chi ly. Thập nhị xứ, Thập bát giới, Tứ đế... cũng thế*”. Đây là thời kỳ Phân tâm học Phật giáo phát triển mạnh, đi sâu vào bản thể (Svabhava).

Trong thời kỳ I, thời Phật giáo Nguyên thủy, Đức Phật và hàng đệ tử thân tín của Ngài khi quan sát bất kỳ vấn đề gì đều lấy con người làm tiêu chuẩn và hướng đến thực hiện lý tưởng, chứ không phải quan sát để quan sát, lý luận để lý luận. Do đó, những vấn đề như thế giới là hữu biên hay vô biên, thể xác và linh hồn là hai hay là một... Phật giữ im lặng. Chủ đích của Phật là làm cho những người nghe pháp cũng được giải thoát như chính Ngài. Vì vậy, vấn đề gì không trực tiếp đưa đến việc thực hiện giải thoát Niết-bàn, thì dầu vấn đề ấy có hấp dẫn mấy chăng nữa, Phật cũng không chú ý lắm, không bỏ thì giờ lãng phí luận bàn. Danh từ Phật học gọi là hý luận, lý luận mà chơi, lý luận để làm thỏa mãn sự tò mò, lý luận để chứng minh mức độ hiểu biết. Phật cứu chúng sinh gấp rút như cứu người bị tên độc bắn. Việc trước mắt là phải chữa trị vết thương không cần tìm hiểu mũi tên từ đâu bắn tới, do ai bắn, tại sao bắn... Phật khuyên hàng đệ tử đừng bắt chước các Takki, các nhà ngụy biện đương thời mãi mê lý luận mà quên thực tế. Không vì lý luận mà nghiên cứu lý luận, không vì tư biện mà nghiên cứu tư biện như Áo nghĩa thư (Upanishads, Nhất Nguyên luận), Số luận (Samkhya, Nhị nguyên luận), Thắng luận (Vaisesika, Tự nhiên luận) đương thời, mà lý luận hay triết học phải được thực tế hóa. Do đó, vũ trụ quan của Phật giáo là lấy nhân sinh quan làm chủ điểm; và nhân sinh ở đây, chân tướng của nó không phải là một giả tướng hình nhi thượng Phạm (Brahma), Thần (Shiva, Vishnu). Phương pháp khảo sát của Phật không xuất phát từ hình nhi thượng học mà có thể nói là khoa học, không phải diễn dịch mà quy nạp, đặt nặng hiện tượng hơn bản thể, sinh diệt hơn trường cửu (Xem *Tiểu thừa Phật giáo Tư tưởng luận*, tr. 21-23, *Nguyên thủy Phật giáo tư tưởng luận*, tr. 74-79, bản dịch Thích Quảng Độ).

Trong thời kỳ II lấy những lời thí dụ của Phật làm luận chứng. Thí dụ, trong *Tạp A-hàm* quyển 38, Đại

Tạng 2, tr. 278, phần hạ, Phật thường nói “*Không một hương thơm nào có thể bay ngược gió, duy chỉ có hương thơm của sự giữ giới thanh tịnh, dù thuận hay nghịch, không nơi nào không bay tới*”. *Câu-xá luận* quyển 11 cho rằng hương dù ngược gió cũng có sức xông tới. Hương ở đây không còn là hương thơm thông thường xuất phát từ hoa, lá, hương trầm... mà là hương của giải thoát, giác ngộ. Từ đó, vấn đề gì cũng được đặt ra và cố gắng giải đáp: Tại sao núi cao, biển rộng, tại sao động vật đi ngang mà người đi dọc... Ở đây, ta thấy lời dạy của Phật được hiểu theo ý hơn là theo lời. Văn tự, ngôn thuyết chỉ là phương tiện chứ không phải cứu cánh, một đoạn đường khá xa mà chư Tổ đã đạt được trong tiến trình phát triển Phật giáo. Chính từ khởi điểm này mà giáo lý Phật được diễn dịch, được thâm nhập từ nhiều góc độ khác nhau: bậc thượng căn hiểu theo thượng căn, bậc trung căn theo trung căn, bậc hạ căn theo hạ căn; giống như cây cỏ tùy theo khả năng mà chứa đựng hay thọ nhận nước mưa. Chúng sinh tùy theo căn cơ thọ nhận pháp vũ.

Trong thời kỳ I, thời Phật giáo Nguyên thủy, tâm là chủ yếu và phương pháp nắm bắt tâm là quan sát duyên khởi, một tức hết thấy, hết thấy là một. Nhưng vào thời kỳ II, thời Phật giáo Bộ phái, thời Phật giáo A-tỳ-đàm thì chủ yếu là thuyết minh sự thật. Trong thời kỳ I, Kinh, Luật là quan trọng; trong thời kỳ II, Luận là chủ yếu.

Trong thời kỳ II, vào khoảng 100 năm sau Phật nhập diệt, Phật giáo Nguyên thủy bắt đầu chia thành hai bộ phái: Trưởng lão bộ và Đại chúng bộ. Thật ra, trong thời kỳ Phật còn tại thế, khuynh hướng phân hóa đã xuất hiện qua vụ tranh chấp giữa chư tăng tại Kiều-thượng-di (Kausambi) và vụ Đề-bà-đạt-đa vào hạ năm thứ 36 sau khi Phật thành đạo, nhưng nhờ đức độ của Phật quá vĩ đại nên sự thống nhất của Tăng-già vẫn được duy trì. Sau khi Phật nhập diệt trong vòng 100 năm, nhờ đức độ của các bậc Trưởng lão nên Giáo đoàn vẫn không bị tan rã. Nhưng sau 100 năm, sức cảm hóa của các bậc Tôn túc ngày một suy giảm, sự giải thích Giáo nghĩa (Kinh) và Giới luật (Luật) có nhiều điểm bất đồng, vì Phật giáo đã lan rộng đến nhiều địa phương, chịu ảnh hưởng văn hóa, phong tục, tập quán, phong thổ địa phương, mà Phật giáo lại không có những định chế cần thiết và thỏa đáng để giải quyết dị đồng, nên đi đến phân hóa; biểu lộ trên bình diện Giới luật có mười điểm dị biệt gọi là Thập sự phi pháp, trên bình diện Giáo Lý có năm điều liên quan đến quả vị A-la-hán, gọi là Ngũ sự. Đại hội Kết tập II được triệu tập để san định Tam tạng, đồng thời giải quyết những dị biệt. Đại hội không mang lại kết quả mong muốn nên chia làm hai bộ phái: Trưởng lão bộ họp tại Phệ-xá-ly với 700 đại Tăng thuộc Trưởng lão bộ tham gia; một đại hội khác được tổ chức tại Ma-kiệt-đà do hàng đại Tăng thuộc Đại chúng bộ tham gia.

Vào khoảng 200 năm sau Phật nhập diệt, theo *Dị bộ Tôn luận luận*, từ Đại chúng bộ phát sinh tám phái. Vào khoảng từ 300 đến 400 năm sau Phật nhập diệt, từ Trưởng lão bộ phát sinh mười phái; tổng cộng là hai mươi phái nếu kể luôn cả hai giáo phái chính là Trưởng lão bộ và Đại chúng bộ. Đây là cách phân loại của phái Thuyết Nhất thiết hữu gọi tắt là Hữu Phái. Theo số phân loại của phái Thương tọa của Tích Lan (Trưởng lão bộ khi truyền đến Tích Lan trở thành Thương tọa bộ của Nam phương) thì Thương tọa bộ gồm mười một phái, Đại chúng bộ gồm năm phái, tổng cộng là mười tám phái nếu kể luôn Thương tọa bộ và Đại chúng bộ.

Phật giáo Bộ phái

(Theo *Dị bộ Tôn luận luận* của Thuyết Nhất thiết Hữu Bộ)

Đại chúng bộ (Mahasanghika) sau Phật nhập diệt chừng 200 năm, phát xuất các giáo phái sau:

1. Nhất Thuyết bộ (Ekavyavaharika); 2. Thuyết Xuất thế bộ (Lakattaravadina); 3. Kế Dận bộ (Khôi Sơn trụ bộ, Kaukkutika); 4. Đa văn bộ (Bahusrytiyaka); 5. Thuyết Giả bộ (Phân Biệt Thuyết bộ, Prajnapativadina); 6. Chế Đa Sơn bộ (Caityasaila); 7. Tây Sơn thụ bộ (Aparasaila); 8. Bắc Sơn thụ bộ (Uttarasaila).

Trưởng lão bộ (Sthavira) sau trở thành Tuyết sơn bộ (Haimavara), sau Phật nhập diệt chừng 300-400 năm, phát xuất các giáo phái sau:

1. Thuyết Nhất thiết hữu bộ (Sarvastivada), còn gọi là Thuyết Nhân bộ (Hetuvada); 2. Độc tử bộ (Vatsiputriya); 3. Pháp thượng bộ (Dharmottariya); 4. Hiển vũ bộ (Bhadrayaniya); 5. Chính lượng bộ (Sammitiya); Mật lâm sơn bộ (Sandagirika); 7. Hóa địa bộ (Mahisasaka); 8. Pháp tạng bộ (Dharmaguptaka); Ẩm quang bộ (Kasiyapiya) còn gọi là Thiện tuệ bộ (Suvarsaka); 10. Kinh lượng bộ (Sautrantika) còn gọi là Thuyết chuyển bộ (Samkrantivada).

Theo Đảo sử Tích Lan

Từ Thương tọa bộ phát xuất:

1. Bạt Xà Tử bộ (Độc Tử bộ); 2. Chính Lượng bộ; 3. Mật lâm sơn bộ (Lục thành bộ); 4. Hiển thừa bộ; 5. Pháp thượng bộ; 6. Hóa địa bộ; 7. Pháp tạng bộ; 8. Nhất thiết hữu bộ; 9. Ca diếp bộ (Ẩm quang bộ); 10. Thuyết chuyển bộ. 11. Kinh lượng bộ.

Từ Đại chúng bộ xuất phát:

1. Chế đa sơn bộ; 2. Nhất thuyết bộ; 3. Ngưu tôn bộ (Kế dận hay Khôi sơn trụ bộ); 4. Thuyết Giả bộ; 5. Đa văn bộ.

Ngoài 18 bộ trên, Đảo sử Tích Lan còn đề cập đến sáu phái của Tuyết sơn bộ (Thương tọa bộ), đó là:

- a. Ấn-đa-lạt; b. Vương sơn; c. Nghĩa thành; d. Đông sơn; e. Tây sơn; f. Tây sơn Vương.

Nói một cách tổng quát, hệ thống Thương tọa bộ có khuynh hướng bảo thủ, duy trì và bảo vệ truyền thống; hệ thống Đại chúng bộ thì lấy lý tưởng hay chủ đích làm

phương châm. Tuy nhiên, nếu đi sâu vào chủ trương của các phái, chúng ta thấy có những phái thuộc Thương tọa bộ lại rất cấp tiến như Hữu phái, có những phái thuộc Đại chúng bộ lại rất bảo thủ như Đa văn bộ. Mỗi hệ thống bộ phái đều có Tam tạng kinh điển riêng. Tam tạng của hệ thống bộ phái Nam phương của Tiểu thừa viết bằng tiếng Pali còn được bảo trì nguyên vẹn; còn Tam tạng của hệ thống bộ phái Bắc phương của Tiểu thừa viết bằng chữ Sanskrit, phần nhiều của Hữu phái, vì chiến tranh, vì ngoại xâm chủ trương tiêu diệt kinh, tượng, chùa chiền Phật giáo, nên không còn nguyên vẹn, chỉ còn dịch bản Trung Hoa, Tây Tạng.

Thời kỳ III từ đại hội Kết tập III đến Đại hội Kết tập IV và về sau, từ thế kỷ III trước kỷ nguyên đến thế kỷ XII sau kỷ nguyên, đánh dấu sự phát triển của Nam phương Phật giáo, sự xuất hiện của Đại thừa, Mật thừa, Kim cang thừa, sự suy thoái của Phật giáo Ấn Độ tại đất Phật.

Trong thời kỳ II, chư Tổ đi sâu vào bản thể, con đường giải thoát chỉ có thể đạt được nếu chứng đắc, thể hiện bản thể chân như, tự tánh thanh tịnh. Thời kỳ III, hướng về vũ trụ, vạn hữu, thời kỳ của Đại thừa. Ánh sáng giác ngộ dựa vào sự hòa hợp, dung nạp giữa con người với vũ trụ, đồng thời sử dụng những phương thức cổ truyền phù phép để đạt được mục tiêu bí ẩn, thời kỳ của Mật tông, của Kim cang thừa.

Thời kỳ IV từ thế kỷ XIII đến nay, thời kỳ Phật giáo suy thoái sau thế kỷ thứ XV đến XVIII và thời kỳ Phật giáo phục hưng từ cuối thế kỷ XIX đến nay, thời kỳ Phật giáo lan truyền đến Âu, Mỹ, Úc, Phi châu; thời kỳ của Cách mạng Kỹ nghệ, Cách mạng Chính trị, Cách mạng Văn hóa, Cách mạng Tin học, Thành thị hóa, Chuyên môn hóa, Hoàn cầu hóa, Thời kỳ Khủng bố, Hiểm họa Nguyên tử.

Thời kỳ IV, tinh thần Phật giáo đi sâu vào văn hóa dân tộc để trở thành nền tảng văn hóa, xã hội của những quốc gia chịu ảnh hưởng Phật giáo, hứng chịu thử thách của những cuộc cách mạng dồn dập tới và đương đầu với những nền văn minh xa lạ.

Trên phương diện chứng đắc, quan niệm giác ngộ, mẫu người giác ngộ của từng thời kỳ không giống nhau. Thời kỳ I, con người lý tưởng, bậc thánh nhân lý tưởng A-la-hán, không còn đắm trước trần thế, hoàn toàn cách biệt trần thế, không còn lặn lội trong cảnh ta-bà, luân hồi sinh tử. Thời kỳ II, mẫu người lý tưởng là Bồ-tát, vị đạo sư tình nguyện độ tận chúng sinh trước khi chứng thành Phật quả. Thời kỳ III, mẫu người lý tưởng là Siddha, vị tôn sư hòa hợp với vũ trụ, vạn hữu, không đối nghịch, không phân cách, có thể điều khiển nội lực và tha lực, điều khiển sức mạnh tâm linh bên trong, sức mạnh vũ trụ bên ngoài theo sở nguyện. Mẫu người lý tưởng của thời kỳ IV là anh hùng dân tộc, hòa mình với nhịp sống nhân gian, thiên nhiên về xã hội hơn là nếp sống phản tình nội tâm. ■



# Có những ông nghè không đỗ Tiến sĩ

VÕ HƯƠNG - AN

**T**rong tập hồi ký *Thượng Tứ ngày xưa, nhớ nhớ... quên quên*, đọc thấy có đoạn Quế Chi Hồ Đăng Định viết:

“Cái thằng bạn thứ hai là thằng Rô, con bác Nghè Đãi, mở tiệm bán thuốc Bắc hiệu Phước Thọ Đường, bác gái mạ hần thì chuyên cầm đồ thượng vàng hạ cám. Tôi cứ thắc mắc mấy chục năm ni mà chưa có dịp hỏi hần... Là thường thường ai đậu Tiến sĩ mới được kêu là ông Nghè, rứa thì ba hần đậu cái chi mà cũng cứ gọi là ông Nghè?... Cũng tương tự như vậy, trong xóm tôi, ngã đầu Hậu Bỏ, cũng có bác Nghè Quế, thợ may, bạn của ba tôi, không biết có Tiến sĩ không???” (tr.43).

Tôi tin rằng dẫu Quế Chi có gặp lại người bạn cũ tên Rô mà nêu thắc mắc này thì cũng không mấy hy vọng có lời giải đáp, bởi chuyện nghe và thấy sờ sờ mà không đơn giản. Tôi có một ông anh rể, lấy bà chị con ông bác. Ông anh này đầu quân vào ngạch công chức

Nam triều. Tôi nhớ khi anh bắt đầu sớm vác ô đi tối vác về thì mẹ tôi dặn từ nay phải gọi bằng anh Thừa – sau mới biết là gọi tắt của hai chữ Thừa phái, là hạng công chức Nam triều mới tuyển dụng, đang còn ở giai đoạn tập sự công việc hành chánh. Vài năm sau, lại nghe mẹ tôi đổi kêu là anh Nghè, và bảo anh em chúng tôi cũng gọi như thế, vì “anh Thừa mới lên chức”. Trẻ con biểu sao nghe vậy; cho đến khi đi học, nghe thầy giảng rằng người đỗ Tiến sĩ mới được gọi là ông Nghè, bèn nghĩ trong bụng: mình có ông anh rể oai thiệt. Lớn lên, mới biết có những ông Nghè không cần đỗ Tiến sĩ, và họ cũng không phải loại *Tiến sĩ giấy*, như trong một bài thơ châm biếm của Nguyễn Khuyến:

*... Cũng cò, cũng biển, cũng cán đai,  
Cũng gọi ông Nghè có kém ai...*

Ngoài vụ những ông Nghè như thế, tôi còn thấy trong xã hội ta ngày trước (nhất là thời trước 1945),

có những ông quan mà không phải quan. Chẳng hạn ông già vợ của bạn tôi thường được mọi người kêu là ông Hường K. Tôi đình ninh chắc ông cụ hồi trước có làm quan, đến chức Hường (Hồng) lô Tự khanh nên mới được gọi như thế. Sau mới biết ông cụ vốn là y tá thượng hạng hưu trí của ngạch Bảo hộ. Lại một ông khác, vốn là Phán sự Tòa Khâm sứ Huế, cũng là công chức thuộc ngạch Bảo hộ của Pháp, ban đầu được mọi người trong xóm kêu là ông Phán, nhưng một thời gian lâu sau, lại đổi gọi là ông Hường, dù ông vẫn còn làm việc cho Tòa Khâm và thường mặc Âu phục, chứ chẳng thấy khăn đóng áo dài, bài ngà, gì cả.

Xem ra, việc một người không học hành đỗ đạt gì cả nhưng vẫn được gọi là ông Nghè, hoặc không gia nhập quan trường nhưng vẫn được gọi ông Cử, ông Bá, ông Hàn, và việc một công chức thuộc quyền quản lý của chính quyền Bảo hộ Pháp lại mang chức hàm của triều đình Huế, là một hiện tượng phổ biến trong xã hội Việt Nam dưới thời Pháp thuộc. Có ba con đường dẫn đến hiện tượng đó. Hoặc người đó được *thưởng hàm*, hoặc *mua hàm*, hay *đổi hàm*. Các loại hàm này đều là *hư hàm*, nghĩa là chỉ có cái danh nghe rất kêu, có vẻ trọng vọng, mà không có thực quyền, không có tên trong hệ thống quan lại của Nam triều (triều đình Huế).

Trong hai ông nghè mà Quế Chi nêu ra, tôi nghĩ ông Nghè Quế thuộc loại được thưởng hàm, còn ông Nghè Đãi có thể thuộc loại mua hàm.

Ai đã có lần vào thăm bên trong lăng Khải Định, nơi điện Khải Thành, chỗ thờ vua Khải Định, đều thấy trên trần điện có một bức bích họa rồng mây rất đặc sắc. Đó là tác phẩm “Long vân khế hội” của nghệ nhân Phan Văn Tấn. Nhờ tác phẩm này, ông được thưởng hàm Cử phẩm văn giai, và từ đó người ta gọi là ông Cử Tấn. Đó là một hư hàm, chỉ để vinh danh, chứ ông Cử Tấn không có dự trong quan trường.

Hễ một người dân nào đó có công lao đặc biệt, họ có thể được quan địa phương đề bạt để triều đình thưởng phẩm hàm, và đây là một lệ có từ lâu chứ không phải mới sau này. Tôi nghĩ rằng có thể *bác Nghè Quế* của Quế Chi, khi còn chế độ quân chủ (trước 1945) là một thợ may khéo, từng may áo quần cho Hoàng gia, và cấp trên hài lòng, nên được thưởng phẩm hàm. Đặc biệt, ông lại được thưởng hàm Hàn lâm viện, chắc là Hàn lâm viện Đãi chiếu, trật tòng cử phẩm (9/2), bậc thấp nhất trong quan trường. Theo tập quán thời đó, người nào có hàm Hàn lâm thì được người ta gọi là *ông Nghè* chứ không nhất thiết phải đỗ Tiến sĩ.

Trong tổ chức chánh quyền trung ương của nhà Nguyễn có một cơ quan gọi là Hàn lâm viện, mà nhân sự được bổ dụng vào đó là những người có trình độ văn học cao, xuất thân khoa bảng, hoặc là những *thư thủ*, những *bút thiếp thức* (người viết chữ đẹp) được nhà nước công nhận, vì Hàn lâm viện là cơ quan chuyên soạn thảo những văn bản quan trọng của nhà

vua (các chiếu, dụ, chỉ, sách văn, sắc phong, thư từ ngoại giao v.v...).

Về mặt nhân sự, thấp nhất là Hàn lâm viện Đãi chiếu, ở trật tòng cử phẩm (9/2). Kế đến là Hàn lâm viện Cung phụng, chánh cử phẩm (9/1); Hàn lâm viện Điển bạ (8/2); Hàn lâm viện Điển tịch (8/1); Hàn lâm viện Kiểm thảo (7/2); Hàn lâm viện Biên tu (7/1); Hàn lâm viện Tu soạn (6/2); Hàn lâm viện Trước tác (6/1); Hàn lâm viện Thị giảng (5/2), Hàn lâm viện Thị đọc (5/1); Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ (4/2), Hàn lâm viện Thị đọc học sĩ (4/1). Cầm đầu cơ quan này là Chương viện học sĩ (3/1) và Trực học sĩ (3/1).

Ban đầu, hàm Hàn lâm viện dùng trong việc bổ dụng những người xuất thân khoa bảng, hoặc những người có học, không đỗ đạt nhưng chữ tốt (gọi là *thư thủ*) được tuyển dụng làm thư ký. Chẳng hạn, đời Minh Mạng (1820-1841), đã bổ dụng người đỗ đầu Tiến sĩ làm Hàn lâm viện Tu soạn (6/2), người đỗ thứ ba làm Hàn lâm viện Biên tu (7/1), và cho người viết chữ tốt hạng ưu làm Hàn lâm viện Cung phụng (9/1).

Nhưng từ đời Tự Đức trở về sau, nguyên tắc này trở thành lỏng lẻo, nhất là từ khi có việc tặng hư hàm cho những người có công quyền góp tiền bạc dùng vào quân phí hay chi phí xã hội thì bốn hàm thấp nhất (Đãi chiếu, Cung phụng, Điển bạ, Điển tịch) được đem ra dùng vào việc đổi chức này.

Đầu tiên, lệ năm Tự Đức thứ 16 (1863) định rằng hễ ai có lòng từ thiện, quyền tiền hoặc lúa (qui ra tiền) cho nhà nước để giúp vào việc trợ cấp dân chúng trong lúc khẩn cấp vì thiên tai, dịch bệnh, thì sẽ được thưởng phẩm hàm. Qui định giá cả như sau: Quyền góp 1.000 quan, thưởng Tòng cử phẩm Bá hộ (9/2); 2.000 quan, Chánh cử phẩm (9/1); 3.000 quan, Tòng bát phẩm (8/2); 4.000 quan, Chánh bát phẩm (8/1); 5.000 quan, Tòng thất phẩm (7/2); 6.000 quan, Chánh thất phẩm Thiên hộ (7/1); 7.000 quan, Tòng lục phẩm Thông phán (6/2); 8.000 quan, Chánh lục phẩm Chủ sự (6/1).

Vậy nếu có người chỉ có khả năng quyền dưới 1.000 quan thì sao? Đây là giá biểu: Quyền góp 900 quan, được miễn binh dịch, thuế thân và công ích trong 14 năm; 800 quan, Miễn các khoản trên trong 13 năm; 700 quan, miễn các khoản trên trong 12 năm; 600 quan, miễn các khoản trên trong 11 năm; 500 quan, miễn các khoản trên trong 10 năm; 400 quan, miễn các khoản trên trong 8 năm; 300 quan, miễn các khoản trên trong 6 năm; 200 quan, miễn các khoản trên trong 4 năm; 100 quan, miễn các khoản trên trong 2 năm

Thế nhưng hai năm sau, năm Tự Đức thứ 18 (1865) vì quá cần tiền – do thua trận Pháp và Tây Ban Nha, phải bồi thường chiến phí – giá biểu thấy sụt xuống để quyền được nhiều hơn. Giá căn bản là 800 quan (thay vì 1.000), hễ cứ thêm 1.000 quan thì được lên một trật. Đã thế lại còn mở rộng ra, hễ người ủng hộ có chút học thức hay võ nghệ thì có thể dự một kỳ sát hạch tại Bộ



Lại (cho quan văn) hoặc Bộ Binh (cho quan võ) và nếu đậu thì sẽ được bổ dụng làm quan. Chưa hết, vua còn cho các quan có lỗi, bị cách chức hay giáng cấp được dùng tiền để chuộc lỗi, nghĩa là phục hồi chức vụ cũ. Đúng là cảnh mua quan bán tước. Có lẽ việc mở cửa này đã bị tràn ngập những hệ lụy xấu xa nên qua năm sau, Tự Đức thứ 19 (1866), vua ra lệnh chấm dứt việc đóng tiền làm quan hoặc nạp tiền để khôi phục phẩm hàm; chỉ duy trì việc thưởng hư hàm cho người quyền góp mà thôi, và chỉ quyền góp khi cần, khi có lệnh, chứ địa phương không được tùy tiện mở ra. Xin nhắc lại, *hư hàm* nghĩa là có chức mà không có thực quyền.

Năm Thành Thái thứ 1 (1889) định rằng ai quyền một ngàn quan trở lên, nếu là dân thường thì cho tòng cử phẩm bá hộ, còn ai đã có dự thi cử, nghĩa là có chữ nghĩa, thì cho tòng cử phẩm văn giai (hàm Hàn lâm thuộc văn giai). Cứ quyền hơn 1.200 quan thì gia thêm một bậc. Đối với những người quyền dưới số 1.000 quan thì cứ 60 quan sẽ được miễn binh dịch, thuế thân và công ích một năm.

Tiếng nói rằng “quyên” nhưng thực sự là việc mua phẩm hàm để có chút địa vị trong xã hội, nhất là ở chốn hương thôn. Trong làng xã, dù giàu có bạc vạn mà không có một chút chức vị gì thì vẫn bị coi thường. Họ bị xếp vào loại bạch đình, nghĩa là chân trắng, phải gánh vác mọi nghĩa vụ trong làng, và khi ra chốn đình trung phải đóng vai hầu hạ, điều đóm cho lớp chức sắc “ăn trên, ngồi trước”. Bởi vậy, người ta phải cố chạy cho được một chút phẩm hàm để trở thành ông nọ ông kia, chứ không phải là *anh là thằng* nữa. Những *ông Cửu, ông Bá, ông Nghè*, nếu không xuất thân bằng ngõ quan trường hay trường thường thì chính là hạng mua chức, mua hàm cả.

Đến cái việc *đối hàm* mới là độc đáo, mới thấy người Pháp khi đô hộ nước ta đã tỏ ra rất sành tâm lý dân Việt.

Đối hàm là nguyên tắc cho phép công chức thuộc ngạch Bảo hộ – nghĩa là công chức do chính quyền Bảo hộ Pháp quản trị, điều động và trả lương – được xem là tương đương với phẩm hàm gì bên quan lại Nam triều để được vua Việt Nam ban cho phẩm hàm đó. Đúng về mặt quyền lợi, công chức ngạch Bảo hộ có lương bổng và phúc lợi cao hơn quan lại Nam triều rất nhiều, nhưng tại sao họ lại thích và cần đến cái phẩm hàm đây về phong kiến đó để làm gì?

Tôi đọc ở đâu đó có một “ông Tây” nói rằng trong đầu óc của mỗi người Việt Nam đều có một ông quan, nghĩa là hiếu danh. Dù làm việc cho Bảo hộ quyền lợi có cao hơn nhưng chức danh nghe không oai, không kêu, nếu không nói là có vẻ xa lạ với xóm làng sau lũy tre xanh. Ai có địa vị cũng muốn áo gấm về làng cả, mà làng xóm thì không quen, không trọng nề ông Thông, ông Phán, ông Ký cho bằng quan Hường, quan Thị, quan Lang, do đó, quí vị công bộc ăn lương Bảo hộ nhưng vẫn cần đến cái danh hào mà vinh quang của triều đình. Biết được điều đó, nên để khích lệ tinh

thần phục vụ của nhân viên, người Pháp thỏa thuận với Nam triều về biện pháp đối hàm như là một hình thức tưởng thưởng.

Lệ năm Thành Thái 19 (1907) định rằng những người Việt làm việc cho chính quyền Bảo hộ lúc đến tuổi về hưu, hoặc vì lý do gì đó muốn rời bỏ quan trường, có thể căn cứ vào mức lương bổng để cho phẩm hàm. Tiêu chuẩn đối hàm như sau:

Tham biện hạng nhất ngạch bảo hộ tương đương Chánh tứ phẩm (4/1); Tham biện hạng nhì tương đương Tòng tứ phẩm (4/2); Phán sự, Ký lục hạng nhất tương đương Tòng ngũ phẩm (5/2); Phán sự, Ký lục hạng nhì tương đương Chánh lục phẩm (6/1); Thông sự, Ký sự hạng nhất tương đương Tòng lục phẩm (6/2); Thông sự, Ký sự thứ hai hạng nhất và nhì tương đương Chánh cửu phẩm (9/1); Thông sự, Ký sự thứ hai hạng ba và tư tương đương Tòng cửu phẩm (9/2).

Chánh tứ phẩm thì có thể được các hàm như Hồng (Hường) lô Tự khanh, Lang trung, Thị độ Học sĩ, từ đó có quan Hường, quan Thị, quan Lang.

Tòng tứ phẩm có thể được các hàm như Quang Lộc Tự thiếu khanh, Thị giảng Học sĩ; Chánh ngũ phẩm thì có Hồng lô Tự thiếu khanh, Hàn lâm viện Thị độ, Đốc học, Phó Quản đạo. Tòng ngũ có Hàn lâm viện Thị giảng, Tri phủ. Chánh lục phẩm có Đồng Tri phủ, Tri huyện. Đến như đẳng trật thấp nhất là tòng cửu phẩm cũng có hàm rất kêu là Hàn lâm viện Đãi chiếu để được gọi là ông Nghè.

Kèm theo cái bằng sắc<sup>1</sup> của triều đình còn có áo gấm bài ngà (nếu phẩm hàm cao), ra chốn đình trung trông vẫn oai hơn thầy Ký hay ông Phán, ông Tham mặc đồ tây.

Việc đối hàm này, ban đầu chỉ giới hạn trong ngạch hành chánh khi nghỉ việc, nhưng sau được giới công chức Bảo hộ hoan nghênh nên Pháp mở rộng sang các ngành chuyên môn khác như công chánh, y tế, giáo dục, và vào bất cứ lúc nào đương sự bày tỏ nguyện vọng muốn được đối hàm. Bởi vậy một ông y tá hay một ông giáo về hưu, có thể có phẩm hàm đã đành, mà một ông Phán sự đang làm việc tại dinh Công sứ cũng có thể có phẩm hàm và bài ngà, nếu hợp lệ. Nam Kỳ lúc bấy giờ là thuộc địa của Pháp, không có chế độ đối hàm như ở Trung và Bắc Kỳ, và mặc dầu đã thiết lập một hệ thống viên chức mới để giúp việc cai trị, họ vẫn chấp nhận cách gọi cũ, ít ra cũng trong thời gian đầu, như Tổng đốc (Tổng đốc Phương, Tổng đốc Lộc), Phủ (Tôn Thọ Tường), Huyện (Huyện Cửa, Huyện Sĩ), vì biết dân Việt sinh gọi như thế. Cụ Vương Hồng Sển trong hồi ký *Hơn nửa đời hư* có kể chuyện ông Diệp Văn Cương, sau khi ra Huế giữ chức thông ngôn cho Tòa Khâm sứ Huế, có được phẩm hàm của triều đình, khi trở về Nam dạy học, vẫn thích học trò “bẩm quan” hơn là “thưa thầy”. ■

1. Quan cấp cao thì được vua ban sắc, cấp nhỏ như thất, cửu phẩm thì Bộ xét cấp bằng.

# Nhớ Phùng Thăng

THÁI KIM LAN

Lớp đệ nhất C2 của chúng tôi ở Trường Quốc Học vào niên khóa 1959-1960 – nếu không kể đám nam sinh học Trường Quốc học và những trường khác đến – gồm những nữ sinh từ Trường Đồng Khánh lên, những đứa đã qua Tú tài phần 1, cả nhóm quen biết nhau từ ngày đệ thất, đệ lục, đệ ngũ Đồng Khánh, theo nhau mà học từng năm, nối nhau mà dệt mơ ước học trò, cho nên qua Quốc Học gặp mặt là tự nhiên thấy cùng phe, không sợ... Sợ chi không biết nữa, chỉ biết không sợ, không những không sợ mà còn có chút kiêu kiêu, tự hào... đường đường... lên làm đàn chị cả một trường toàn là nam sinh...

Nhưng tôi còn nhớ, ngày đầu tiên khi bước vào lớp học đệ nhất C2 ấy... có lẽ tôi là người cuối bước vào lớp... nhưng rõ ràng... không trễ, tôi cố tình đi học sớm, bỏ cái cố tật đi trễ vì dù *răng* thì *chữ* đã lớn rồi, học đệ nhất thê lện.

Nhưng không trễ mà hóa ra trễ... vì khi vào lớp thì đã có một người ngồi đó rồi, dãy bàn phía bên kia khi bước vào lớp, hàng thứ ba, đầu ghế ở lối đi giữa phân lớp thành hai dãy.

Lạ. Chưa gặp bao giờ.

Áo trắng, dáng ngồi thẳng, nghiêm trang, nét mặt thanh tú, làn da trong sáng, tóc bím hai con rất thắt nơ trắng. Hai con rết và cái nơ *toong teng* tiết lộ sự trẻ thơ so với nét mặt có sóng mũi cao nghiêm nghị của “người lạ” ấy. Chị không cười mặc dù đôi môi hồng tươi, như tiết kiệm hay muốn giữ bí mật của cả tâm hồn hay của đôi hàm răng mà sau này tôi có lần nhìn được rất trong. Môi không cười cho nên nét diễn tả tâm tình hầu như dồn nơi đôi mắt sáng lấp lánh đầy chân thiện, chị cười bằng mắt rất lạnh lẽ. Gương mặt ấy hầu như chỉ biết cúi xuống trang sách hay ngẩng lên nhìn bảng đen, hiếm khi thấy chị nhìn ngang hay liếc dọc để quan sát chuyện chung quanh mình...

Lạ, không biết từ trường *mô* mà vô lớp *ni*, cái lớp nhón nháo, lổm ngổm nam sinh, hùng hực sức sống trẻ trung cỡ nhất quý nhì ma, ngồi sau khoèo tóc con gái ngồi trước cuốn vào tay mình giật giật rồi giả lơ như không hay biết... Cùng lắm chị chỉ nghiêng đầu nhưng không quay lui. Thật ngoan như *ma soeur* ấy. Sau này mới biết chị học ở trường bà xơ thiệt và hình như ở xa mới về, vô lớp đệ nhất như bỏ băng các lớp trung học thường tình.

Tôi thích nói “hình như” để viết về chị, vì tôi cũng chỉ “thấy” chị, mà thấy “hình như”.

Vâng hình như chị vẫn ngồi như thế suốt cả năm học, rất hiền, rất nhu mì, nhỏ nhẹ mà thông minh ghê gớm.

Tôi nhỏ người nên ngồi đầu bàn ngay cửa vào lớp cùng với hai bạn khác. Tỉnh thoảng quay đầu nhìn ra sau. Mỗi lần như thế, hình như tôi chỉ thấy một thứ ánh sáng bao quanh con người ấy, có thể vì màu áo trắng tương phản với những đầu tóc đen xanh, có thể vì cửa sổ phòng học mang nhiều mặt trời vào trong. Những tương phản không gian và thời gian nâng dáng người chị lên.

Chị khác, khác lạ với chúng tôi, ở cái thùy mị mà hầu như cứng rắn, ở cái ngây thơ trong trắng mà hầu như xưa rích lâu đời như câu chuyện cổ tích. Mỗi lần quay đầu nhìn như thế, quay đầu không phải để nhìn chị đâu, mà vì tò mò muốn biết sau lưng mình cảnh tượng lớp học ra *răng*, những gương mặt thanh niên và thiếu nữ đang ngồi học có chuyện chi ngộ nghĩnh không. Mỗi lần như thế, hình như tôi giật mình khi nhận ra sự nổi bật khác lạ của chị nơi dáng ngồi cung kính, mẫu mực, nhu nhã, trong ngần.

Hình như gặp gỡ Phùng Thăng đối với tôi đã làm nảy sinh một thứ sững sốt – một thứ giật mình – cho ngũ quan cảm nhận của tôi, một thứ ngạc nhiên... như tôi đã từng ngạc nhiên khi nghe đọc bài luận văn của chị về triết học Ấn độ.



Hầu như chị vượt xa những người cùng lứa tuổi về kiến thức và suy tư. Giật mình biết người ấy cũng mê sách, đọc sách và chứng chạc gấp đôi mình. Mặc dù chị không phải là người xuất sắc nhất lớp, ồn ào nổi bật, có lẽ vì chị đã vượt xa trình độ đệ nhất nên không chuyên trò trẻ nít học thuộc bài các môn khác. Phần tôi, tôi ngưỡng mộ chị về văn tài ngay buổi đầu của niên khóa năm ấy và sự ngưỡng mộ ấy vẫn còn mãi trong lòng không bao giờ phai nhạt.

Năm đệ nhất rộn ràng lứa tuổi mười tám, lứa tuổi trưởng thành, ở ngưỡng cửa sắp từ già "thời con nít" học trò để thành người lớn sinh viên, nghĩ đến là ngợp người. Nỗi choáng ngợp đôi khi làm say bọn trẻ, "quậy" hơn, huyền não hơn với những chuyện trò văn nghệ, thi đua, những háo hức tìm kiếm văn học nước ngoài. Nhưng Phùng Thăng vẫn như một lạch suối trong giữa những cơn sóng sôi sục thanh xuân, vẫn chảy lặng lẽ trong dòng đời như thế, lặng lẽ mà rất sâu đến không nhìn thấy.

Giữa những náo nhiệt học trò, chị đã bắt đầu những cuộc giao lưu văn học mới: hình như chị đã mày mò dịch các tác phẩm văn học Pháp, Anh, Đức nổi tiếng đang chuyển về Việt Nam, những Camus, Goethe, Sagan, Beauvoir, Hesse... Còn nhớ khi tôi tìm đến địa chỉ "Trung tâm Văn hóa Pháp" ở đường Lê Lợi, trong đó có phòng sinh hoạt của Viện Goethe, bắt đầu ghi tên học, thì... hình như Phùng Thăng đã ngồi ở đó rồi, y chang như khi tôi mới bước vào lớp C2, cái khổ người ung dung thanh thoát như thế đang ngồi trước trang sách...

Thời ấy thật lạ lùng, cả một lũ thanh niên say học, thấy chi cũng muốn học, như một cơn bệnh học trò hay lây. Đứa *ni* mới ghi tên học thêm lớp tiếng Pháp, đã thấy đứa *tê* lò dò đi vào ngôi bên cạnh. Vui thật! Trong cái thành phố nhỏ bé với bề dày những thế hệ tiếp nối ham học, và sự học trở nên tâm huyết cả một đời.

Năm dự bị văn khoa 1961, bỗng đâu cả lũ lao xao, thấy xuất hiện một ông giáo sư trẻ tuổi, da trắng (người Việt mê da trắng!!!), tóc vàng, mũi cao, môi đỏ, một ông giáo sư người Đức mở lớp dạy tiếng Đức, ông tên Ferkinghoff. Thế là cả bọn kéo nhau ghi tên học tiếng Đức.

Khi tôi vào lớp, đã thấy Phùng Thăng ngồi đó rồi, an nhiên tự tại là thế! Hình như hồi ấy cả bọn sinh viên cả nam lẫn nữ đều "mê" ông Ferkinghoff, một nhân vật lạ "exotique" trong cái khung cảnh Huế xưa thời ấy. Cả bọn "mê", có lẽ trừ chị Phùng Thăng, chị thanh thản ngồi, chăm chú đọc to hay đọc thầm từng con chữ theo ông giáo sư. Hình như chị làm cho ông giáo sư ấy chú ý nhiều hơn, hình như mỗi lần quay qua chị để chờ câu trả lời, mắt ông sáng hơn. Phùng Thăng! Ông kêu cái tên ấy không dấu "accent" với nụ cười xin lỗi đọc sai "Phung Thang"! Mỗi khi ông bối rối tìm lời giải thích một chữ mới cho sinh viên, hình như Phùng Thăng là cái phao giải cứu ông ra khỏi cơn bối rối ấy. Đến phiên chị thì hầu như tiếng Đức được hiểu dễ dàng!



Phùng Thăng - Đinh Cường vẽ



Nhưng Phùng Thăng không ở lâu với chúng tôi. Một khoảng thời gian, ký ức của tôi trống hình ảnh của chị. Hình như sau đó chị vào Sài Gòn học. Riêng tôi, có duyên với nước Đức, được học bổng du học khóa đào tạo Giáo sư Đức ngữ do người kế vị ông Ferkinghoff, Giám đốc Chi nhánh Viện Goethe tại Huế, ông H. Hohl đề nghị. Từ xa, tôi nghe tin hai chị Phùng Khánh (từ Pháp trở về nước) và Phùng Thăng là những người cộng sự tài giỏi của Hòa thượng Thích Minh Châu trong việc xây dựng Đại học Vạn Hạnh trong những năm 1965, 66, 67 cho đến 1975. Hai chị đã đóng góp không ít trong công trình xây dựng thư viện Đại học Vạn Hạnh. Hơn thế nữa, công trình dịch thuật của hai chị với những tác phẩm lớn của những văn hào trứ danh thế giới đã làm khởi sắc nền học thuật miền Nam một thời thêm phong phú và đa dạng, không những trên phương diện văn chương mà còn trên lãnh vực tư tưởng thời đại. Gia tài văn học ấy có bàn tay tài hoa và tấm lòng thương văn chương, văn học nước nhà của hai chị đã như gấm thêu.<sup>1</sup>

Chỉ duy một điều, mà hôm qua trước khi viết về chị, tôi mới hiểu được phần nào sau khi nói chuyện với anh Trần Xuân Kiêm: trong các tác phẩm dịch, hiếm khi thấy tên Phùng Thăng, mặc dù công trình dịch của chị nòng cốt, thiết yếu cho bản dịch. Bởi vì Phùng Thăng không muốn để tên tuổi của mình, Xuân Kiêm bảo Phùng Thăng là bóng chim nhận qua sông không để lại dấu tích. Tôi hiểu không phải vì chị “cố tình muốn” mà chị là như thế.

Chị lặng lẽ đến như thế ấy. Lặng lẽ như tôi đã nhiều lần giặt mình khi thoát nhìn. Lặng lẽ đi và đến, ngồi ở thế gian giây phút rồi bỏ đi. Bóng áo trắng thấp thoáng sẽ sàng không gây tiếng động, đến nỗi khi cố tìm lại chị trong ký ức, tôi có cảm giác e dè sợ kinh động sự lặng lẽ ấy, sợ sẽ tan biến đi hình hài trong ký ức đẹp nhất về một con người...

Một đêm không ngủ trên đường bay về Huế, tôi mở mắt trong đêm tối tìm hình ảnh “Phùng Thăng”. “Phùng Thăng”, tôi kêu thầm như ông Ferkinghoff đã có lần nhắc hai chữ ấy trong vè ngày thơ, ngay cả đại khờ như đứa bé tập nói, với một nụ cười rạng rỡ hạnh phúc được nói lên như thế. Tôi tìm và lục lọi ký ức. Có chút tuyệt vọng và vô vọng không vượt qua được trước khi viết, đến từ nỗi ham muốn đem Phùng Thăng trở lại cõi trần.

Trong màn đen, tôi chỉ thấy ánh chớp từ một hành tinh nào đó, một dải lụa phát phơ trước mắt như tơ trời, một âm thanh lặng lẽ đang rơi, một thứ Quán Thế Âm nào đó như là nỗi yên lặng vô cùng... Tôi bắt giác khẩn vái sự yên lặng thần thánh ấy.

Sao băng  
Áo trắng  
Mây ngài  
Bóng người ngồi đó  
Giặt mình có không... ■

1. Tác phẩm dịch này được giới thiệu với tựa đề: “CÂU CHUYỆN CỦA DÒNG SÔNG”, lần đầu tiên năm 1965 do Nhà xuất bản Lá Bối ấn hành. Trước năm 1975, Câu chuyện của dòng sông ít nhất đã được tái bản 03 lần: Nhà xuất bản Lá Bối vào các năm 1965 và 1966; Nhà xuất bản An Tiêm vào năm 1967. Bìa và trang đầu của cuốn sách có ghi bản dịch của Phùng Khánh và Phùng Thăng.

Theo lời của chủ Nhà xuất bản An Tiêm, anh Thanh Tuệ, khi tái bản vào những lần sau, tác phẩm này đã được đổi thành “CÂU CHUYỆN DÒNG SÔNG”, vì nó gọn gàng và đẹp hơn (theo ý của chủ Nhà xuất bản Lá Bối chứ không phải của dịch giả, nhưng dịch giả đã không phản đối) và từ đó mang tên “CÂU CHUYỆN DÒNG SÔNG”. Người dịch chính là chị Phùng Khánh.

Dịch giả Phùng Khánh (1938–2003, tức cố Ni trưởng Thích nữ Trí Hải), tên thật là Công Tăng Tôn Nữ Phùng Khánh và dịch giả Phùng Thăng, Công Tăng Tôn Nữ Phùng Thăng là hai chị em ruột. Thân phụ của hai dịch giả là cụ Nguyễn Phước Ứng Thiệu, thuộc phủ Tuy Lý vương (cụ Ứng Thiệu là cháu nội của Tuy Lý vương Nguyễn Phước Miên Trinh, con thứ mười một của vua Minh Mạng).





# Hãy thân cận bậc Chân nhân

THỤY KHUÊ

*“Này Màngandiya, hãy thân cận các vị chân nhân. Này Màngandiya, do Ông thân cận các vị chân nhân, thời này Màngandiya, Ông sẽ được nghe diệu pháp. Này Màngandiya, do Ông được nghe diệu pháp, thời này Màngandiya, Ông sẽ sống đúng với Chánh pháp và tùy pháp. Này Màngandiya, do Ông sống đúng với Chánh pháp và tùy pháp, thời này Màngandiya, Ông sẽ tự mình biết, tự mình thấy: ‘Đây là những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên. Ở đây, những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên được trừ diệt, không có dư tàn. Do chấp thủ được diệt ở ta, nên hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được diệt trừ. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này!’”*

**T**rên đây là lời khuyên của Đức Phật cho du sĩ Màngandiya về cách tiếp cận con đường giác ngộ, con đường giải thoát khổ đau, khi tâm thức của vị du sĩ này bắt đầu hướng về Phật pháp, hướng về Chánh đạo. Vậy ta sẽ xem vị chân nhân có các đức tính và tài năng thế nào mà Đức Phật khuyên Màngandiya nên thân cận gần gũi để được học tập? *Tiểu kinh Mãn nguyệt* phác họa cho chúng ta chân dung của một vị chân nhân hay còn gọi là người chân chánh (*sappuriso*):

*“Này các Tỳ-kheo, một người chơn chánh có thể biết được một người chơn chánh: ‘Người chơn chánh là vị này’. Và này các Tỳ-kheo, người chơn chánh có thể biết được người bất chánh: ‘Người bất chánh là vị này’.*

*Này các Tỳ-kheo, người chơn chánh đầy đủ Chánh pháp, giao du với các bậc chơn chánh, suy nghĩ như bậc chơn chánh, tư lường như bậc chơn chánh, nói năng như bậc chơn chánh, hành động như bậc chơn chánh, có chánh kiến như bậc chơn chánh, bố thí như bậc chơn chánh.*

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là người chơn chánh đầy đủ Chánh pháp? Ở đây, này các Tỳ-kheo, người chơn chánh có lòng tin, có lòng tầm, có lòng quý, có nghe nhiều, có tinh cần, tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là người chơn chánh đầy đủ những Chánh pháp.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là người chơn chánh giao du với các bậc chơn chánh? Ở đây, này các Tỳ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có lòng tin, có lòng tầm, có lòng quý, nghe nhiều, tinh cần tinh tấn, chánh niệm, có trí tuệ, những vị ấy là bạn, là thân hữu của vị chơn chánh ấy. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là người chơn chánh giao du với các bậc chơn chánh.

Và này các Tỳ-kheo, như thế nào là người chơn chánh suy tư như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỳ-kheo, người chơn chánh không suy nghĩ tự làm hại mình, không suy nghĩ làm hại người khác, không suy nghĩ làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là người chơn chánh suy tư như người chơn chánh.

Và này các Tỳ-kheo, như thế nào là người chơn chánh tư lường như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỳ-kheo, người chơn chánh không tư lường tự làm hại mình, không tư lường làm hại người khác, không tư lường làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là người chơn chánh tư lường như người chơn chánh.

Và này các Tỳ-kheo, như thế nào là người chơn chánh nói năng như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỳ-kheo, người chơn chánh từ bỏ không nói láo, từ bỏ không nói hai lưỡi, từ bỏ không nói ác khẩu, từ bỏ không nói phiếm luận. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là người chơn chánh nói năng như người chơn chánh.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là người chơn chánh hành động như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỳ-kheo, người chơn chánh từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ làm các tà hạnh trong dâm dục. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là người chơn chánh hành động như người chơn chánh.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là người chơn chánh có chánh kiến như bậc chơn chánh? Ở đây, này các Tỳ-kheo, người chơn chánh có chánh kiến như sau: "Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự, có quả dị thực các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, có loại hóa sanh. Ở đời có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là người chơn chánh có chánh kiến như người chơn chánh.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là người chơn chánh bố thí như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỳ-kheo, người chơn chánh bố thí một cách lễ độ, bố thí với tự tay, bố thí có suy tư kỹ lưỡng, bố thí những vật cần dùng, bố thí có nghĩ đến tương lai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là người chơn chánh bố thí như người chơn chánh.

Này các Tỳ-kheo, người chơn chánh ấy, đầy đủ Chánh pháp như vậy, giao du với người chơn chánh như vậy, suy

tư như người chơn chánh như vậy, tư lường như người chơn chánh như vậy, nói năng như người chơn chánh như vậy, hành động như người chơn chánh như vậy, có chánh kiến như người chơn chánh như vậy, bố thí như người chơn chánh như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cảnh giới của những người chơn chánh. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là cảnh giới của những người chơn chánh? Đại tánh của chư Thiên hay đại tánh của loài Người?"<sup>2</sup>

Các định nghĩa trên về bậc chân nhân hay người chân chánh giúp cho chúng ta hiểu vì sao Đức Phật đánh giá cao hạng người chân chánh và khuyên mọi người nên thân cận gần gũi người chân chánh.

Trước hết, bậc chân nhân hay người chân chánh là người có đầy đủ các pháp chân chánh, nghĩa là biết nuôi dưỡng và phát huy các phẩm chất cao quý hướng đến giác ngộ. Vị ấy có đầy đủ lòng tin đối với thiện pháp hay pháp giác ngộ (có tín tâm); có lòng xấu hổ và sợ hãi đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác (có tầm quý); thường xuyên học hỏi và hành trì Phật pháp (nghe nhiều); luôn luôn tinh cần tinh tấn trong đời sống tu tập hướng đến cứu cánh giác ngộ, không chùn bước trong gian nan, không dừng lại nửa chừng, không bỏ rơi trách nhiệm đối với mục tiêu giác ngộ (tinh cần tinh tấn); là người có thiện định, biết cách nhiếp phục và phát triển tâm thức hướng đến ly tham, giải thoát (có chánh niệm); là người có trí tuệ; biết phân biệt đâu là thiện nên theo, đâu là ác cần phải từ bỏ; thấy rõ phiền não khổ đau và con đường đi ra khỏi phiền não khổ đau (có trí tuệ). Nói cách khác, bậc chân nhân hay người chân chánh là người có đầy đủ lòng tin đối với pháp giác ngộ của Đức Phật và đang nỗ lực thực hành Chánh đạo - Bát Thánh đạo hay tu tập giới-định-tuệ hướng đến mục tiêu giác ngộ.

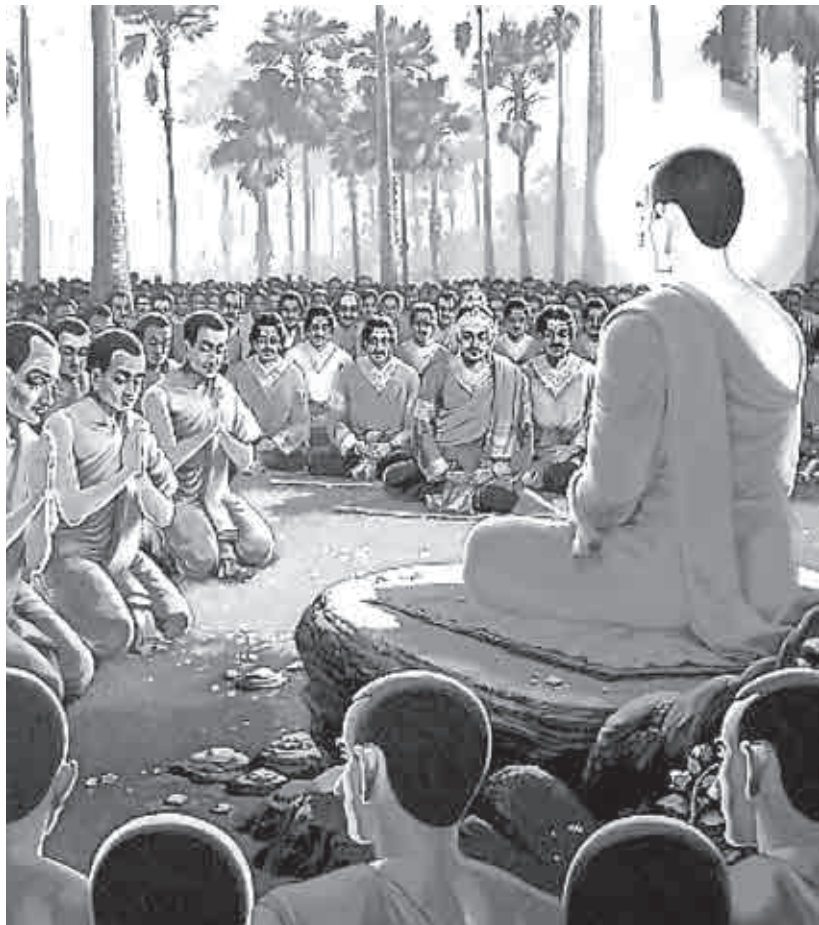
Như là kết quả của sự thực hành Chánh đạo, bậc chân nhân thể hiện một đời sống chân chánh hiền thiện, lợi mình lợi người, biểu lộ qua các hành vi của thân, miệng, ý và trong đời sống giao tiếp hàng ngày. Vị ấy chỉ giao du với hạng người chân chánh, tức những người có tín tâm, có tầm quý, có nghe nhiều, có tinh cần tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ. Vị ấy là người có chánh kiến, hiểu rõ đạo lý nhân quả của các nghiệp thiện ác, tin tưởng có giải thoát, có an lạc giữa cuộc đời còn nhiều mê chấp khổ đau. Vị ấy có những suy tư chân chánh, chỉ suy nghĩ những điều chân chánh hiền thiện, không liên hệ đến dục, không liên hệ đến sân, không liên hệ đến hại, không đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai. Vị ấy có những suy xét chân chánh, thực hiện việc suy xét với nội tâm trong sáng, thanh tịnh, không bị tham dục, sân hận và ngã hại chi phối, không đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai. Vị ấy chỉ nói những lời chân chánh lợi lạc, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc hại, không nói lời phù phiếm vô ích. Vị ấy chỉ làm những việc chân chánh lợi



ích, tuyệt đối không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh trong các dục. Vị ấy là người bố thí chân chánh, sẵn sàng chia sẻ và biết cách chia sẻ với người khác những gì thực sự đem lại lợi ích an lạc.

Nhìn chung, bậc chân nhân hay người chân chánh là người có đầy đủ các phẩm hạnh cao quý xứng đáng cho mọi người thân cận và học tập. Vị ấy có giới đức, có tâm đức, có tuệ đức để cho mọi người nương tựa học hỏi. Do sống theo Chánh đạo - Bát Thánh đạo hay giới-định-tuệ, vị ấy là người nhận thức rõ khổ đau, nguyên nhân của khổ đau và đang nỗ lực thực hành con đường đi ra khỏi khổ đau, thể hiện một nếp sống chân chánh hiền thiện, đưa đến lợi ích cho mình và lợi ích cho người. Vị ấy có suy nghĩ điều gì thì đều đưa đến lợi lạc cho mình và lợi lạc cho người, có nói điều gì thì đều hướng đến lợi lạc cho mình và lợi lạc cho người, có làm điều gì thì đều nhắm đến lợi lạc cho mình và lợi lạc cho người. Chính vì thế mà bậc chân nhân hay người chân chánh có mặt ở đâu thì ở đó có giới đức, có tâm đức, có tuệ đức, có giác ngộ, có giải thoát, có hạnh phúc, có an lạc, và những ai có duyên may được gần gũi thân cận hạng người như vậy thì đều nhận được lợi ích an lạc lâu dài. Vì sao? Vì vị ấy là người: *"Tự mình từ bỏ sát sanh và khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho và khuyến khích người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục và khuyến khích người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục; tự mình từ bỏ nói láo và khuyến khích người khác từ bỏ nói láo; tự mình từ bỏ nói hai lưỡi và khuyến khích người khác từ bỏ nói hai lưỡi; tự mình từ bỏ nói lời thô ác và khuyến khích người khác từ bỏ nói lời thô ác; tự mình từ bỏ nói lời phù phiếm và khuyến khích người khác từ bỏ nói lời phù phiếm; tự mình không tham và khuyến khích người khác không tham; tự mình không có sân tâm và khuyến khích người khác không sân tâm; tự mình có chánh kiến và khuyến khích người khác có chánh kiến"*<sup>3</sup>. Nói ngắn gọn, bậc chân nhân là người tự mình tu tập giới hạnh và khuyến khích người khác tu tập giới hạnh, tự mình tu tập thiền định và khuyến khích người khác tu tập thiền định, tự mình tu tập trí tuệ và khuyến khích người khác tu tập trí tuệ, tự mình tu tập giải thoát và khuyến khích người khác tu tập giải thoát<sup>4</sup>. Đó là lý do vì sao Đức Phật khuyến du sĩ Màngandiya cũng như hết thảy mọi người nên thân cận gần gũi các bậc chân nhân, để được nghe Chánh pháp, để được sống với Chánh pháp, để chứng ngộ Chánh pháp và để dứt trừ khổ đau. Bậc Giác ngộ kết luận như vậy:

*Hãy thân với người lành,  
Hãy gần gũi người thiện,  
Biết diệu pháp người hiền,  
Được tốt hơn, không xấu.  
Hãy thân với người lành,  
Hãy gần gũi người thiện,  
Biết diệu pháp người hiền,*



*Được tuệ, không gì khác.  
Hãy thân với người lành,  
Hãy gần gũi người thiện,  
Biết diệu pháp người hiền,  
Không sâu, giữa sâu muện.  
Hãy thân với người lành,  
Hãy gần gũi người thiện,  
Biết diệu pháp người hiền,  
Chúng sanh sanh thiện thú.  
Hãy thân với người lành,  
Hãy gần gũi người thiện,  
Biết diệu pháp người hiền,  
Chúng sanh thường hưởng lạc.  
Hãy thân với người lành,  
Hãy gần gũi người thiện,  
Biết diệu pháp người hiền,  
Giải thoát mọi khổ đau.<sup>5</sup> ■*

**Chú thích:**

1. Kinh Màngandiya, Trung Bộ.
2. Tiểu kinh Mãn nguyệt, Trung Bộ.
3. Kinh Hai mươi pháp, Tăng Chi Bộ.
4. Kinh Hạnh phúc cho ai (4), Tăng Chi Bộ.
5. Kinh Với người hiền thiện, Tương Ưng Bộ.



# Tu huyên

## theo kinh Viên giác

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

### 1. Huyên là gì?

Mở đầu, kinh *Viên Giác* nói rằng: “Nhân địa bản khởi tu hành của tất cả chư Như Lai là y vào tánh Giác thanh tịnh tròn đầy soi khắp này mà vĩnh viễn đoạn dứt vô minh, viên thành Phật đạo”. Đó cũng chính là “Giác địa hay tánh Giác của tất cả chúng sanh”. Tánh Giác này “bình đẳng suốt ba thời, viên mãn khắp mười phương”, nên gọi là “Đại quang minh tạng”. Trong Đại quang minh tạng này, “Tất cả vốn là Giác”, “cho đến chúng sanh mười phương đều là Viên Giác thanh tịnh” (*chương Phổ nhân*).

Qua những câu kinh trên, chúng ta thấy rằng tất cả chúng sanh đều đang ở trong tánh Viên Giác Đại quang minh tạng, bình đẳng suốt ba thời, viên mãn khắp mười phương này. Chúng ta đang sống trong đó, nhưng cái ngăn che không cho chúng ta thấy biết tánh Viên Giác chính là “vô minh”. Vô minh là sự ngăn che do

“vọng thấy, vọng nhận, vọng chấp”.

Trong chương Văn-thù thứ I, Đức Phật nói:

“Thế nào là vô minh?”

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay có đủ thứ điên đảo, giống như người mê lầm lộn bốn phương. Vọng nhận bốn đại làm thân tướng của mình, bóng ảnh duyên theo sáu trần làm tâm tướng của mình. Ví như người con mắt có bệnh, thấy giữa hư không có hoa đốm và mặt trăng thứ hai”.

Vô minh là vọng nhận thân tâm này thật có rồi cho đó là “tôi và của tôi”. Thân là do nghiệp kết hợp bốn đại đất nước lửa gió mà thành. Thân đó do nhiều nhân duyên hợp lại mà có, nên trong bản chất nó không có hiện hữu nội tại, không có tự tánh, vô tự tánh. Bằng chứng nó không có tự tánh là nó không giữ được bản chất của nó mà phải theo dòng sanh, già, bệnh, chết. Còn tâm chỉ là những bóng ảnh do duyên theo sáu



trần, nó do nhiều nhân duyên hợp lại mà có, nên cũng không có tự tánh, không có hiện hữu nội tại. Một bằng chứng cho sự vô tự tánh của tâm là tâm không thể ở yên, luôn luôn nhấp nhô, sanh diệt như sóng.

Chúng ta là loài người, kinh nghiệm về sáu trần khác với các loài khác. Như chúng ta thấy màu đỏ màu vàng, con chó chỉ thấy màu đen trắng. Nhưng mũi chó thì kinh nghiệm những mùi chúng ta không nhận ra được. Có những âm thanh chúng ta không nghe được, siêu âm, loài khác lại nghe được. Có sự khác nhau trong kinh nghiệm mỗi loài, vì các giác quan được cấu tạo khác nhau, hệ thần kinh khác nhau diễn dịch những thông tin ra thành những kinh nghiệm khác nhau.

Hơn thế nữa, cùng những kinh nghiệm đó ở mỗi người sẽ được thích, ghét, bám níu, hờ hững... khác nhau. Lọc qua một hệ thống xúc cảm và kỷ niệm khác nhau nơi mỗi người, kinh nghiệm về thế giới này càng trở nên khác nhau nơi mỗi người.

Ở cấp độ thế giới vi mô, chỉ là những nguyên tử với những hạt vận tốc gần tốc độ ánh sáng, có những hạt chỉ sống vài phần triệu của giây, hạt cách rất xa nhân đến độ nguyên tử gần như trống rỗng. Các nguyên tử không có màu sắc, hương vị, không xúc chạm được... Thế mà ở cấp độ vĩ mô, qua hệ thống giác quan và thần kinh của con người, chúng ta thấy ra một thế giới cứng đặc, có màu sắc, hương vị, có xúc chạm, có những đối tượng của ý thức. Chính thế giới nguyên tử và lượng tử ấy đã được hệ thống thân tâm con người biến hiện (chữ của Duy Thức tông) thành ra các thế giới vĩ mô mà con người đang kinh nghiệm. Đã thế, qua tham, sân, si, kiêu mạn, đố kỵ... thế giới vĩ mô này càng méo mó, xung đột, tranh chấp, và dùng chữ của kinh, điên đảo, nơi mỗi con người.

Đó là điều kinh gọi là vô minh: thân tâm và thế giới không có hiện hữu nội tại, vô tự tánh mà vọng thấy, vọng nhận, vọng chấp để thành ra một thế giới khổ đau trong quá trình đi tìm hạnh phúc của con người. Đó là điều kinh gọi là “điên đảo, lầm lộn bốn phương”: một khi mắt đã có bệnh thì hư không không có hoa đốm lại thấy có hoa đốm, mặt trăng chỉ một lại thấy có mặt trăng thứ hai.

Thế thì tu huyền là trừ diệt những chứng bệnh thô là tham sân si đối với những hoa đốm và mặt trăng thứ hai không hề có này. Rồi đi tới nguồn gốc của mọi thứ bệnh là vọng thấy, vọng nhận, vọng chấp hay là vô minh đã từng tích tập trong nhiều kiếp.

Khi các “bợn nhơ hư huyền” diệt, căn bệnh mắt vọng thấy hoa đốm diệt, mặt trăng thứ hai diệt thì hư không thanh tịnh từ vô thủy hiện ra, mặt trăng vẫn vậy tự bao đời hiện ra, tánh Viên Giác lộ bày. Vì chúng ta xưa nay vẫn sống trong tánh Viên Giác, trong Diệu Tâm Viên Giác Như Lai, chưa từng cách hờ nó một mảy may không gian, chưa từng mất nó một khoảnh khắc thời gian.

“Thiện nam tử! Hết thấy mọi thứ huyền hóa của

tất cả chúng sanh đều sanh trong Diệu Tâm Viên Giác Như Lai, giống như hoa đốm giữa hư không ở trong hư không mà có, hoa huyền tuy diệt mà tánh hư không chẳng hề hoại diệt. Cái thức tâm huyền hóa của chúng sanh cũng như hoa đốm kia, theo huyền mà diệt, tuy các huyền diệt hết mà Giác tâm trùm khắp chẳng động” (chương Phổ Hiền).

## 2. Xa lìa huyền

Có thể giới như huyền của ta bởi vì có thân tâm như huyền của ta. Thế nên, trong tu hành xa lìa huyền, xa lìa huyền của thân tâm được đặt ra trước tiên. Những chương kinh Viên Giác đều nói đến việc xa lìa huyền. Ở đây chúng ta chỉ trích ra một số đoạn của chương Phổ Nhân để thấy việc quán thân tâm là như huyền như thế nào.

“Trước hết, y theo hạnh Xa-ma-tha (pháp Chi) rồi thường liên tục quán sát nhớ nghĩ: thân này của ta do bốn đại hòa hợp. Những thứ lông, tóc, móng, răng, thịt, xương, tủy, não... thuộc về đất. Nước bọt, máu, nước mắt, nước tiểu, đờm dãi... thuộc về nước. Nhiệt độ trong người thuộc về lửa. Hơi thở, không khí chuyển động thuộc về gió. Bốn đại lia nhau thì cái thân hư vọng không thật này có được chỗ nào? Bèn biết thân này rốt ráo không có thực thể, hòa hợp mà có tướng, đồng như huyền hóa”.

Thân này không có hiện hữu nội tại, do hòa hợp tạm thời mà thành nên vô tự tánh, đồng như huyền hóa. Nhưng chấp vào thân thì cũng đồng thời chấp vào thế giới thấy có ở ngoài thân. Với một tâm trí sáng tỏ, khi quán sát thân, chúng ta sẽ thấy:

“Thân này như đồng bọt động, không thể cầm nắm. Thân này như bọt nước, không thể còn lâu. Thân này như ngọn lửa, do khát ái sanh. Thân này như cây chuối, bên trong không lõi chắc. Thân này như huyền, từ điên đảo khởi. Thân này như mộng, do hư vọng mà thấy ra. Thân này như ảnh, do duyên nghiệp mà hiện. Thân này như tiếng vang, thuộc các nhân duyên. Thân này như mây nổi, giây lát biến mất. Thân này như tia chớp, niệm niệm chẳng dừng ở. Thân này không có chủ, như đất vô tri. Thân này không có ngã, như lửa tự cháy. Thân này không có thọ mạng, như gió tan dừng. Thân này không có người, như nước chảy xuôi. Thân này chẳng thật, bốn đại làm nhà. Thân này là không, lia ta và cái của ta. Thân này vô tác, do sức gió nghiệp chuyển. Thân này là tai họa, đủ thứ bệnh khổ. Thân này như giếng trên gò khô, bị cái già áp bức. Thân này không định, hẳn sẽ phải chết. Thân này như rắn độc, như kẻ cướp oán thù, như xóm nhà không người, do uẩn, nhập, giới hợp thành”. (Kinh Duy-ma-cật, phẩm Phương tiện).

Còn tâm thì: “Bốn đại giả hợp nên vọng có sáu giác quan. Sáu căn bốn đại trong ngoài hợp thành, vọng có bóng dáng hơi hám tích tụ ở trong, dường như có tướng duyên, giả gọi là tâm. Thiện nam tử! Cái tâm hư vọng ấy

nếu không có sáu trần ắt chẳng thể có. Bốn đại phân rã thì không trần nào có được. Những bóng dáng hơi hám duyên với trần ở trong mỗi cái đều tan biến. Rốt cuộc không có cái tâm duyên theo nào có thể thấy”.

Tâm ở đây là thức trong ba thứ căn, trần, thức. Căn thì duyên sanh từ bốn đại và từ nghiệp nên vô tự tánh. Trần cũng duyên sanh từ bốn đại nên vô tự tánh. Thức thì duyên sanh từ căn và trần, chỉ là bóng dáng hơi hám duyên với trần vô tự tánh qua các căn cũng vô tự tánh. “Rốt cuộc, không có cái thức tâm duyên theo nào có thể thấy”. Chấp tâm có hiện hữu nội tại, từ đó có tâm ta ở trong, có thể giới ở ngoài ta. Đời người chỉ là cuộc chiến không dứt giữa trong và ngoài này.

Tu huyễn là thấy thân tâm là giả hợp nên như huyễn, như hoa đốm giữa không trung, như mặt trăng thứ hai. Nhờ tu huyễn mà những che chướng chấp ngã và chấp pháp được gỡ bỏ. Những che chướng chấp ngã và chấp pháp tiêu tan tới đâu, thực tại tánh Giác hiện ra đến đó. Khi sự chấp thân chấp tâm, hay sự trụ thân trụ tâm tan biến thì tánh Viên Giác vô trụ hiện ra, vì trong tánh Viên Giác thì “thân tâm tịch diệt, bình đẳng suốt ba thời, viên mãn khắp mười phương, tùy thuận bất nhị”, như phần mở đầu của kinh *Viên Giác* nói.

Chương Phổ Nhân nói tiếp theo đoạn quán sát thân tâm như huyễn ở trên:

“Thiện nam tử! Do thân huyễn của các chúng sanh kia diệt, nên tâm huyễn cũng diệt. Do tâm huyễn diệt nên trần huyễn cũng diệt. Do trần huyễn diệt nên sự việc ‘huyễn diệt’ ấy cũng diệt. Cái ‘huyễn diệt’ diệt mất nhưng tánh Viên Giác chẳng phải huyễn chẳng diệt. Ví như lau gương, bụi dơ hết thì gương sáng hiện.

“Thiện nam tử! Phải biết thân tâm là bụi dơ hư huyễn, tướng dơ diệt mất vĩnh viễn thì thanh tịnh khắp mười phương”.

Đoạn kinh tiếp theo trên nói về huyễn ở mức độ căn bản hơn nữa: huyễn là do lầm lẫn tính sáng chiếu của tánh Viên Giác thành ra bóng ảnh thân tâm và thế giới.

“Thiện nam tử! Ví như ngọc báu ma-ni thanh tịnh ánh chiếu ra thành năm màu, tùy mỗi phương mà hiện. Những người ngu si không biết, thấy ngọc ma-ni thật có năm màu.

“Thiện nam tử! Tánh Viên Giác thanh tịnh ứng hiện ra nơi thân tâm tùy theo mỗi loại, thế mà người si mê lại cho rằng Viên Giác thanh tịnh thật có tướng thân tâm cũng như vậy, do đó chẳng thể xa lìa huyễn hóa. Thế nên ta nói thân tâm là cái dơ hư huyễn. Đối trị xa lìa cái dơ hư huyễn gọi là Bồ-tát. Dơ hết thì đối trừ tiêu, bên không có cái gì gọi là đối trừ cái huyễn”.

“Thiện nam tử! Các Bồ-tát và chúng sanh đời sau chứng được các huyễn nên các ảnh tượng huyễn hóa diệt mất. Bấy giờ liền đắc thanh tịnh vô phương khắp cả hư không vô biên”.

Sai lầm căn bản, vô minh căn bản của chúng sanh chúng ta là không biết tất cả thân tâm thế giới chúng ta

đang thấy đây là do ánh sáng chiếu khắp của tánh Viên Giác, mà những kinh khác gọi là Thường Tịch Quang, kinh *Viên Giác* gọi là Đại Quang Minh Tạng. Ánh sáng đó là ánh sáng nền tảng cho mọi xuất hiện. Còn xuất hiện theo hình tướng gì thì đó là do cộng nghiệp và biệt nghiệp của chúng sanh. Như vàng chỉ có tánh vàng, còn làm ra món đồ gì là nghiệp (hành động) của chúng sanh. Như tấm gương, ánh sáng của nó xưa nay vẫn thế, nhưng có bóng nào, sông núi đất đai người thú cỏ cây, là do cộng nghiệp và biệt nghiệp mà có. Trong ánh sáng của gương, mọi hình bóng đều không có tự tánh nên không thể ô nhiễm, không thể in chết cứng vào gương, gương vẫn luôn luôn thanh tịnh. Trong gương mọi hình bóng có do nghiệp nhưng đều như huyễn. Và vì bóng luôn luôn ở trong gương, mọi hình bóng dù có thế nào vẫn là thanh tịnh, vì bóng nào cũng là gương.

Khi không biết điều ấy, không biết ta đang sống trong ánh sáng của gương, vô minh tiếp tục bằng cách chấp ngã chấp pháp, cho rằng những hình bóng đó là có thật, không phải là vô tự tánh, từ đó có phân biệt ta người, ta và cái chẳng phải ta, ta và thế giới. Từ đó mà có thương, ghét, giận, kiêu căng, đố kỵ... mọi phiền não càng tỏ đậm thêm tính cách có thật, tính cách cứng đặc của các bóng.

Khi thấy bóng là có thật, chúng ta dễ đi đến một quan niệm sai lầm về tu huyễn: tu hành là diệt trừ hết tất cả các bóng trong gương, bóng hết thì gương sẽ hiện; diệt trừ tất cả màu sắc và hình tướng phát từ viên ngọc ma-ni, các tướng không còn thì viên ngọc ma-ni hiện. Không phải như vậy. Tu huyễn là diệt trừ sự chấp thực vào các hình tướng chứ không phải phá bỏ các hình tướng. Tu hành là thấy cho được sự vô tự tánh của các hình tướng chứ không phải là triệt tiêu các hình tướng. Kinh *Kim Cương* nói: “Thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai”. Thấy các tướng chẳng phải tướng là thấy các tướng là vô tự tánh, là như huyễn, chứ không phải “chẳng phải tướng” là phá hoại các tướng. Con người và thế giới, muôn cảnh không có lỗi. Lỗi là ở sự bám chấp của chúng ta, từ sự bám chấp ấy mà “Do vọng chấp cho nên chẳng những không biết được tánh của hư không, mà còn lầm cho là hoa đốm thật có sanh. Do cái thấy hư vọng ấy mới luân chuyển sanh tử. Thế nên gọi đó là vô minh” (*chương Văn-thù*).

Như vậy, tu huyễn, trừ huyễn là diệt trừ cái dơ do vọng thấy, vọng nhận, vọng chấp hư huyễn nơi mỗi chúng ta. “Dơ hết thì đối trừ tiêu, bấy giờ liền đắc thanh tịnh khắp cả mọi phương, toàn khắp cả hư không vô biên”.

Chính vì thấy như huyễn, thấy mọi chúng sanh đều sống trong huyễn, trong giấc mộng sanh tử không biết ngày nào tỉnh giấc mà người tu huyễn phát tâm đại bi. Đi kèm với tu huyễn là tâm đại bi.

Thế nên trong kinh *Viên Giác*, ở mỗi chương khi nói đến Đức Phật đều xưng “Thế Tôn đại bi”, và khi nói đến chúng sanh luôn luôn thấm đẫm một lòng thương xót,





thương xót vì nhọc mệt, lo âu, khổ đau, khổ đau trong một sanh tử không có thật.

Người tu đạo Bồ-tát có hai cái chính: trí huệ thấy như huyễn và đại bi cứu vớt chúng sanh ra khỏi sanh tử như huyễn. Ở đây chỉ trích một đoạn kinh nói về tâm đại bi và hạnh đại bi của Bồ-tát:

“Thiện nam tử! Bồ-tát chỉ sống bằng tâm đại bi, từ đó khởi phương tiện vào các thế gian khai phát cho những người chưa ngộ, cho đến thị hiện đủ thứ hình tướng và cảnh giới thuận nghịch, cùng họ đồng sự để giáo hóa khiến cho thành Phật. Tất cả việc làm này đều y vào nguyện lực thanh tịnh từ vô thủy” (*chương Di-lặc*).

Trụ trong trí huệ thấy như huyễn và nguyện lực đại bi chẳng bỏ chúng sanh, Bồ-tát khởi các phương tiện như huyễn để độ chúng sanh như huyễn. Đó là con đường Bồ-tát.

### 3. Tất cả đều thanh tịnh

Tu huyễn là để diệt trừ những bệnh “vọng thấy, vọng nhận, vọng chấp” nơi con mắt, khi phần thô của bệnh mắt đã hết, người ta “đắc pháp nhãn thanh tịnh”, được con mắt pháp thanh tịnh.

Chương Phổ Nhãn nói về sự thanh tịnh này:

“Tánh Giác tròn đầy sáng tỏ đã hiện ra nên hiển bày tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì cái thấy trần thanh tịnh. Cái thấy thanh tịnh thì nhãn căn thanh tịnh. Nhãn căn thanh tịnh thì nhãn thức thanh tịnh. Thức thanh tịnh thì cái nghe trần thanh tịnh. Cái nghe thanh tịnh thì nhĩ căn thanh tịnh. Nhĩ căn thanh tịnh thì nhĩ thức thanh tịnh. Thức thanh tịnh thì cái tri giác trần thanh tịnh. Như thế cho đến mũi, lưỡi, thân, ý đều thanh tịnh”.

“Thiện nam tử! Căn thanh tịnh thì sắc trần thanh tịnh. Sắc thanh tịnh thì thanh trần thanh tịnh. Hương vị xúc pháp cũng đều thanh tịnh như vậy”.

“Sáu trần thanh tịnh thì địa đại thanh tịnh. Địa đại thanh tịnh thì thủy đại thanh tịnh. Hỏa đại phong đại cũng lại thanh tịnh như vậy”.

“Bốn đại thanh tịnh thì mười hai xứ, mười tám giới,

hai mươi lăm cõi đều thanh tịnh. Bởi tất cả thế gian thanh tịnh nên mười lục, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, ba mươi bảy phẩm trợ đạo đều thanh tịnh. Như thế cho đến tám vạn bốn ngàn môn đà-la-ni, tất cả thanh tịnh”.

“Tất cả đều là thật tướng thanh tịnh thế nên một thân thanh tịnh. Một thân thanh tịnh như thế cho đến nhiều thân thanh tịnh. Nhiều thân thanh tịnh như thế cho đến mười phương chúng sanh đều là tánh Viên Giác thanh tịnh”.

Vì đã trừ các dơ bẩn của huyễn nên tất cả đều là tánh Viên Giác thanh tịnh. Kinh còn nói nhiều đoạn về thanh tịnh, vì thanh tịnh chính là tánh Viên Giác. Ở đây chúng ta chỉ trích ra một đoạn để thấy tâm thanh tịnh của người tu đạo Bồ-tát:

“Thiện nam tử! Vì thành tựu tánh Giác nên phải biết Bồ-tát không dính với pháp buộc, chẳng cầu pháp thoát, không chán bỏ sanh tử, chẳng yêu đắm Niết-bàn, không kính người giữ giới, chẳng ghét người phá giới, không sợ người tu lâu, chẳng coi thường người mới học”.

“Vi sao thế? Vì tất cả là tánh Giác vậy”.

“Ví như ánh sáng con mắt thấy rõ cảnh trước mặt, ánh sáng ấy tròn đầy khắp tất cả, không có chỗ yêu ghét. Vi sao thế? Thể của ánh sáng là không hai, nên không có yêu ghét vậy”.

Các tướng có xuất hiện là do ánh sáng tròn đầy khắp tất cả chỗ của tánh Viên Giác. Trong ánh sáng của tánh Viên Giác các tướng đều thanh tịnh, bình đẳng, không cao thấp, dơ sạch, không phân biệt, “tất cả đều là thật tướng thanh tịnh”. Khi “tất cả là Giác”, nghĩa là tất cả tướng là ánh sáng, tâm phân biệt huyễn hóa sẽ không còn.

Tóm lại, tu huyễn là:

- Trụ trong tánh Viên Giác, càng thấy rõ tánh chừng nào, các tướng hoa đốm càng diệt mất chừng đó.

- Ở nơi tướng mà quán huyễn, các tướng huyễn càng diệt chừng nào, thì tánh Viên Giác càng hiển lộ ra chừng ấy.

- Càng thấy như huyễn thì càng có đại bi. ■



# Sinh viên học viện Phật giáo và hướng tiếp cận văn hóa-xã hội trong tâm lý học

THÁI VĂN ANH

## Đặt vấn đề

Tấm bia tiến sĩ đầu tiên khoa Nhâm Tuất (1442) tại Quốc Tử Giám có ghi: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thể nước mạnh mà hưng thịnh, nguyên khí suy thì thể nước yếu mà thấp hèn”. Thiết nghĩ đối với một tôn giáo là Phật giáo cũng vậy, Tăng Ni tài (tu sĩ nam, tu sĩ nữ có tài cao, học rộng và đạo đức) có vai trò quyết định đối với vận mệnh, sự thịnh suy, tồn vong của đạo Phật. Ví thế, một trong những mục đích chính, đầu tiên của Học viện Phật giáo Việt Nam (HVPGVN) là “Đào tạo một thế hệ Tăng Ni trí đức song toàn... đáp ứng cao yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế của đất nước nói chung và sự nghiệp phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói riêng” [2, tr.1-2]. Để đảm nhận được trọng trách của mình, trước hết sinh viên (SV) phải học tập thật tốt. Đây là hoạt động có tính chất đặc biệt và bị chi phối bởi nhiều nhân tố, trong đó động cơ học tập (ĐCHT) là một trong những nhân tố đóng vai trò

quyết định. Theo hướng tiếp cận văn hóa-xã hội trong Tâm lý học, bài viết dưới đây nêu khái quát năm nhóm động cơ thúc đẩy SV Học viện Phật giáo học tập như sau: động cơ nghề nghiệp, động cơ nhận thức-khoa học, động cơ xã hội, động cơ tự khẳng định, động cơ mang tính cá nhân.

## Nội dung

Dưới góc độ Tâm lý học hoạt động, mọi hoạt động của con người đều là hoạt động có mục đích, được thúc đẩy bởi động cơ của hoạt động. Trong học tập “ĐCHT là một trạng thái nội tâm lâu dài có hiệu lực giúp người học duy trì hứng thú và ham muốn học hỏi, tìm tòi, vượt qua những trở ngại để có thể giải quyết những khó khăn” [3, tr.224].

ĐCHT của SV Học viện Phật giáo bao gồm hệ thống động cơ với các thứ bậc khác nhau; bắt đầu từ sự thỏa mãn nhu cầu hoàn thành nhiệm vụ học tập để khỏi bị mắc nợ tín chỉ, học tập để không phụ sự kỳ vọng của



gia đình, thầy bổn sư,... cho đến các cấp độ cao hơn là thỏa mãn nhu cầu hiểu biết, lòng khát khao được mở rộng, nâng cao tri thức để sau này trở thành chuyên gia hoàng pháp giới; trong đó động cơ mong muốn trở thành chuyên gia hoàng pháp sẽ thúc đẩy SV Học viện Phật giáo nỗ lực ý chí học tập, nghiên cứu, tự vươn lên, tự hoàn thiện nhân cách thường xuyên.

- **Động cơ nhận thức khoa học:** SV có động cơ này là học tập nhằm thỏa mãn nhu cầu tri thức. Học vì say mê, hứng thú đối với các vấn đề lý luận khoa học, vì sự khát khao khám phá tri thức mới và ý thức được giá trị to lớn của các tri thức khoa học. Phật giáo là một tôn giáo có hệ thống giáo lý đồ sộ, bao gồm các kinh điển, giới luật được Đức Phật giảng dạy, cho đến những lời dạy của các vị A-la-hán và Bồ-tát, những luận giải của các triết gia Phật giáo. Vì vậy, một trong những động cơ đầu tiên của SV thi tuyển vào Học viện Phật giáo là để học những tri thức này và sử dụng chúng như một thấu kính để hiểu ý nghĩa lời Phật dạy từ đó áp dụng vào đời sống tu tập và hoàng pháp. Xuất phát từ ĐCHT phát triển tri thức, SV sẽ được đáp ứng các nhu cầu về lý luận khoa học, hứng thú với quá trình nhận thức, luôn khát khao tiếp nhận tri thức mới.

- **Động cơ nghề nghiệp:** "Nghề nghiệp" ở đây đối với SV Phật giáo nên hiểu theo nghĩa: một chuyên gia hoàng pháp, một nhà từ thiện, một nhà nghiên cứu Phật học, một biên tập viên báo chí... SV học tập vì muốn có một hoạt động chuyên môn để phục vụ cho lợi ích của bản thân, phục vụ xã hội, phục vụ đạo Phật trong tương lai... không giống như động cơ nhận thức khoa học. Đa số SV Học viện Phật giáo học tập vì nhu cầu nghề nghiệp này, họ quan niệm học ra trường có thể làm một công việc gì đó phù hợp, để cống hiến sức lao động của mình. Nghề nghiệp đối với SV Học viện Phật giáo còn được thể hiện ở sứ mệnh phải đảm trách khi quyết định trở thành người "con Phật". Đó là kế thừa và phát triển giáo pháp của Đức Phật. Mang tinh hoa giáo lý từ bi giải thoát và tuệ giác vô ngã của Đức Phật hiến tặng cho mọi người ở xã hội mình đang sống nhằm xứng đáng với bản hoài của người con Phật. Phương châm "Hoàng pháp vi gia vụ, lợi sanh vi bản hoài" và "chỗ nào chúng sanh cần con đến, chỗ nào Đạo pháp cần con đi, không quản gian lao không nề khó nhọc" như những bậc Thầy nối tiếp nhau đã từng thể hiện. Như vậy, với mong muốn trở thành chuyên gia hoàng pháp giới trong tương lai, SV kỳ vọng Học viện Phật giáo là nơi đào tạo nên những con người có thể đem giáo pháp của Đức Phật truyền trao lại cho những người khác. Với họ, nghiên cứu Phật pháp là để làm lợi ích cho cuộc đời này, để cho có nhiều người được hưởng lợi ích từ việc thực hành theo giáo pháp ấy. Không như các loại hình đào tạo khác của xã hội, sự an lạc, sự giải thoát của mỗi cá nhân và rộng hơn là của xã hội bao giờ cũng là chủ đích cuối cùng mà giáo

dục Phật giáo nhắm đến. Nói cách khác, giáo dục Phật giáo là đào tạo nên những con người biết phụng sự người khác.

- **Động cơ học vì giá trị xã hội của việc học:** Những SV này học chủ yếu không phải vì nhu cầu kiến thức hay nghề nghiệp mà chủ yếu vì giá trị xã hội của việc học mang lại như tấm bằng đại học, công danh, sự hài lòng từ phía gia đình, thầy tổ, do thấy huynh đệ học ở Học viện Phật giáo nên mình cũng học theo,... Những SV có ĐCHT này ít nhiều mang tính cưỡng bức, gắn liền với sự căng thẳng về mặt tâm lý, đòi hỏi phải đấu tranh với bản thân. Vì động cơ này không phải xuất phát từ ý thức, tự giác của bản thân nên dễ bị thay đổi trước những cám dỗ khác có sức hấp dẫn hơn. Tuy nhiên ban đầu có thể xuất phát từ động cơ giá trị xã hội của việc học nhưng sau khi trở thành SV Học viện Phật giáo nhờ có sự quan tâm của Hội đồng Điều hành, giảng viên, bạn đồng học giúp họ tiếp thu những cái mới, dần dần họ nhận được động lực mạnh mẽ cho các hoạt động học tập, nảy sinh những ĐCHT khác mang tính tích cực, cao cả hơn.

- **Động cơ tự khẳng định mình trong học tập:** Đây là những SV ý thức được năng khiếu, khả năng, sở trường của mình và mong muốn được khẳng định chúng trước mọi người. Những SV này rất tự tin vào bản thân. Là một người đã xuất gia theo đạo Phật, ngay từ bậc học sơ cấp họ đã được huấn thị qua bài Quy sơn cảnh sách "*Bi ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ứng tự khinh nhi thoái khuất*" [4, tr. 1033] (tạm dịch: Ai kia là đấng trượng phu ta đây cũng thế, chớ tự khinh mình mà lui sụt). Từ thời sơ cấp đã như vậy, nay lên đến bậc đại học cùng với sự phát triển mạnh mẽ về trí tuệ và hoàn thiện về nhân cách họ dễ dàng thể hiện được bản thân mình, nhất là trong hoạt động học tập. Nhờ có ĐCHT mạnh mẽ này, giúp SV vượt qua được mọi khó khăn cả về vật chất lẫn trí tuệ. Đúng như khuyến nghị của UNESCO khi nhân loại bước vào thế kỷ XXI: "*Học để biết, học để làm, học để tự khẳng định mình và học để chung sống với cộng đồng*".

Một trong những mục tiêu giáo dục Phật giáo là tạo nên những con người tự do, có đạo đức, có trí tuệ, sống có lý tưởng, suy nghĩ hợp lý, thích ứng được với bối cảnh xã hội. Giáo dục Phật giáo cũng được hiểu là một quá trình nuôi lớn tài năng. Tài năng được trưởng thành trong bao lâu điều đó tùy thuộc vào sự nỗ lực của mỗi người. Học viện Phật giáo luôn tạo thuận lợi cho cá nhân SV có điều kiện để khẳng định, phát triển tài năng, sở trường của mình với mong muốn tài năng này sớm ngày thành tựu, phục vụ đắc lực cho đạo pháp, dân tộc.

- **Động cơ mang tính cá nhân:** Đây là động cơ trội về cái có lợi cho riêng cá nhân. Có thể một bộ phận SV theo học tại Học viện Phật giáo chỉ với mục đích bằng cấp để có thể thỏa mãn cái danh cá nhân. Hay



họ học tập để làm hài lòng thầy bốn sư, cha mẹ với mục đích cá nhân. Cũng có thể vì một quyền lợi riêng tư nào đó như không muốn thua thiệt với các huynh đệ đồng tu, muốn được tiếng tăm, địa vị, muốn có đông tín đồ Phật tử,... Loại động cơ này có thể kích thích rất mạnh mẽ SV trong học tập song phần lớn sự kích thích này không lâu dài bởi vì nó hoàn toàn mang tính chất vì cá nhân bản thân, không phù hợp với tinh thần xuất gia vô ngã vị tha, từ bi hỷ xả của đạo Phật. Với động cơ này, SV có thể bị đặt vào hai tình huống: một là trong quá trình học tập và nghiên cứu nếu gặp khó khăn sẽ không thể vượt qua, có khi bị gián đoạn trong việc học; hai là vì muốn đạt được mục đích đã đề ra nên có thể phạm phải những sai lầm trong học tập như cạnh tranh không lành mạnh trong học tập, không trung thực trong kiểm tra, thi cử. Do đó hiệu quả học tập không những không cao mà đôi khi còn đưa mình vào con đường không đúng đắn, đi ngược với lý tưởng đệ tử Đức Phật.

### **Kết luận**

Những động cơ trên đều có giá trị thúc đẩy hoạt động học tập của SV. Tùy thời điểm và ý thức của SV, các động cơ trên có sức mạnh thúc đẩy khác nhau. Nếu sắp xếp theo thứ bậc các động cơ ưu thế có thể thấy động cơ nghề nghiệp được sắp xếp ở vị trí thứ nhất, kế đến là động cơ nhận thức khoa học, động cơ xã hội, động cơ khẳng định mình và cuối cùng là động cơ mang tính cá nhân. Tuy nhiên, vị trí các động cơ đó có thể thay đổi trong quá trình học tập của SV. Điều này

cũng đã được P.H. Hsieh và D.L. Schallert (2008) nói đến trong sách *Tâm lý học giáo dục hiện đại: “ĐCHT là động và luôn thay đổi trong quá trình học tập lâu dài”* [5, tr.38]. Vì thế, ban đầu có thể xuất phát từ động cơ chưa tích cực mà SV thi tuyển vào Học viện; song, qua thời gian được học hỏi với đội ngũ giảng viên nhiệt tâm, giao tiếp với bạn đồng học, đồng tu cùng trường, được lĩnh hội những tri thức mới mẻ khiến họ thay đổi, động cơ chưa tích cực không còn nữa mà thay vào đó là động cơ tích cực, phù hợp.

Việc tìm hiểu động cơ học tập của SV HVPGVN đặt cơ sở nền tảng để điều chỉnh hoạt động học tập của SV đạt hiệu quả hơn và mở ra các hướng nghiên cứu mới liên quan đến đối tượng là SV Phật giáo. Đây là việc làm cần thiết trong xu thế hướng đến xã hội học tập, mong được các nhà nghiên cứu cùng quan tâm. ■

### **Tài liệu tham khảo**

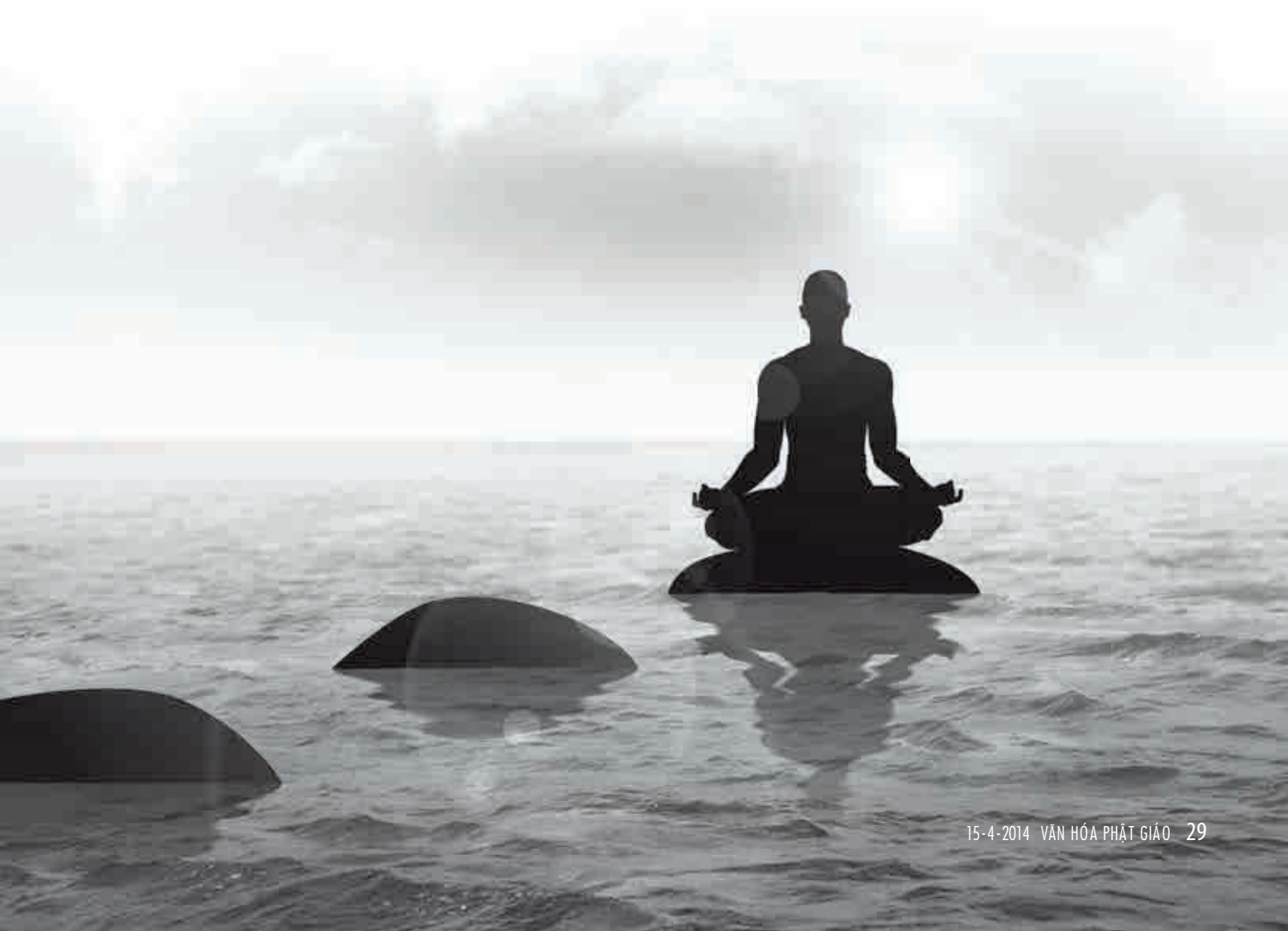
1. Thái Văn Anh, 2013, *Động cơ học tập của sinh viên Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Trường ĐH Sư phạm TP.HCM.
2. Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM, 2011, *Quy chế sinh viên*, Điều 2.
3. Đoàn Huy Oánh, 2005, *Tâm lý học Sư phạm Đại học*, Nxb Đại Học Sư Phạm TP.HCM.
4. Trí Quang (dịch), 1973, *Sa di luật nghi yếu lược*, Nxb Tôn Giáo.
5. Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thành Đức, 2003, “Phân tích động cơ và chiến thuật tạo động cơ học tập của học viên cao học trong lớp Anh văn không chuyên”, *Khoa học*, (25), tr.38.

# Hành thiền là sự tỉnh thức

NGUYỄN KHẮC THẠCH

Tôi có hai người bạn vong niên công tác tại Tạp chí *Sông Hương* từ thời tôi còn làm ở đây. Thằng hoặc tôi lại ghé qua thăm họ. Có khi nói một vài câu chuyện. Có khi chỉ nhìn, gật đầu chào rồi đi. Có lẽ do sự đồng đẳng nhu cầu “nhàn nhạt” hướng về lối sống bản nhiên giúp chúng tôi tự hiểu mình, hiểu nhau. Tôi và N.N. còn phải “mở miệng” bởi còn nặng đường duyên nghiệp, còn nợ bút sinh tình, nhưng với N.K.T. thì tuyệt nhiên không. Công phu “buông bỏ” ở anh đã đạt tới ngưỡng bình thường của tâm thức, không chấp thủ, không nóng giận. T. từng đoạt giải nhất cuộc thi Guitare cổ điển toàn quốc thời còn học phổ thông. Xong đại học, anh

qua Pháp học thêm năm năm guitare nữa. Ra trường, Học viện Âm nhạc Huế mời làm thầy nhưng anh khước từ và chỉ nhận một chân làm trong việc quản trị mạng ở Tạp chí *Sông Hương*. Trong phòng làm việc của mình, T. rất tiết kiệm điện. Tôi thoát liên tưởng đến hành vi của một người khác. Đó là bé Lim, tức Hoàng Dạ Thi hồi còn “nói thơ” (từ của nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ, mẹ bé Lim), một giọng thơ trong sáng mà huyền mặc. Thời bao cấp, cả nhà được mỗi cái quạt máy nhưng cho Lim nhưng Lim lại tắt nhiều hơn mở vì em thương cây quạt chạy nhiều mệt. Nói những điều ấy khiến tôi nhớ một chuyện thiền ở Nhật. Trong một thiền viện nọ, có một cây cầu người ta đặt tên là *Cầu Nửa Thìa Nước*. Nó







là kỳ tích của vị thiền sư tiền bối nơi đây; mỗi khi dùng nước, ông lấy thìa múc vào rồi đổ lại một nửa để dành lại cho người khác. Việc làm ấy chẳng nghĩa lý gì giữa trùng trùng thế tục nhưng thái độ tôn trọng nâng niu sự sống ấy thật lớn lao. Nó sẽ rung động cả đất trời.

Trong một lần trở lại gần đây, tôi đã phải bối rối trước câu của hỏi đồng nghiệp dành cho mình: “Ông thấy có gì giống nhau, khác nhau ở cơ quan so với trước?”. Nếu cần thiết phải nói ra chỗ giống và khác nhau thì cũng có đấy, thậm chí còn thú vị nữa. Đó là, trước khi tôi từ nhiệm, *Sông Hương* có ba người ăn chay và hành thiền. Bây giờ nhìn lại vẫn thấy bộ “kiềng ba chân” như vậy (nhà văn L.V.T.G thế vào chỗ tôi). Đấy là điểm giống nhau. Chỗ khác nhau cũng liền ngay đó, rằng anh G còn là “bê non” mà tôi thì đã “bò già”. Bò già thì không sợ dao! Vậy là đội ngũ cán bộ ăn chay hành thiền của *Sông Hương* đã được trẻ hóa. Tôi trân quý và tin yêu họ. Người ăn chay hành thiền càng lâu thì càng “lành tính”. Nó không chỉ thiện hướng tới chuyên môn của họ mà còn hiệu diệu với thiên nhiên. Ăn chay hành thiền là căn tính của những người có lòng bi mẫn, ai cao hơn thì có nhu cầu cống hiến. Nhu cầu cống hiến thuộc phạm trù tâm linh và nó được mặc khải bởi đấng thiêng liêng nằm lòng nơi bản thể của từng sinh mệnh.

Cuộc sống vốn có hai loại nhu cầu tương phản nhau là *nhu cầu hưởng thụ* và *nhu cầu cống hiến*. Thực ra nó chỉ là một cấu trúc bù trừ tự thể quân bình mà tạo hóa

đã mặc định cho vạn vật từ khởi thủy. Trong con người, nhu cầu hưởng thụ thuộc về phần *con trần tục*, nhu cầu cống hiến thuộc về phần *người thiêng liêng*. Trong con người được kiến niệm là *tiểu vũ trụ* này cũng có hai dòng năng lượng khí âm dương tương thuộc nhau. Nếu hưởng thụ là khí âm thì cống hiến là khí dương. Khi âm dương mất quân bình thì con người sẽ bị bệnh tật. Cũng vậy, khi cuộc sống mất quân bình giữa cống hiến và hưởng thụ thì xã hội sẽ trở nên động loạn. Xã hội thực dụng ngày nay đã di căn hệ lụy mất quân bình đó khắp mọi bình diện cuộc sống. Nhu cầu hưởng thụ cởi mở từ sinh lý, tâm lý đến tâm linh. Nhu cầu cống hiến thuộc phần thiêng của con người đã co lại vào ngõ rẽ tâm linh cũng bị hưởng thụ bám theo dung tục hóa. Văn học vốn từ nhu cầu cống hiến cũng đã điếm đàng với nhu cầu hưởng thụ qua những sáng tạo hứng sex cho sinh lý, qua những tấn trò bon chen cho tâm lý mà đâu thấy sự buông bỏ nào cúng dường phía tâm linh. Tâm linh mang thuộc tính mơ hồ hư thực nên đề tài này là mạch nguồn của dòng văn học *huyền ảo* hay *hiện thực huyền ảo* tùy thuộc vào bút lực và tâm sở của người cầm bút. Văn học hiện thực gặp ghềnh giữa đời thường chỉ có thể bước qua đường biên *giải tỏa* những xung đột nội tại nhưng vẫn mê mờ trong bức màn vô minh. Văn học huyền ảo nhập lưu dòng tâm linh thì rì rào niềm vọng ngóng về bến bờ *giải thoát* phía bên kia. Từ giải tỏa đến giải thoát là một quá trình nhưng không phải *quá trình nhận thức* mà là quá trình *thực chứng nhận thức*.

Tôi được khai thị tâm linh từ nghiệp dĩ văn chương. Khi được làm chủ bút một tờ văn báo, tôi đã manh nha cho đề tài này. Song, chưa làm được gì thì tôi đã bị bắt “việt vị” bởi một số báo đăng quá tải về khu vườn chữa bệnh năng lượng trái phép ở Long An. Tôi chỉ còn cái quyền duy nhất là ám thị mình chan hòa với điểm nhân quả hiện tiền ngõ hầu “báo ứng” cho những gì có thể. Có lần, một cộng tác viên gửi bài và ảnh minh họa về lễ hội đâm trâu. Tôi đã xem trước đó phóng sự này trên truyền hình. Một đám đông vây quanh con trâu đã câu cộc đang bị roi vọt hành hạ và nó cứ phải chạy quanh vòng này đến vòng khác. Khi cơn hứng giết chóc nổi lên thì người ta đua nhau la ó phóng lao vào con vật đáng thương cho đến chết rồi hã hê reo hò xẻ thịt nó... Tôi bản thân như lòng trắc ẩn bị thương tổn và từ chối in bài báo đó. Một ví dụ khác, có tác giả thơ (xin miễn nêu tên) gửi rất nhiều lần nhưng thơ cứ bình bình nên không dùng. Nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ (biên tập thơ *Sông Hương* lúc ấy) đề nghị tôi chiếu cố in cho anh ta một bài. Tôi đồng ý và đưa vào làm ma-ket. Chị Dạ báo cho tác giả biết hay sao mà anh ta gửi thư cảm ơn tôi kèm một bài viết khác. Bài này, anh ta mô tả tỉ mỉ từng chi tiết cách bẫy chim, cách vặt lông, cách nướng thịt, cách nhắm nháp v.v... làm nổi bật cái mô hình “nghệ thuật ẩm thực”! Tôi gượng đọc trong niềm xót thương. Sao tâm hồn của người làm thơ lại có thể có nhu cầu hưởng thụ

khóa lạc trên nỗi đớn đau tận diệt một sinh linh khác? Tôi nghi ngờ, thất vọng về anh ta và mặc dù bài thơ đã lên khuôn ấy không dính dáng gì đến bài báo này, tôi vẫn lặng lẽ gỡ xuống như một hành vi phù du báo ứng trong phân khúc chu trình nhân quả chúng sinh. Tất cả những bài vở mang cảm hứng sát sinh vô đạo hoặc đeo dục vọng hưởng thụ lạc loài đều không thể đăng trên tạp chí *Sông Hương* thời tôi làm Tổng Biên tập. Dù sao, tôi vẫn luôn tôn trọng mọi nhu cầu hưởng thụ tự nhiên của con người, chỉ thành kiến với những gì mà từ đó nắn nót theo kiểu vĩ cuồng.

Như một di chứng liên hoàn, cảm niệm ấy cứ ấy đeo đẳng mãi, cho dù tôi đã nhận ra mình trống rỗng sau khi buông xuống mọi tri thức giả danh một đời ki cóp vay mượn, buông xuống mọi thành tựu phù phiếm một đời phấn đấu dẫn thân. Có lẽ do tôi còn mang vác cái "tử thi di động" này nên nó còn chổ bám víu. Mới năm trước đây thôi, khi được mời làm ủy viên Hội đồng thơ Hội Nhà văn Việt Nam để thẩm định tác phẩm dự giải thưởng và xét kết nạp hội viên, tôi lại gặp rắc rối. Có một chi hội nhà văn (nơi có đương sự nộp đơn xin vào Hội) cùng cá nhân tác giả gửi thư riêng gửi gắm và nhờ tôi làm thuyết khách. Vì chỗ thân tình với chi hội, và lại tác giả cũng là người "lấy thơ làm gốc" có nhiều triển vọng nên tôi đã hoan hỷ nhận lời. Nhưng khi đọc lại 15 bài thơ do tác giả tự chọn theo yêu cầu của Hội đồng thì trời ơi, tôi lại gặp thêm một thi sĩ lên cơn thi hứng

trước con cá đang giãy chết trên ngọn lửa rượu cồn của chính anh ta! Nếu gọi đó là người vô cảm hay thơ vô cảm thì có lẽ không đúng bởi anh ta có cảm hứng đầy chữ. Nhưng thật đáng buồn, đấy vẫn là cảm hứng về sự vô cảm của kẻ sát sinh. Tôi phải ngồi ngậm tằm bẽ bàng trong buổi họp thảo luận bỏ phiếu kết nạp hội viên năm 2012. Đương nhiên kết quả cuối cùng cho anh ta lần ấy cũng là quả đắng! Cơ chế hoạt động của con người dù phức tạp đến mấy thì cũng chỉ vũng vầy trong dây chuyền pháp ấn thân - khẩu - ý. Trong đó, ý đóng vai trò mệnh lệnh khiến miệng nói tay làm. Khi tiếp cận với tác phẩm văn học của ai đó, bạn đọc cũng có thể đoán tác giả là người như thế nào.

Thật quan ngại khi phải nói ra những điều đó trước muôn màu muôn vẻ quan niệm sống ngày nay. Nhưng dù sao, đấy cũng là một thái độ chân thành của hệ lụy hành thiện. Với việc hành thiện, từ ý nghĩ, lời nói đến hành động đều một mặt "tùy duyên". Vậy nên bất cứ ai, lúc nào, việc gì, ở đâu, kể cả trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi đều có thể hành thiện. Người nội trợ biết căn cơ từ bếp núc đến chợ búa là hành thiện. Tuổi học trò, không mê mải với game mà chuyên chú học hành là hành thiện. Người nghiện thuốc lá vốn phản thiện nhưng khi hút biết cách ly mình ra để không ảnh hưởng người khác thì việc làm ấy cũng được coi là một động thái hành thiện. Một khái quát cởi mở dịu êm cho việc hành thiện, đó là sự tinh thức. ■

## CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2014

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2014, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ  
**Ô. Phạm Văn Nga** : 41 cuốn/kỳ  
**Ô. Vũ Châm**, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ  
**Bà Huỳnh Kim Lưu** : 30 cuốn/kỳ  
**Nhà hàng Tib**, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ  
**PT Chánh An & Chơn Hòa** : 14 cuốn/kỳ  
**Cư sĩ Lương Trung Hiếu** : 12 cuốn/kỳ  
**Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải**,  
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ  
**Cô Nga** : 10 cuốn/kỳ  
**PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)** : 10 cuốn/kỳ  
**Ô. Văn Cát Tiên** : 10 cuốn/kỳ  
**Ô. Huỳnh Văn Lộc**, Q. BT : 10 cuốn/kỳ  
**Tác giả Miên Ngọc** : 10 cuốn/kỳ  
**Nhà sách Thái Hà** : 10 cuốn/kỳ  
**Bà Lương Thị Ngọc Hạnh**, Q. 5  
 PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ  
**Ô. Trần Quốc Định** : 10 cuốn/kỳ  
**Bà Lý Thu Linh** : 9 cuốn/kỳ  
**Phật tử Diệu Định** : 8 cuốn/kỳ  
**Phật tử Nguyễn Thị Hoa** : 7 cuốn/kỳ  
**Cô Cẩm Hà (USA)** : 6 cuốn/kỳ  
**Hồng Phúc & Xuân An** : 6 cuốn/kỳ  
**Ô. Võ Ngọc Khôi** : 6 cuốn/kỳ  
**Bà Tôn Nữ Thị Mai**, Q. BT : 5 cuốn/kỳ  
**Ô. Nguyễn Mạnh Hùng**,

CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ  
**Cửa hàng Tâm Thuận** : 5 cuốn/kỳ  
**Cô Tú Oanh**, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ  
**Ô/Bà Nguyễn Văn Bản**, USA : 5 cuốn/kỳ  
**Phật tử Trương Trọng Lợi** : 5 cuốn/kỳ  
**Ô. Lê Xuân Triều**, Q. BT : 5 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Kim Sơn**, Q. 2 : 5 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Thị Ngọc**, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ  
**Lakin.com** : 5 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Hòa** : 4 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Thị Ninh**, USA : 4 cuốn/kỳ  
**Cô Huệ Hương** : 4 cuốn/kỳ  
**Bà Trần Thị Bích Trâm** : 3 cuốn/kỳ  
**Bà Lê Tự Phương Thúy** : 3 cuốn/kỳ  
**Bà Lê Thị Thu Thanh** : 3 cuốn/kỳ  
**Bà Phạm Thị Kim Anh** : 3 cuốn/kỳ  
**Châu Thiên An** : 3 cuốn/kỳ  
**Phật tử Diệu Ân** : 2 cuốn/kỳ  
**BBT www.thuongchieu.net** : 2 cuốn/kỳ  
**Chị Tuyên**,  
 CT TNHH Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ  
**Bà Kim Anh**, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ  
**Phật tử Từ Minh** : 2 cuốn/kỳ  
**BBT Viện khongtu.com** : 2 cuốn/kỳ  
**CT Nền Hạnh Phúc**, Q. BT : 2 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh** : 2 cuốn/kỳ

**CTy TNHH Thép Thiên Tâm** : 2 cuốn/kỳ  
**Phật tử Thiện Thành**, Q. 6 : 2 cuốn/kỳ  
**Ô. Lê Hưng Khanh**, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ  
**Nguyễn Dũng** : 2 cuốn/kỳ  
**Phật tử Quảng Kính** : 2 cuốn/kỳ  
**Phật tử Quảng Mỹ** : 1 cuốn/kỳ  
**Cô Diệp Anh và Chị Ngân** : 1 cuốn/kỳ  
**Cô Kim** : 1 cuốn/kỳ  
**Phật tử Chánh Hiếu Trung** : 1 cuốn/kỳ  
**Phật tử Bùi Quang Việt** : 1 cuốn/kỳ  
**Thầy Hạnh Thông**, TCPH ĐN : 1 cuốn/kỳ  
**CTy Dược phẩm Phúc Thiện** : 1 cuốn/kỳ  
**Chị Kiều Oanh** : 1 cuốn/kỳ  
**PT. Nguyen Thuan**  
 (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ  
**Cô Châu** : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **446 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**  
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn, hoặc toasoanvhp@gmail.com

**Ban Biên tập**

# Hãy suy nghĩ như một tên trộm



Tỳ-kheo **THANISSARO**  
HOÀNG NGUYỄN ĐỨC dịch

**T**rong truyền thống Theravada, mối quan hệ giữa vị thầy và người đệ tử tương tự mối quan hệ giữa người thợ cả và kẻ học việc với ông ta. Thực hành giáo pháp của Đức Phật cũng là một kỹ năng giống như làm nghề thợ mộc, nghề bán cung hay nghề nấu bếp vậy. Nhiệm vụ của vị thầy là truyền trao kỹ năng không chỉ bằng ngôn từ và thí dụ mà còn bằng việc tạo ra những hoàn cảnh để nuôi dưỡng sự khéo léo và năng lực của việc quan sát mà người học trò sẽ cần đến để thực sự trở thành thiện xảo. Nhiệm vụ của người đệ tử là chọn được một vị thầy khả tín – một người mà tài năng của vị ấy là chắc chắn và mục đích của vị ấy là có thể tin cậy được – và trở thành một người càng khéo quan sát càng tốt. Dù sao chăng nữa, chẳng có cách nào để người ta có thể trở thành một người thợ khéo bằng việc chỉ quan sát người thợ cả một cách thụ động hoặc chỉ tuân thủ những chỉ dẫn của người ấy. Không ai có thể từ

bỏ trách nhiệm đối với những hành động của chính mình. Người ta phải chú tâm vào cả các hành động của mình lẫn những kết quả của các hành động ấy; cùng lúc, phải sử dụng sự khéo léo và sự sáng suốt của chính mình để điều chỉnh mọi nhầm lẫn và vượt qua mọi trở ngại khi gặp phải. Điều đó đòi hỏi một hành giả phải phối hợp sự kính trọng vị thầy của mình với sự kính trọng luật nhân quả khi nó thể hiện bằng ý nghĩ, lời nói và việc làm của chính hành giả.

Chẳng bao lâu sau khi tôi thọ giới, vị thầy của tôi, ngài Ajaan Fuang Jotiko, nói với tôi: “Nếu con muốn học, con sẽ phải suy nghĩ giống như một tên trộm và hình dung ra cái cách mà con khéo léo đoạt lấy kiến thức cho chính mình”. Và rất sớm, tôi hiểu ngay được điều mà thầy tôi đã dạy. Trong những năm đầu tiên tôi theo học với thầy, ngài chẳng có một ai quan tâm đến những nhu cầu của ngài: quét dọn am thất của ngài, nấu nước để ngài tắm, chăm sóc khi ngài bệnh... cho nên, mặc dù tôi là một



người ngoại quốc, chỉ biết lồm bồm tiếng Thái và có lẽ lại là một kẻ man rợ thô lỗ vụng về nhất mà ngài đã từng gặp – tôi đã nhanh chóng đảm nhận vai trò thị giả của ngài. Thay vì chỉ dẫn cho tôi biết vật gì nên được đặt ở đâu hoặc khi nào thì nhiệm vụ nào cần được thực hiện, ngài đã để mặc cho tôi tự quan sát lấy mọi việc. Nếu tôi làm đúng ý ngài, ngài chẳng nói gì. Nếu không, ngài lập tức chỉ ra cái lỗi của tôi, nhưng không bao giờ ngài giải thích trọn vẹn cho tôi biết tôi đã sai ở chỗ nào. Tôi phải biết tự quan sát: Ngài đã đặt những vật dụng cá nhân của ngài ở đâu khi ngài dọn dẹp am thất? Và tôi cũng đã phải tìm hiểu những điều đó bằng khước mắt của mình, vì nếu tôi cứ thô lỗ con mắt ra quan sát ngài thì ngài sẽ nhanh chóng đuổi tôi đi chỗ khác. Vì ngài bảo, “Nếu ta phải giải thích tất cả mọi chuyện, con sẽ quen với điều mọi việc đều được giao sẵn cho con. Và như thế thì con sẽ làm gì khi có những trở ngại đến với con trong lúc con thiền định mà con lại chẳng có chút kinh nghiệm nào để hình dung sự việc và thực nghiệm cho chính mình?”

Thế là tôi nuốt lấy lòng kiêu hãnh của mình và học để chấp nhận những lỗi lầm của mình vì vị thầy của tôi. Trước đây, tôi không bao giờ có thể dung thứ cho việc mình có lỗi. Nhưng cho đến khi cuối cùng tôi có thể nhìn nhận là mình sai lầm, tôi đã bắt đầu tìm được những nguồn lực nội tại mà tôi cần đến để bắt đầu sắp đặt mọi thứ một cách thích hợp.

Lại nữa, vấn đề làm quân bình sự kính trọng cũng là một điều khó khăn. Ngài Fuang giữ gìn nguyên tắc, có tuệ giác và có lòng nhân từ một cách đáng ngạc nhiên; và tôi có thể luôn luôn đặt niềm tin vào những ý định của ngài đối với tôi. Kết quả là tôi có một cảm giác kính trọng ngài một cách tuyệt đối. Tuy nhiên, ngài vẫn là một con người với những nhược điểm. Vì nền tảng giáo dục Thiên chúa giáo của tôi đã dạy tôi phải để dành sự kính trọng của mình cho một bậc được coi là thánh thiện hoàn hảo, tôi luôn luôn lúng túng khi phải giải quyết những trường hợp mà ngài Fuang tỏ ra chưa phải thực sự hoàn hảo. Cùng lúc, tôi hoàn toàn chẳng biết phải làm gì với cái cá tính độc lập thâm căn cố đế của mình. Thế rồi, một ngày kia, hoàn toàn bất ngờ, ngài Fuang kể cho tôi nghe một câu chuyện về một lần ngài đã có một sự bất đồng với vị thầy của ngài, ngài Lee Dhammadharo.

Vào lúc cuối đời, ngài Lee Dhammadharo đã xây dựng một tu viện trong một rừng đước tại vùng đầm lầy ngập nước ở ngoại ô thành phố Bangkok. Các vị cư sĩ ủng hộ việc xây dựng mong muốn có một giảng đường dành cho lễ thụ giới, cho nên đó là công trình xây dựng kiên cố đầu tiên được dựng lên trong tu viện. Khi đặt móng, họ đã xây một cái hầm bằng bê-tông ngay phía dưới chỗ tượng Phật sẽ được tôn trí và đặt vào trong hầm những vật thiêng như xá-lợi Phật, ảnh tượng của Đức Phật, các loại mạn-đà-la, kinh điển... Sau đó, họ lấp cái hầm ấy để dành cho hậu thế. Theo

truyền thống ở Thái Lan, tượng Phật luôn luôn được đặt quay mặt về hướng Đông – hướng mà Đức Phật đã nhìn về trong ngày Ngài chứng ngộ Chánh đẳng giác – cho nên cái hầm đã được đặt ở phía tây của tòa tu viện, dưới chỗ pho tượng Phật chính của cả tu viện sẽ được tôn trí. Khi công trình xây dựng đã được thực hiện xong khoảng một nửa, ngài Lee đổi ý và quyết định là tượng Phật phải được tôn trí ở phần phía Đông của tòa tu viện, mặt hướng về phía Tây. Mặc dù ngài không bao giờ đưa ra một lời giải thích cho sự chuyển dịch bất thường ấy, các đệ tử của ngài đều nhất trí trong việc diễn dịch ý tưởng mà ngài muốn biểu thị: Phật pháp đang đi về phương Tây.

Mặc dù vậy, không phải đợi đến khi công trình xây dựng được hoàn thành, ai cũng nhận thức rằng cái hầm đặt những vật dụng cho đời sau không tương thích với vị trí đặt tôn tượng Phật. Điều đó có nghĩa là khi mọi người bước vào tu viện thông qua cổng chính ở phía Tây, họ sẽ bước lên những vật thiêng chứa trong căn hầm, vi phạm trầm trọng những điều cấm kỵ theo truyền thống Thái Lan. Cho nên vào một buổi chiều, ngài Lee bảo với ngài Fuang, “Tập trung tất cả các tăng sĩ lại để di chuyển căn hầm sang phía bên kia của công trình”. Ngài Fuang tự nghĩ, “Căn hầm này đã được đặt rất kiên cố dưới mặt đất, và toàn bộ khu vực bên dưới giảng đường thọ giới toàn là bùn”. Tuy nhiên, ngài cũng hiểu là nếu ngài nói rằng căn hầm không thể di chuyển được, ngài Lee sẽ bảo, “Nếu ông không có đủ niềm tin để làm việc này, thì tôi đành phải tìm người khác giao việc”. Thế là sáng hôm sau, ngay sau bữa điểm tâm, ngài Fuang tập trung tất cả những người có thể lực tốt trong số tăng sĩ cũng như các vị mới nhập chúng tại tu viện về công trường xây dựng, dùng dây và ròng rọc để kéo căn hầm di chuyển về phía đông của tu viện. Họ hì hục làm việc suốt một ngày nhưng không thể dời căn hầm được lấy một ly.

Bấy giờ là lúc để trình bày ý kiến – và đề nghị một giải pháp khác cho vấn đề. Ngài Fuang đến tham vấn ngài Lee và nói, “Hay là con cho dựng một căn hầm mới ngay dưới vị trí sẽ đặt tôn tượng Đức Thích-ca, rồi khai căn hầm cũ ra, di chuyển tất cả những vật thiêng về căn hầm mới và đậy kín căn hầm mới lại?”. Ngài Lee nhẹ nhàng gạt đầu, thế là vấn đề được giải quyết.

Ngài Fuang kết luận, “Và đó là cái cách con làm để thể hiện sự kính trọng của con đối với vị thầy của mình.” ■

Nguồn: *Think Like a Thief*, Thanissaro Bikkhu, *Access to Insight* (phiên bản 2013.12.02.17), <http://www.accesstoinsight.org>.

Tỳ-kheo Thanissaro là một tu sĩ Phật giáo Nguyên thủy người Hoa Kỳ, thọ giáo với dòng Tu Trong Rừng của Thái Lan, hiện trụ trì một tu viện thuộc dòng này ở San Diego County, Hoa Kỳ. Ông là một trong những dịch giả đã chuyển sang tiếng Anh nhiều kinh điển gốc tiếng Pali, tác giả nhiều tác phẩm Phật giáo mang tính thực hành.



# Một tâm như bầu trời: Chú tâm Thiện xảo và Tỉnh giác Rộng mở

JACK KORNFIELD  
LÂM HẠNH NHIÊN dịch

**H**oạt động thiền định trở nên sống động thông qua một khả năng ngày càng tăng để làm nhẹ đi những vướng mắc quen thuộc của chúng ta vào những câu chuyện và những kế hoạch, những mâu thuẫn và những âu lo vốn tạo ra cái cảm giác nhỏ bé về cái ngã, và để nghỉ ngơi trong sự tỉnh giác. Trong hoạt động thiền định chúng ta thực hiện được điều đó chỉ bằng việc nhận biết những điều kiện đang thay đổi từ khoảnh khắc này đến khoảnh khắc khác – niềm hoan lạc và sự đau đớn, lời khen và tiếng chê, một chuỗi những ý niệm và sự kỳ vọng đang xuất hiện. Không để đồng hóa với chúng, ta có thể nghỉ ngơi trong tự thân sự tỉnh giác, vượt ngoài mọi điều kiện, và trải nghiệm được điều mà vị thầy Ajahn Chah của tôi gọi là *sự thanh thản tự nhiên của con tim*. Việc phát triển khả năng để nghỉ ngơi trong sự tỉnh giác ấy nuôi dưỡng định, khiến tâm trong sáng và ổn định, và nuôi dưỡng cả tuệ, khiến ta thấy được sự vật như thị.

Ta có thể tận dụng sự tỉnh giác này, hay sự chú tâm thiện xảo này, ngay từ lúc bắt đầu. Ngay khi ta ngồi xuống để thiền định, chiến lược tốt nhất là hãy chỉ ghi nhận bất kỳ trạng thái nào đang diễn ra ở tâm và thân của mình. Để thiết lập nền tảng cho chánh niệm, Đức Phật giảng cho các đệ tử của Ngài “phải quan sát xem thân và tâm đang bị xao lãng hay có sự vững vàng, đang giận dữ hay bình thản, đang bị phấn khích hay lo âu, đang lao xao hay thả lỏng, đang bị trói buộc hay được tự do”. Trong lúc quán sát điều gì đang xảy ra như vậy, ta có thể hít vào một hơi thở sâu và thư giãn, tạo không gian cho cái tình thế mà ta vừa phát hiện.

Từ nền tảng của thái độ chấp nhận đó, ta có thể sử dụng năng lượng chuyển hóa của sự chú tâm theo một cách dễ dàng và uyển chuyển. Sự chú tâm thiện xảo – chính là chánh niệm – có thể hoạt động giống như một ống thấu kính điều chỉnh được tiêu cự. Thông thường, điều này rất có ích cho việc làm ổn định sự thực hành của ta với sự chú tâm ở vùng cận cảnh. Ở đây, ta đặt một sự chú tâm thật kỹ

lượng và một sự tập trung thật gắn vào hơi thở hay cảm giác của ta, hoặc đến một sự chuyển dịch chính xác trong cảm xúc hay tư tưởng của ta. Sau một lúc, lần lần ta có thể trở nên chăm chú đến mức chủ thể và đối tượng đều biến mất. Ta trở thành một với hơi thở, với một điểm thật nhỏ nơi bàn chân của mình, với nỗi buồn hay niềm vui. Trong trạng thái đó, ta cảm nhận được rằng mình tự sinh ra và tự mất đi cùng với từng hơi thở, từng trải nghiệm. Sự vướng mắc vào những cảm giác thông thường về tự ngã của ta biến mất; những bối rối và sợ hãi của ta rơi rụng. Tuệ giác đang bùng nở.

Nhưng đôi khi, trong lúc thiền định, sự tập trung quá gắn vào sự chú tâm như vậy có thể tạo ra những căng thẳng và những cố gắng không cần thiết. Khi đó ta phải tìm một con đường phóng khoáng hơn nữa để có sự chú tâm. Chẳng hạn, khi ta đang đi bộ xuống phố một cách đầy chánh niệm, ta nhận ra rằng việc chỉ chú tâm vào hơi thở hay vào bàn chân mà thôi có thể không có ích thật sự. Ta sẽ quên mất tín hiệu giao thông, bỏ qua ánh sáng buổi ban mai hoặc gương mặt của những người qua đường. Vậy thì ta hãy điều chỉnh cái ống thấu kính của sự nhận biết đến một mức độ trung bình. Khi ta làm như vậy vào lúc ngồi xuống, thay vì chỉ chú tâm vào hơi thở không thôi, ta có thể cảm nhận được năng lượng của toàn bộ cơ thể. Khi đi bộ, ta có thể cảm nhận được nhịp điệu của toàn thể sự vận động của mình và hoàn cảnh của những nơi mà ta đang bước qua. Từ cái nhìn này, hầu như có thể nói rằng sự tỉnh giác “đang ngồi trên đôi vai ta” và nhận biết một cách kính cẩn từng hơi thở, từng cơn đau xuất phát từ đôi chân, một thoáng nghĩ về bữa cơm chiều, một cảm giác buồn buồn hay cánh cửa sổ mở toang của một cửa hàng ta vừa đi ngang. Ở đây, sự chú tâm thiện xảo có phẩm chất của một sự chứng kiến khoan dung, nhận biết mọi biến cố – cho dù buồn chán hay ghen tức, bình thản hay nhộn nhịp, được hay mất, hoan lạc hay đau đớn – với một cái gạt đầu. Lần lần, ta được giải thoát khỏi cái ảo tưởng về việc “đến được một cảnh giới nào đó” và nghỉ ngơi trong hiện tại không có thời gian, làm chứng cho tất cả những gì đang diễn ra với một sự tỉnh giác thanh thản. Khi ta buông bỏ, tự do và tuệ giác nội tại của ta hiển hiện. Chẳng điều gì phải có, chẳng điều gì cần xảy ra. Ngài Ajahn Chah gọi trạng thái ấy là “nghỉ ngơi trong con người đang biết”.

Nhưng có lúc mức độ chú tâm trung bình ấy cũng không phục vụ tốt nhất cho sự thực hành của ta. Ta có thể phát hiện rằng mình đang bị giữ chặt trong cái gọng kìm của một lối suy nghĩ lặp đi lặp lại hay một tình thế đau đớn, hoặc bị chìm đắm trong một sự đau khổ cùng cực về tình cảm hay về thể chất. Có thể đang có những sự xáo động hay ồn ào quanh ta. Ta ngồi đó mà tìm ta thất lại, thân tâm ta chẳng được thư giãn cũng chẳng có bao dung, và ngay cả việc làm chứng cũng trở nên tẻ nhạt, bị cưỡng buộc, đầy cố gắng.

Trong hoàn cảnh đó, ta có thể mở rộng cái ống thấu kính của sự chú tâm của ta đến cái góc rộng nhất của nó và để mặc cho sự nhận biết của ta trở nên giống như khoảng không gian hay cả một bầu trời. Như Đức Phật vẫn dạy trong kinh *Trung Bộ*, “Hãy mở rộng tâm bao la như không gian, nơi những kinh nghiệm cả để chịu lẫn khó chịu đều có thể hiện ra rồi mất đi mà không hề cản ngại nhau, chống đối nhau hay làm hại nhau. Hãy nghỉ ngơi trong cái tâm rộng như không gian”.

Từ cái nhìn rộng lớn này, khi ta thiền tọa hay thiền hành, ta đều mở rộng sự chú tâm của ta như không gian, mặc cho những kinh nghiệm của ta trỗi lên không giới hạn, chẳng ở bên trong mà cũng không ở bên ngoài. Thay vì với sự định hướng thông thường thì ta có cảm giác là cái tâm nằm ở trong đầu ta, ta có thể buông bỏ và trải nghiệm sự tỉnh giác của tâm là phóng khoáng, rộng mở, không giới hạn. Ta cho phép sự nhận biết trải nghiệm ý thức không bị ràng buộc trong những điều kiện đặc biệt của cái nhìn, cái nghe, cái cảm giác; ý thức độc lập trước mọi điều kiện đang biến đổi – tình trạng không điều kiện. Ngài Jumien, một vị trưởng lão của phái tu trong rừng, nói về hình thức thực hành này là Đại Minh sát tuệ, nghỉ ngơi trong tự thân sự nhận biết, không thời gian và không sinh khởi. Đối với người hành thiền, điều này chẳng phải là một việc lý tưởng và cũng không là một kinh nghiệm quá cao xa. Nó luôn trực tiếp có mặt, mãi mãi, tự do; nó trở thành chỗ nghỉ ngơi cho một con tim minh triết.

Hoàn toàn chú tâm, làm chứng một cách thoải mái, hoặc mở rộng một cách phóng khoáng – mức độ lăng kính nào trong số những điều đó là cách tốt nhất cho việc thực hành sự tỉnh giác? Có một cách thức tối ưu nào cho việc chú tâm hay không? Câu trả lời là “tất cả những điều ấy”. Sự tỉnh giác có một sự uyển chuyển không giới hạn; và điều quan trọng là đừng gắn bó với bất kỳ một giải pháp nào coi là tốt nhất. Do nhầm lẫn, có những trường phái cho rằng đánh mất tự ngã và tan vào trong hơi thở hay chăm chú vào một kinh nghiệm nào đó là hình thái tối ưu của sự chú tâm. Những trường phái khác lại tin tưởng một cách sai lạc rằng việc nghỉ ngơi trong cái góc nhìn rộng lớn nhất, cái ý thức phóng khoáng về không gian, là giáo pháp cao nhất. Vẫn có những người cho rằng nền tảng trung đạo – một sự nhận biết đầy thư giãn và tự do về bất kỳ điều gì hiện ra ở đây và bây giờ, “chẳng có gì đặc biệt” – là sự thành tựu cao nhất. Nhưng, trong bản chất thật của nó, sự tỉnh giác không thể bị giới hạn. Tự thân ý thức cùng lúc vừa lớn vừa nhỏ, vừa chung vừa riêng. Vào những thời điểm khác nhau, sự thực hành của ta sẽ đòi hỏi ta phải bao quát tất cả những viễn cảnh ấy.

Bất kỳ một hình thái tỉnh giác thực sự nào cũng hoàn toàn tự do. Mỗi khoảnh khắc mà ta giải thoát được khỏi sự trói buộc và sự gắn bó thì đều có tính vô ngã và tự do. Nhưng cũng cần nhớ rằng mọi sự thực hành về tỉnh



giác đều có thể tạo ra một bóng mờ khi ta nhầm lẫn bám víu vào đó. Việc sử dụng sai lạc một khoảng không có thể dẫn ta đến chỗ ra ngoài không gian và đánh mất sự chú tâm. Việc sử dụng sai lạc sự chăm chú có thể dẫn ta đến chỗ phủ nhận và không cần biết đến những kinh nghiệm khác; và việc sử dụng sai lạc sự nhận biết thông thường có thể tạo ra một cảm giác sai lầm về “ngã” với tư cách làm chứng. Những bóng mờ ấy là những tấm màn tinh tế của việc bám víu vào sự thiên định. Phải xem chúng là gì và hãy buông bỏ chúng. Và hãy học cách làm việc với tất cả mọi lăng kính của sự tỉnh giác để phục vụ cho sự chú tâm thiện xảo của ta.

Càng có nhiều kinh nghiệm về năng lực của sự chú tâm thiện xảo, ta càng tin rằng nền tảng của tự thân sự tỉnh giác sẽ tăng trưởng. Ta sẽ học được cách thư giãn và cách buông bỏ. Trong bất kỳ khoảnh khắc nào của tình trạng bị trói buộc, sự tỉnh giác sẽ can thiệp, một sự có mặt không phán đoán hay chống cự. Hẹp hay rộng, gần hay xa, sự tỉnh giác soi sáng bản chất không thể nắm bắt được của vũ trụ này. Nó trả lại cho con tim và tâm thức cái đặc quyền của nó, tự do và tỏa sáng một cách tự nhiên.

Để mở rộng và đào sâu những hiểu biết về cách thực hành sự tỉnh giác như khoảng không, những hướng dẫn sau đây có thể có ích. Một trong những cách dễ tiếp cận nhất với sự tỉnh giác rộng mở là thông qua con đường của tai, việc lắng nghe mọi âm thanh của vũ trụ quanh ta. Vì dòng sông âm thanh đến và đi một cách tự nhiên, và vì hiển nhiên là chúng nằm ngoài sự kiểm soát của ta, việc lắng nghe mang lại cho tâm ta một trạng thái cân bằng tự nhiên của sự phóng khoáng và sự chú tâm. Tôi đã học được cách thực hành rất đặc biệt này, về việc dùng âm thanh như là cánh cổng đưa vào không gian, từ một vị đồng nghiệp là Joseph Goldstein từ hơn 25 năm qua; và từ ấy lúc nào tôi cũng dùng đến nó. Việc tỉnh giác đối với mỗi âm thanh trong không gian có thể là một phương pháp tuyệt hảo để bước vào thực hành vì nó bắt đầu một thời ngời thiên với một phong vị của sự thư giãn tinh tảo và sự buông bỏ phóng khoáng. Hoặc nó có thể được dùng đến sau một giai đoạn chú ý tập trung.

Bất kỳ khi nào bắt đầu, ta chỉ cần ngồi xuống một cách thoải mái tự nhiên. Hãy thả lỏng cơ thể rồi mặc cho hơi thở ra vào. Nhắm mắt lại. Hít sâu vào rồi thở ra nhẹ nhàng. Tự cho phép mình tịch lặng.

Rồi, hãy chuyển sự tỉnh giác ra khỏi hơi thở. Hãy bắt đầu lắng nghe sự xôn xao của những âm thanh quanh ta đang trở lên. Hãy nhận biết âm thanh nào ồn ào, âm thanh nào dịu nhẹ, âm thanh nào xa, âm thanh nào gần. Chỉ lắng nghe mà thôi. Hãy ghi nhận các âm thanh nổi lên rồi biến mất như thế nào mà chẳng để lại một dấu vết gì. Hãy lắng nghe một lúc trong trạng thái cõi mở và thư giãn.

Khi lắng nghe, hãy cho phép ta cảm nhận hay tưởng tượng rằng tâm của ta không chỉ bị giới hạn trong

đầu mình. Cứ thư giãn trong sự phóng khoáng ấy và chỉ lắng nghe. Cứ mặc cho âm thanh đến rồi đi, dù xa hay gần, như những đám mây trong cái bầu trời mênh mông của sự nhận biết của chính mình. Sự xôn xao của những âm thanh ấy di chuyển khắp bầu trời, hiện ra rồi biến mất, không hề đối kháng.

Khi ta nghỉ ngơi trong sự tỉnh giác ấy, hãy ghi nhận những tư tưởng và những hình ảnh cũng xuất hiện rồi biến mất như những âm thanh. Hãy mặc cho những hình ảnh và tư tưởng đến rồi đi không chống cự, không đối kháng. Những hình ảnh, tư tưởng, ngôn từ, cảm xúc dù dễ chịu hay khó chịu đều được chuyển động không bị giới hạn trong khoảng không mênh mông của tâm ta. Những trở ngại, những khả năng, niềm vui, nỗi buồn đều đến và đi như những đám mây giữa bầu trời trong trẻo của tâm.

Sau một lúc, hãy để cho sự tỉnh giác khoáng đạt ấy ghi nhận về thân. Hãy bắt đầu quan tâm xem những cảm giác của hơi thở và của thân thể đang nổi trôi bồng bềnh và thay đổi trong cái bầu trời tỉnh giác ấy như thế nào. Hơi thở tự thân nó đang hô hấp, nó chuyển động như một cơn gió nhẹ. Thân thể chẳng còn chắc đặc nữa. Nó được cảm thấy như thể là một vùng cảm giác có chỗ rắn có chỗ mềm, có chỗ bị đè nén có chỗ thấy ngứa ngáy, có chỗ ấm có chỗ lạnh, tất cả đều bồng bềnh giữa khoảng không của sự tỉnh giác trong tâm.

Hãy để cho hơi thở chuyển động như một cơn gió nhẹ. Hãy nghỉ ngơi trong trạng thái phóng khoáng đó. Hãy mặc cho mọi cảm giác bồng bềnh thay đổi. Cho phép mọi hình ảnh và tư tưởng, cảm giác và âm thanh đến rồi đi như những đám mây giữa bầu trời trong trẻo của sự tỉnh giác.

Cuối cùng, hãy chú tâm vào chính sự tỉnh giác. Hãy ghi nhận xem không gian rộng mở của sự tỉnh giác ấy tự nhiên trở nên quang đãng trong suốt không có thời gian và không mâu thuẫn đến mức nào – cho phép tất cả mọi sự, nhưng đừng để bị hạn định bởi chúng.

Đức Phật nói, “Này! Cái Thiên tính cao quý kia, hãy nhớ hãy nhớ đến cái bầu trời rộng mở trong trẻo của bản chất thật của người. Hãy trở về đó. Hãy tin vào đó. Đó chính là nhà”.

Nguyện cho niềm an lạc của những sự thực hành này đánh thức sự minh triết tự nội và làm khởi lên lòng từ của quý vị. Và nhờ sự an lạc trong tâm quý vị, nguyện cho thế giới này được thanh bình. ■

Nguồn: *A Mind Like Sky: Wise Attention Open Awareness*, Jack Kornfield, *Shambhala Sun*.

Jack Kornfield là Tiến sĩ về Tâm lý học Lâm sàng, đã dành nhiều thời gian nghiên cứu về Phật giáo ở Miến Điện, Thái Lan và Ấn Độ. Ông là đồng sáng lập viên Insight Meditation Society tại Bare, Massachusetts và Spirit Rock Center tại Woodacre, California, Hoa Kỳ, cộng tác viên thường xuyên của *Shambhala Sun*.

# Đình, Đền, Chùa và văn hóa truyền thống làng Lai Triều

Bài & ảnh: VŨ ĐÌNH TÂM – ĐOÀN VĂN CHUYÊN

**T**rong tâm thức của những người dân quê đất Việt, đình, đền, chùa hợp thành một thiết chế xã hội, một hệ thống tổ chức chặt chẽ của nông thôn. Có thể thấy đó là sản phẩm tự nhiên hình thành từ quá trình định cư và cộng cư của người Việt, hệ thống đó hóa thân vào mỗi cuộc đời, mỗi con người, trở thành máu thịt. Chính vì vậy, trải qua hàng nghìn năm lịch sử, hệ thống đình, đền, chùa của mỗi làng vẫn tồn tại nằm ở tầng sâu trong đời sống cộng đồng như một thực thể tự nhiên, lưu giữ những ký ức chung của dân làng, nơi diễn ra các hoạt động tôn giáo tín ngưỡng của bản thôn, trong đó việc thờ tự thiên thần và những bậc tiền hiền có công dựng làng, giữ nước có một địa vị quan trọng.

Cũng như bao ngôi làng khác ở Bắc Bộ, làng Lai Triều thuộc xã Thụy Dương huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình là một làng thuần nông với khoảng hai trăm hộ dân sinh sống chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Qua các gia phả, thần phả, thần tích của các dòng họ cho thấy các dòng họ từ Hải Dương, Quảng Ninh, Hà Nam, Nghệ An, Hà Tĩnh, từ miền trung du Bắc Bộ là những người đầu tiên về đất Thụy Dương khai hoang lấn biển, lập ấp, lập làng. Bằng chính sức lao động của mình, họ đã tạo ra những cơ sở vững chắc phát triển cho đến ngày nay. Làng Lai Triều cũng như bao vùng quê Việt Nam khác đã sớm hình thành cho mình những thiết chế văn hóa tinh thần và vật chất khá phong phú và đồ sộ, trong đó phải kể đến các loại hình tiêu biểu cho vùng đất này như các ngành nghề truyền thống, tín ngưỡng, lễ hội, nhà ở, đình làng, nhà thờ, lăng miếu... Nổi bật và được giữ gìn trân trọng là hệ thống đình, đền, chùa tọa lạc phía Tây làng trên thế đất thiêng gọi là tứ linh quần tụ: phụng vũ, long châu, mã hầu, tượng quy mà dân gian xưa nay vẫn quen gọi bằng các tên nôm: con voi, cổ ngựa, cánh nhọn, đuôi lươn...

Đình làng Lai Triều được xây dựng từ nhiều thế kỷ trước, là nơi thờ Đương cảnh Thành hoàng Thiên Ninh bản thổ Đại Vương và các vị có huân công huân tích, để lại dấu ấn sâu sắc đối với thôn hương, được dân làng tôn làm thành hoàng, được phụng thờ tế lễ xuân thu nhị kỳ. Đó là các vị có công đánh giặc bảo vệ đất nước, chiêu dân lập ấp, mở mang nghề nghiệp giáo hoá cho dân làng như ngài: Phối Sung Công Đức Đại Vương sắc

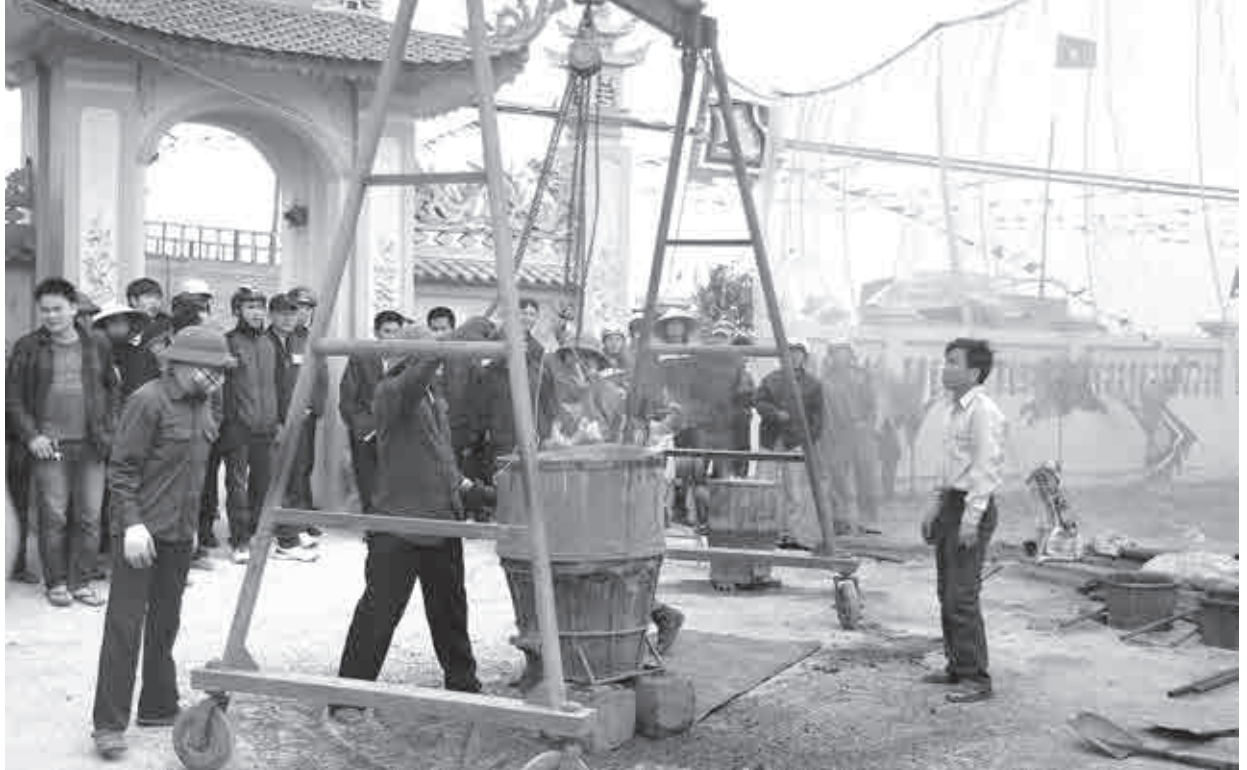
phong Dục Bảo Trung Hưng Linh Phù Phối Công Sung Công tôn thần, ngài Phúc Khánh linh từ Trung đẳng thần Đại Vương, Nguyễn Liệu đại quan và Tổ nghề hương Bùi Nhân Toàn tự Phúc Nghĩa...

Đình quay về hướng Tây bao gồm hai toà: toà hậu cung và toà đại bái tách biệt và song song với nhau theo lối chữ Nhị. Trong hậu cung có long ngai, hương án thờ phụng thành hoàng với đầy đủ các đồ tế khí: ngũ sự, bát bửu vàng son lộng lẫy; các đồ nghi trượng: chấp kích, tàn lọng, kiệu cờ đầy vẻ uy nghi. Đây cũng là nơi lưu giữ các đạo sắc của nhiều triều vua phong thần cho các vị thành hoàng làng.

Toà đại bái năm gian được dựng lên bằng gỗ tứ thiết, xây theo kiểu bít đốc, mái lợp ngói mũi xoè ra ôm rộng lấy thế đất. Bờ mái soi chỉ kép trở hoa chanh, thoáng, nhẹ mềm mại. Hai con thấu có bờm sừng dựng ngược như tua cờ, hai mắt lồi dữ tợn nhe răng ngậm chặt bờ mái, đuôi cong lại như muốn chồm về phía trước. Hệ thống cột cái, cột quân đều được làm bằng gỗ nguyên cây, không có mối nối, không sơn vẽ và được liên kết với nhau theo lối thượng rường - hạ kẻ, kết hợp hai loại liên kết kèo lẻ với con rường một cách hết sức sáng tạo. Trên các vì kèo, tất cả các đầu bẩy, đầu dư, đỡ, xà kẻ, ván gió... các nghệ sĩ điêu khắc dân gian đã chạm khắc các đề tài tái hiện cuộc sống và lao động của con người, cảnh sắc thiên nhiên giàu tính dân gian, hết sức phong phú và sinh động.

Trải qua chiến tranh và thiên tai, đình làng đã bị hư hại, xuống cấp khiến dân chúng trong làng luôn băn khoăn mong muốn trùng tu. Đến năm 2012 nhân dân trong làng đã góp công góp của xây dựng lại ngôi đình cổ. Về cơ bản ngôi đình vẫn được giữ nguyên lối kiến trúc cổ với tường xây gạch, mái lợp ngói âm dương, có toà hậu cung và toà đại bái tách biệt và song song với nhau theo lối chữ nhị. Ngoài ra trên nóc đình tẩm, các góc đuôi mái... đều có đắp hình con lân và lưỡng long châu nguyệt; cột kèo xà được chạm trổ rất tinh vi, ngay giữa nóc chính đình có có bức hoành sơn son thiếp vàng lộng lẫy để mấy chữ lớn bằng tiếng Hán.

Cả toà đình bề thế thấp thoáng dưới tán cây đa cổ thụ nghìn năm tuổi bên giếng nước leo lẻo trong vát, đã ru hồn bao thế hệ người dân làng Lai Triều. Đến nay, nhiều thế kỷ đã qua, nước ao làng dường như vẫn còn



soi bóng ngôi đình trầm mặc đang sống đời sống của một thời dĩ vãng.

Ngôi từ của làng Lai Triều có tên chữ là Phúc Linh Từ, cũng được xây dựng từ nhiều thế kỷ trước. Từ có kết cấu theo lối chữ đình, khuôn viên từ được mở ra theo bố cục thượng hạ tri, đó là một cách sắp đặt không gian kiến trúc hài hòa, phù hợp với quy luật chuyển vận của ngũ hành trong vũ trụ. Phía trước có minh đường là mặt hồ rộng, bốn mùa phản chiếu sắc trời cũng là nơi thủy tụ (tụ linh, tụ phúc). Dải đất cao phía sau làm chỗ tựa lưng vững chắc tạo thế hậu chẩm cho ngôi từ.

Ngôi từ đã đồng hành cùng lịch sử tồn tại của làng xã, chứng kiến những thăng trầm của thời cuộc, có vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân làng Lai Triều, góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần của cư dân trong vùng. Qua bao biến thiên thời cuộc, từ làng đã được trùng tu tôn tạo nhiều lần. Theo truyền dẫn vào khoảng các năm Quý Hợi - Ất Sửu (543- 545) niên hiệu Thiên Đức thời Tiền Lý (544 - 548), từ đã được sửa sang tôn tạo. Sau này, vào năm Quý Mùi niên hiệu Tự Đức năm thứ 36 (1883), năm Kỷ Tỵ niên hiệu Bảo Đại năm thứ 4 tháng Mạnh Xuân từ tiếp tục được tu bổ; sau những lần trùng tu này toàn bộ nội từ có được quy mô như ngày nay. Vào các năm Bính Tý, Nhâm Ngọ dân làng tiếp tục tu bổ, và phục dựng thêm một số hạng mục công trình khác.

Ba gian tiền tế kiến trúc theo lối nhà cổ ba hàng cột, mái lợp ngói vẩy rồng, được thiết kế theo kiểu tứ diện chéo đao tấu góc. Bốn tàu mái cao rộng với bốn tàu đao cong vút như nâng các tàu mái. Hai mái chính và hai mái hồi gặp nhau thành đường bờ khúc rời nhẹ nhàng kéo cong về bốn phía như hoa nở làm cho các mái từ như nhẹ bồng bay bổng trong không gian. Trên bờ nóc là hình tượng lưỡng long châu nguyệt mềm mại uyển chuyển như đang vờn gió tung mây đem lại nét thanh thoát cho cả toà kiến trúc nguy nga tráng lệ.

Gian giữa, cổ khám gian lộng lẫy đặt uy nghi trên hương án với đầy đủ các đồ tế khí, ảo mờ trong làn khói nhang trầm nghi ngút tạo ra một vẻ linh thiêng đặc biệt. Ngược mắt nhìn lên, bức hoành phi đề bốn chữ Hán đại tự Thánh Cung Vạn Tuế treo trang trọng ngay phía trên hai vế đối ca ngợi công đức của chư vị đại vương và sự linh thiêng của bản từ:

*"Vị tam đức thịnh đồng thiên địa  
Đệ nhất linh thanh tự cổ kim"*

Hai bên là hương án phối thờ đức ông và thiên tiên nữ thần công chúa.

Hậu cung ở vị trí trung tâm, đó là một không gian khép kín, tạo nên một không khí thần bí thiêng liêng. Nơi đây, có bài vị và án thờ các vị Đại vương:

Nhất vị Nam Hải đại vương, sắc phong Ngụy Tuấn Huyền Thông Tĩnh An Quảng Lợi Ưông Nhuận Dực Bảo Trung Hưng thượng đẳng thần.

Nhất vị Đô Phu Thanh Tĩnh đại vương, sắc phong Phu Khánh Diên Hi Hiển Diệu Thuần Chính gia tặng Dực Bảo Trung Hưng Thiên Quan tôn thần.

Nhất vị Thiên Quan Tuý Toái Đại Vương, sắc phong Dực Bảo Trung Hưng Thanh Tĩnh Công tôn thần.

Tới nơi đây, được chiêm bái dung nghi của các vị đại vương, mặc áo đại bào, đeo đai ngọc, đội mũ bình thiên, ngự trên bệ rồng, hai bên là cặp liễn đề tám chữ: "Thiên bảo cứu như; Thánh cung vạn tuế" mới thấy hết được lòng tôn sùng và kính ngưỡng của dân làng đối với các đấng khai sáng thôn hương, và hộ trì cho cuộc sống hôm nay.

Ngôi cổ tự làng Lai Triều ẩn hiện dưới tán cổ thụ đã bao đời. Trong ký ức dân làng còn ghi rõ từ ngàn năm trước, nơi đây mới chỉ là một thảo am nhỏ thờ Phật chính hướng nhìn về Phật quốc. Năm Tân Hợi, niên hiệu Vĩnh Khánh thứ 3, triều Lê đế Duy Phường nhà Hậu Lê, vào tiết tháng Chín, việc xây dựng chùa làng bắt đầu được



hung công. Từ đây, chùa được đổi sang hướng nam với các hạng mục chính gồm: Chính điện thờ Phật, chùa ngoài và nhà tổ; tiếp sau đó nhà chùa còn được trùng tu tôn tạo nhiều lần vào các năm Bính Tý, Tân Mão (2000) để có được diện mạo như ngày nay.

Cũng như nhiều ngôi chùa truyền thống của Phật giáo Bắc Tông, trên chính điện của chùa, các lớp bàn thờ được sắp xếp theo nguyên tắc: lớp cao nhất ở sâu trên cùng giáp mái chùa, sau đó các lớp bàn thờ đặt tượng thấp dần, tiếp sau lớp bệ thờ cuối cùng là hương án. Cách bài trí tượng pháp cũng theo một trật tự nhất định. Tầng cao nhất của bàn thờ ở chính điện, sát vách là ba pho tượng *Tam thế Phật*, tức là các vị Phật của ba thời gian, quá khứ hiện tại và tương lai, được đặt ngồi trên toà sen. Ở lớp bàn thờ thứ tư chiếm vị trí trung tâm là tượng Cửu Long diễn tả Phật Thích-ca Mâu-ni lúc mới sinh. Theo truyền thuyết, khi ngài mới đản giáng, có chín con rồng xuống phun nước cho ngài tắm. Tắm xong, ngài tự đi được bảy bước về phía trước, tay trái chỉ lên trời tay phải chỉ xuống đất mà nói *"Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn"* (trên trời dưới trời chỉ có một ta), xong ngài lại nằm xuống theo kiểu con trẻ.

Gian phía đông thờ đức ông bản tự, phía tây thờ thành mẫu. Trước cửa chính điện dựng trụ Thạch hương đài ghi lại thời gian xây dựng chùa, dẫn lời Phật dạy để giáo hoá hậu sinh và ghi tên tuổi những người có đóng góp lớn lao trong việc trùng tu bản tự.

Bên cạnh những di sản văn hóa vật thể, làng Lai Triều còn có hội vật đầu xuân vào ngày 10 tháng Giêng. Từ xa xưa, các bậc cao niên, những người cha, người anh trong làng đã luôn luôn quan tâm nhắc nhở con cháu phải nâng cao ý thức gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị đặc biệt của di sản tinh thần quý báu này ở một vùng quê văn hiến:

*"Tháng giêng mừng mười đất lễ hội vật  
Lễ trời lễ Phật con giữ lệ làng  
Dù ai nói dọc bàn ngang.  
Tráng đình hàng tổng sới làng trống rung"*

Hội vật mừng mười tháng giêng là một lễ hội truyền thống của dân làng Lai Triều được mở theo định lệ hàng năm để tưởng nhớ công đức ngài Đô Phu Thanh Tĩnh Đại Vương sắc phong Phu Khánh Diên Hy Hiển Diệu Thuần Chính gia tặng Dực Bảo Trung Hưng Thiên quan tôn thần.

Địa điểm tổ chức ở đình làng, hội vật mang ý nghĩa của môn thể thao truyền thống để trai tráng trong làng rèn luyện sức khỏe - khỏe để lao động sản xuất, khỏe để bảo vệ Tổ quốc và xây dựng hạnh phúc gia đình, đồng thời thể hiện tinh thần thượng võ của dân tộc Việt Nam nói chung của dân làng Lai Triều nói riêng. Hòa bình lập lại, giai đoạn 1958 - 1960, lễ hội võ vật của làng lại được khôi phục và phát triển. Trong làng có những đô vật như: Lê Văn Ấ, Lê Văn Nông, Lê Uy, Lê Kế là những đô

vật có tiếng, ngoài ra còn có các đô vật như: Bùi Hàm, Bùi Tước, Bùi Nôn, Đoàn Bản, Đoàn Sáu, Đoàn Lan. Ngày hội, làng còn mời các đô vật từ các lò vật Thụy Sơn, Thụy Thanh và một số địa phương khác về tham dự làm cho không khí ngày hội tràn đầy sức sống, tạo niềm vui tươi phấn khởi cho nhân dân địa phương, thắt chặt mối tình đoàn kết, hăng say lao động sản xuất, xây dựng đời sống ngày càng ấm no hạnh phúc. Hiện nay lễ hội có những điểm mới nhưng nhìn chung vẫn giữ nòng cốt của lễ hội như những năm trước đây; thời gian tổ chức lễ hội trong 3 ngày (9-10-11 tháng giêng) hằng năm.

Ngày Chín tháng Giêng là lễ cáo yết, khai mạc sau đó các đồng họ dâng hương tế thánh, dân làng và khách thập phương đến dâng hương, cùng lúc, trống vật bắt đầu nổi để trai tráng trong làng đạp đất, tổ chức các trò chơi dân gian như tổ tôm, cờ tướng...

Ngày mười Mươi chính hội có đô vật ở các địa phương khác đến tranh giải, vẫn tiếp tục lễ dâng hương và tiếp tục các trò chơi dân gian. Buổi tối các ngày mừng chín, mừng mười có tổ chức các buổi liên hoan văn nghệ và hầu bóng. Ngày Mười Một buổi sáng tiếp tục phần lễ và hội, buổi chiều lễ bế mạc và tổ chức bữa cơm thân mật gặp mặt toàn thể dân làng.

Trong hơi xuân ấm áp, gió xuân hây hẩy; khi mưa xuân rây bụi trên rặng tre làng, khi hơi rượu nồng nàn và hương vị tết còn đậm quện trong tiếng cười tiếng nói, trong nếp áo nếp khăn, tiếng trống hội làng lại gióng giả cất lên, lúc khoan lúc nhặt, lúc dồn dập rộn rã, lúc hoan hỉ tung bùng như mời, như gọi thúc giục tráng đinh trong làng và các vùng lân cận tề tựu về sới vật trước đình làng để so tài cao thấp.

Trải qua bao cuộc bể dâu sao dời vật đổi, nhân sinh mấy độ thăng trầm thời thế biến thiên, các thế hệ dân con dân cháu làng Lai Triều vẫn gìn giữ nguyên vẹn phong vị nguyên sơ thuở ban đầu của Hội vật truyền thống hàng năm để cầu cho mưa thuận gió hoà, phong đăng hoà cốc, dân xã được yên bình no đủ, xa gần vang khúc hoan ca.

Đi ngang qua vùng đất Thụy Dương, đến làng Lai Triều nếu lắng nghe quá khứ thì quá khứ vẫn còn vọng đến hôm nay những âm hưởng thiết tha về một không gian yên bình của bờ tre ruộng lúa vòng khoai, đắm say trong tiếng hát chèo ngọt lịm, lắng lòng để cảm nhận hơi thở nồng nàn của cuộc sống một làng quê mà cả đến đất đai sông nước cũng chất chứa ân tình, từng viên sỏi, nhánh cây cũng ngân lên bao yêu thương triu mến:

*"Ao Lai Triều vừa trong vừa mát.  
Đường Lai Triều đất cát dễ đi.  
Dầu xa người vẫn thương về  
Hương đồng gió nội, vắng nghe điệu chèo"*

Tất cả đã trở thành niềm tự hào của họ - một niềm tự hào chính đáng về một truyền thống bền chặt ở làng quê bình yên này. ■



# Chùa Giác Thế nơi lưu giữ dấu ấn thời gian

Bài & ảnh: TRẦN VĂN DŨNG

S uốt chiều dài lịch sử, Huế là trung tâm văn hóa Phật giáo không chỉ của miền Trung mà còn của cả nước. Cố đô Huế có số lượng chùa nhiều nhất so với bất kỳ địa phương nào trên lãnh thổ Việt Nam. Mỗi ngôi chùa ở Huế không chỉ là một công trình kiến trúc độc đáo hòa quyện với cảnh quan thiên nhiên, mà còn là một địa chỉ lịch sử, văn hóa và tâm linh đặc sắc. Chùa Giác Thế ở làng Lại Thế, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế là một trong những chùa làng tiêu biểu. Văn cảnh chùa Giác Thế, du khách thập phương sẽ được thưởng ngoạn vẻ đẹp quyện hòa giữa thiên nhiên và kiến trúc nơi đây.

Làng Lại Thế được hình thành cách đây hơn 540 năm trong sự kiện vua Lê Thánh Tông (1442 - 1497) đích thân dẫn đại quân đi bình định Thuận Hóa trước sự đánh phá của quân Chiêm Thành năm 1471. Sau công cuộc bình định, trên đường trở về, dừng ở thành Hóa Châu, vua đã ban chiếu cho tăng cường di dân vào Thuận Quảng và những vùng đất khác để khai hoang, phục hoá thành lập làng xã mới. Làng Lại Thế được cắm mốc hình thành trong thời điểm này. Theo "Ô Châu cận lục" của Dương Văn An chép từ thời nhà Mạc năm 1553, làng Lại Thế được kể đến là một trong 67 xã của huyện Tư Vinh, thuộc phủ Triệu Phong; về sau Đoàn quận công Nguyễn Hoàng (1525-1613) đổi huyện Tư Vinh thành huyện Phú Vinh, tức Phú Vang ngày nay. Sách "Ô Châu cận lục" cũng ghi rằng vào thời điểm đó, ở chợ Lại Thế có nhiều hàng hóa lưu thông, trong làng tù và thổi đầu canh giục giai nhân điểm phấn

tô son; chứng tỏ làng Lại Thế lúc bấy giờ là nơi hội tụ đông vui, giao thông và sinh hoạt muôn phần thuận lợi.

Chùa Giác Thế tọa lạc trên mảnh đất rộng giữa làng, cách trung tâm thành phố Huế khoảng 3km về phía Đông nam. Chùa được xây dựng từ năm Mậu Ngọ (1798), niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 6. Niên đại xây dựng ngôi chùa được nhận biết được qua dòng chữ Hán khắc trên liên ba chánh giữa của chùa: "景盛六年歲次戊午十二月初十日己亥丑牌上樑 - Cảnh Thịnh lục niên tuế thứ Mậu Ngọ thập nhị nguyệt sơ thập nhật Kỷ Hợi, Sửu bài thượng lương" (Giờ Sửu, ngày Kỷ Hợi 10 tháng 12 năm Mậu Ngọ niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 6 - 1798 làm bằng thượng lương).

Chùa được xây dựng theo lối kiến trúc nhà rường một gian hai chái, còn gọi là kiểu nhà vuông. Đây là một trong những di tích nghệ thuật kiến trúc tiêu biểu vùng ven đô Huế với lối kiến trúc gỗ mang đậm dấu ấn dân gian cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Đó là phong cách nhà rường Huế với kiểu dáng, quy mô, mỹ thuật, tính năng sử dụng và các đồ sứ trang trí mang đặc trưng thời Nguyễn. Các đề tài trang trí trong kết cấu gỗ của chùa cũng được chạm trổ tinh xảo. Điều đáng chú ý là kiến trúc chùa Giác Thế được các nhà nghiên cứu văn hóa, mỹ thuật đánh giá là một dạng kiến trúc đặc biệt khác với lối kiến trúc của các chùa làng khác ở Huế. Điển hình là hầu hết các ngôi chùa làng khác đều được đặt nằm ngang thì chùa làng Giác Thế được đặt nằm dọc và chính việc đặt ngôi chùa theo hướng nằm dọc đã tạo nên chiều sâu tâm linh, tạo ra không gian rộng lớn cho ngôi chùa.



Là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân trong làng nên chùa Giác Thế thường xuyên được dân làng quan tâm tu sửa, giữ gìn. Cũng trên cây xà ở gian giữa chánh điện còn khắc các dòng chữ:

“啓定辛酉九月二十四日庚申己牌改造上樑的舊坐甲向東 - *Khải Định Tân Dậu cũ nguyệt nhị thập tứ nhật Canh Thân kỷ bài cải tạo thượng lương đích cựu tọa giáp hướng Đông*” (Giờ Canh Thân, ngày 24 tháng 9 năm Tân Dậu niên hiệu Khải Định - 1921 khắc bản mộc ngày trùng tu thượng lương, y theo trước tọa giáp hướng Đông).

“佛曆二千五百五年辛丑陸月貳拾陸日辰牌上樑本社奉炤從前大行修造坐向依舊恭錄 - *Phật lịch nhị thiên ngũ bách ngũ niên Tân Sửu lục nguyệt nhị thập lục nhật Thìn bài thượng lương bổn xã phụng chiếu tông tiền đại hành tu tạo tọa hướng y cựu cung lục*” (Giờ Thìn, ngày 26 tháng 6 năm Tân Sửu Phật lịch 2505 khắc ngày thượng lương. Bổn xã phụng theo trước đại trùng tu tọa hướng theo như cũ nay cung kính khắc lại).

Những dòng chữ đó đã cho chúng ta biết các lần trùng tu cải tạo lớn chùa Giác Thế. Lần thứ nhất vào ngày 24-10-1921 (ngày 24 tháng 9 năm Tân Dậu), giờ Thân (15-17h). Lần thứ hai vào ngày 7-8-1961 (ngày 26 tháng 6 năm Tân Sửu), giờ Thìn (7-9h). Một điều thú vị là các dòng khắc đó không chỉ cho ta biết rõ ngày, tháng, năm mà cả giờ tốt để làm lễ đặt thượng lương. Đây là trường hợp độc đáo, rất hiếm gặp trong các ngôi chùa ở Huế nói riêng và ở nước ta nói chung, chứng tỏ ngôi chùa thực sự là một công trình “*văn hóa tâm linh*”, được dân làng giữ gìn qua các thời kỳ lịch sử.

Bước vào chánh điện, gian giữa thờ tượng Đức Phật Thích Ca ngự trên tòa sen, tay bắt ấn Tam muội, phía trên treo bức hoành phi bằng gỗ sơn son thếp vàng bên trong chạm nổi năm chữ Hán “*敕賜覺世寺 - Sắc Tứ Giác Thế Tự*” (Vua ban sắc lấy tên là chùa Giác Thế). Dòng chữ bên phải viết: “*皇朝明命庚寅吉日造 - Hoàng triều Minh Mạng Canh Dần cát nhật tạo*” (Tạo dựng vào ngày tốt năm Canh Dần, niên hiệu Minh Mạng [1830]).

Từ hàng cột nhất gian giữa phía trong chánh điện trở về sau chùa được thiết kế một vách ngăn bằng gỗ tạo thành hậu điện và trở hai lối ra vào chánh điện trở với phía sau. Đây là khu vực thờ các vị khai canh làng Lại Thế mang họ Châu, Trần, Nguyễn. Trên có treo bức hoành phi: “*光前 Quang tiền*” (Sáng ở phía trước), lạc khoản ghi “*景盛六年 恭錄 - Cảnh Thịnh lục niên cung lục*” (Niên hiệu Cảnh Thịnh năm thứ 6 [1798] kính ghi); và hai bên có hai vế đối:

聖代親賢三錫命  
尊神優愛重銘勳

Phiên âm:

*Thánh đại thân hiền tam tích mệnh,  
Tôn thần ưu ái trọng minh huân.*

Tạm dịch:

*Đời vua sáng yêu người hiền, ba lần ban cho sức mệnh,*

*Bậc tôn thần thuận với lòng quý mến,  
trọng công nghiệp rạng rỡ.*

Dòng lạc khoản đề: “*啓定元年梅月 國子監祭酒阮文理檢教阮科澹助教黎炳助教膺韶拜 Khải Định nguyên niên mai nguyệt, Quốc Tử Giám Tế tửu Nguyễn Văn Lý, Kiểm giáo Nguyễn Khoa Đạm, Trợ giáo Lê Bình, Trợ giáo Ung Điều bài*” (Tháng 4 niên hiệu Khải Định năm thứ nhất [1916], Quốc Tử Giám, quan Tế tửu Nguyễn Văn Lý, Kiểm giáo Nguyễn Khoa Đạm, Trợ giáo Lê Bình, Trợ giáo Ung Điều bài).

Từ bao đời nay, chùa làng Giác Thế là nơi dân làng thành tâm lễ Phật vào những ngày lễ, Tết, sóc, vọng và cũng là chốn văn cảnh của du khách muôn phương. Chùa Giác Thế cũng góp phần vào nét đẹp điểm tô văn hóa làng Lại Thế và là điểm đến không thể thiếu của những người con xa xứ mỗi khi có dịp trở về thăm quê. Hiện nay, chùa vẫn còn bảo lưu được chuông đồng trên trăm tuổi và nhiều bức tượng quý đã ngoài 200 năm. Việc thờ tự ở chùa Giác Thế cũng có nét riêng; chùa không chỉ thờ Phật mà còn thờ cả Thánh mẫu và Quan Công. Ở đây cũng thờ ngài Bổn thổ Đô đại thành hoàng, các vị thủy tổ khai canh khai khẩn của làng: Đặc tấn phụ quốc Thượng tướng quân Hồ Bá Châu tướng công, Đặc tấn phụ quốc Thượng tướng quân Tấn Lý hầu Trần tướng công và Bổn thổ khai canh Nguyễn đại lang tôn thần, những vị đã có công khai lập chùa. Trong khuôn viên yên bình của ngôi chùa làng Giác Thế hôm nay vẫn hiện diện những miếu thờ với những kiến trúc đặc trưng, đó là miếu thờ thần làng, miếu ngũ hành và miếu thờ các vị thủy tổ khai canh khai khẩn của làng nói trên; tất cả tạo nên sự gần gũi hài hòa nơi chốn thiên môn của làng quê.

Chùa Giác Thế là một nguồn tư liệu vật chất, một dấu ấn văn hóa góp phần vào việc nghiên cứu lịch sử hình thành phong cách kiến trúc chùa xứ Huế trong dặm dài của kiến trúc Phật giáo Việt Nam. Cùng với hệ thống di tích lịch sử văn hóa, kiến trúc nghệ thuật trên địa bàn huyện Phú Vang như nhà lưu niệm Nguyễn Chí Diểu, đình An Truyền, đình Lại Thế, tháp Phú Diên, đình Quy Lai, đình làng Sinh, đình Tây Hồ, chùa Hà Trung... chùa Giác Thế góp thêm phần đa dạng và phong phú cho hệ thống di sản văn hóa vật thể - những chứng tích vật chất và tinh thần phản ánh sinh động về đời sống, phong tục, tập quán cũng như lịch sử phát triển và bề dày văn hóa của cộng đồng cư dân trên vùng đất Phú Vang nói riêng và tỉnh Thừa Thiên Huế nói chung. ■





# Ngày xuân, thăm chùa Thiên Đức

MANG VIÊN LONG

**N**hà nghiên cứu, biên khảo Lộc Xuyên Đăng Quý Định vào mùa xuân này bắt đầu bước qua tuổi 76, từ lâu vẫn mang trong người hai chứng bệnh tim mạch và cao huyết áp; gần đây, lại “rước thêm” bệnh tiểu đường. Tuy vậy, với dáng người đậm thấp, trông anh cũng còn khỏe mạnh. Anh cần mẫn trước tác, dường như ngày nào cũng viết dù chỉ là viết tay thôi, có tác phẩm lên đến hàng ngàn trang sách. Cho đến hôm nay, anh đã xuất bản 17 tác phẩm và đã hoàn thành 12 tác phẩm bản thảo, đang chờ “đủ duyên” để được in.

Bước vào tuổi sáu bảy mươi, ít có người nào thân được hoàn toàn không bệnh. Không bệnh này cũng bệnh kia. Không nặng thì nhẹ! Nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương đã trên bảy mươi, mỗi lần nghe tôi thăm hỏi (qua điện thoại) “*Dạo này chị có khỏe không?*” - liền cười: “*Đến tuổi này không đau mới lạ!*”

Đừng nghĩ rằng, hễ làm bác sĩ rồi, thì “bệnh” sẽ sợ không ghé thăm đâu. Định luật vô thường (sinh lão

bệnh tử) không chữa cho riêng một ai, dầu là bậc đế vương, thần thánh. Có lần gặp nhau qua tách cà-phê, anh Lữ Kiều (bác sĩ - tiến sĩ chuyên khoa tim mạch) “điểm mặt” những bệnh nhân của anh đang hiện diện quanh bàn; cả thầy sáu người, nhưng đã có năm người là “bệnh nhân của anh” rồi, trong số ấy có cả anh Đỗ Hồng Ngọc, chỉ trừ họa sĩ Rừng ở xa Saigon. Anh Đỗ Hồng Ngọc cũng cười: “Còn ông, mỗi ngày cũng phải tống vào bụng mấy viên...”

Tuổi trên sáu bảy mươi, giống như chiếc xe đã sử dụng qua ngàn ấy năm tháng, có khi quá tải, có khi “thoải mái” sử dụng ngày đêm mà không biết (hay không có thời gian, điều kiện) chăm sóc “tân trang”, theo dõi để kịp thời “tu bổ”, đợi cho đến khi xe chạy ì ạch, mới... đi tìm bác sĩ, bệnh viện! Chiếc xe đã “xuống cấp” tùy theo mức độ, thì chuyện cho vào... ga-ra là chuyện của thời gian thôi! Không có gì lạ cả!

Anh Đăng Quý Định theo chuyến xe buýt đầu ngày từ thị trấn Bồng Sơn vượt gần tám mươi cây số vào đến

phường Bình Định lúc 8 giờ 30 phút. Anh dò dẫm ghé thăm nhà Trần Nhâm Thân ở gần ngã tư Quang Trung - Trần Phú trước vì gần trạm xe, rồi gọi báo tin cho tôi.

Tôi đã có mặt ngay, dẫn chuyến vào thăm xuân của anh hơi bất ngờ. Tôi cứ nghĩ, ngày càng thêm bệnh, anh khó “chống gậy” mà vượt qua tám chục cây số để vào thăm chúng tôi. (Tết năm ngoái, anh cũng đã “chống gậy” vào thăm tôi tại nhà, khiến tôi nghĩ, có lẽ anh sẽ khó đi chơi thêm lần nữa!). Sau tuần trà, thăm hỏi chuyện tết, chuyện nhà, chuyện sách báo; anh đặt vấn đề, “Ông sẽ cho tôi đi thăm xuân ở đâu?”. “Anh cần đi thăm ở đâu, tôi sẽ chở anh đi thôi!”.

Thấy anh phân vân, tôi hiểu. Bình Định - An Nhơn không có gì xa lạ với anh. Anh đã có thời gian đi học ở đây, có thời gian “lui tới” lúc đã đi dạy, rồi đi sưu tầm tư liệu để viết sách. Nên tôi phải nghĩ đến một địa danh mà có lẽ anh sẽ thích đến thăm dịp xuân. Tôi đề nghị: “Anh em mình xuống thăm chùa Thiên Đức, viếng tháp, đánh lễ Hòa thượng Thiện Nhơn đầu xuân nhé!”. Anh như sực nhớ: “Phải rồi! Từ lúc Hòa thượng mất cho đến nay, tôi chưa có dịp xuống tháp hương cho ngài. Lúc ngài còn tại thế, tôi và ngài có mối giao hảo rất thâm tình. Đôi lần đi Phật sự ở Hoài Nhơn, ngài đều có ghé lại tậ xá!”.

Sau bữa cơm thân tình với Trần Nhâm Thân, khoảng gần hai giờ chiều, tôi đã chở anh trên chiếc xe DD cũ, cà rịch cà tang xuôi về thôn Háo Lễ theo đường xuống Phước Hưng... Dầu tôi đã chạy xe chậm, rất chậm, nhưng anh ngồi sau vẫn nhắc: “Chạy chậm thôi nghe ông! Đường lồi lõm đau đầu quá!”.

Ngồi phía sau, anh nhắc kể về những kỷ niệm khó quên với Hòa thượng Thiện Nhơn lúc ngài ra Bồng Sơn thăm, khi anh vào ở Thiên Đức để viết cuốn “*Phật Giáo Bình Định*”, về bài thơ “*Viếng Chùa Thiên Đức*” gửi tặng bị cô dịch vụ đánh vi tính “biên tập” một chữ khiến Hòa thượng “tra hỏi”... Xe chạy rề rà dọc con đường bê tông nhỏ, giữa cánh đồng xanh lúa, gió từ hướng biển đã thổi dạt dào, hương xuân như vẫn còn phảng phất quanh thôn làng yên ả tươi mát...

Giọng anh phấn khởi:

*“Danh lam Bình Định tiếng tăm lừng  
Thiên Đức còn đây giữa Phước Hưng  
Háo Lễ đồng xanh bày trước mắt  
Tân Dân sông cái lượn sau lưng  
Mây lành dày dạn ơn trời bủa  
Móc ngọt đầm đìa đất Phật ngưng  
Gắng sức tài bồi thêm nữa nữa  
Chùa bao nhiêu ngói, bấy nhiêu mừng!”.*

Anh vui vẻ kể: “Bài thơ tôi viết “*móc ngọt*”, cô ấy nghĩ rằng có lẽ tôi viết sai, đã “chỉnh sửa” lại là “*nước ngọt*”. Hòa thượng Thiện Nhơn cười: “Ông nói đất ở đây “*nước ngọt*” chảy tràn đầy là ý thế nào?”. Tôi phải xin lỗi ngài, đọc và viết lại nguyên bản; chuyện đã xưa cũ nhưng nhớ lại, kể cũng vui!”. Anh tâm sự: “Tuổi của bọn mình,

còn đi được ngày nào, nên đi cho vui! Thăm anh em, bà con, chùa chiền để thấy đời còn nhiều an ủi đáng quý!”. Nhân lúc vui, tôi cũng nhắc lại một lần Hòa thượng lên thị trấn có việc, đã bất ngờ ghé lại nhà thăm tôi. Tôi có hỏi vui “Thưa Hòa thượng, ngoài sách báo Phật giáo, Hòa thượng có đọc truyện của “*đời thường*” nữa không?”. Ngài bảo có. Tôi hân hoan lấy hai tập truyện “*Trái Tim Còn Lại*” và “*Người Giữ Cầu Bến Sông*” mới xuất bản, viết tặng ngài. Thời gian tham gia viết bài, biên tập cho Kỷ yếu, tôi gán ngài nhiều hơn, để ghi lại “*đời đời*” về ngài, theo đề nghị của thầy Nhuận Tâm...

Chúng tôi vào chùa, chùa vắng. Cả hai cùng đi đến gian nhà khách phía bên trái, ngồi nghỉ. Lát sau, một chú điệu từ phía nhà Tổ tiến lại: “Chào hai bác, hai bác cần gì ạ?”. Tôi đáp: “Thầy Nhuận Trí có ở chùa không, chú?” – “Dạ thưa, có! Thầy đang nghỉ trưa...”. Chú rót nước trà ra hai tách: “Mời hai bác uống nước!”, Anh cầm tách trà hớp một ngụm nhỏ: “Khi nào thầy dậy, chú thưa với thầy có hai người muốn gặp nhé!”.

Khi Hòa thượng Thiện Nhơn còn tại thế, đôi lần đến Tổ đình thăm ngài, tôi cũng đã quen với vị Đại đức nhiệt tình và nhu hòa Nhuận Trí. Thời gian tham gia biên tập cho tập Kỷ yếu “*Chào mừng đại lễ khánh thành sắc tứ Tổ đình Thiên Đức*” (25 tháng Bảy năm Đinh Hợi – 2007), tôi quen thân thầy hơn, bởi thầy đã được Hòa thượng tín nhiệm ủy quyền trông nom chùa mọi mặt...

Chỉ ngay sau đó khoảng mười phút, thầy Nhuận Trí đã đến nhà khách tiếp chuyện chúng tôi. Anh Đặng Quý Địch thăm hỏi về tình hình sinh hoạt của chùa sau ngày Hòa thượng Thiện Nhơn viên tịch, về người đệ tử “*đặc biệt*” của Hòa thượng thường hát tân cổ nhạc ở gác chuông; nhắc kể vài kỷ niệm quý báu mà Hòa thượng đã ân cần dành cho anh thuở trước! Anh vui vẻ nói: “Lúc Hòa thượng ghé thăm tôi ở Bồng Sơn, tôi có dâng tặng Hòa thượng cây gậy chạm đầu rồng do người con tặng cho tôi. Tôi nghĩ, mình không xứng đáng cầm gậy đầu rồng, nên tặng lại Hòa thượng... Nếu nhà chùa còn giữ bảo vật của Hòa thượng để lại, thầy có thể cho tôi xin lại cây gậy ấy, được không?”. Anh thành thật: “Tôi nghĩ, chắc Hòa thượng cũng sẽ hoan hỉ thôi. Tôi muốn giữ lại để làm kỷ niệm về Hòa thượng...”. Thầy Nhuận Trí tươi cười: “Tôi có thấy, nhưng sau này chưa biết cây gậy ấy ở đâu? Nếu tìm lại được, sẽ xin gửi Bác thôi...”.

Theo sự hướng dẫn của thầy Nhuận Trí, hai chúng tôi vào nhà Tổ thấp hương đánh lễ Hòa thượng rồi lên chánh điện nguyện cầu. Thấy Nhuận Trí tự thân thấp hương và gióng hồi chuông Bát nhã... Vừa bước ra khỏi chánh điện, thầy Nhuận Trí nói: “Mời hai bác thăm tháp Ngài...”. Tại chiếc tháp được xây dựng đơn giản, nhưng trang trí mỹ thuật, trang nghiêm, chúng tôi đã lễ lạy Hòa thượng như lúc ngài còn sống, đã ghi lại vài tấm ảnh kỷ niệm bên nơi an nghỉ của ngài - một vị Đại lão Hòa thượng đức độ, khiêm cung, trọn đời luôn chăm lo cho công cuộc chấn hưng Chánh Pháp... ■



# Người ta khư khư còn tôi buông xả

NGUYỄN HỮU ĐỨC

**1** *“Người ta khư khư còn tôi buông xả.”* Tôi đã gặp câu này trong một bài viết đọc được khi lang thang vào một diễn đàn trên mạng. Thật ra tôi đã đọc câu đó chen lẫn với những câu có vần điệu như thơ nhưng riêng nó tôi có ấn tượng nhất. Những câu khác tôi đọc, thấy cũng tâm đắc, nhưng riêng nó thì số một. Các câu như *“Người ta học nhớ, còn tôi học quên”* hay *“Người ta ngó lên, còn tôi ngó xuống”* nghe có vẻ dị thường nhưng càng ngẫm càng thấm thía. Hay *“Người ta học nói, còn tôi học làm thinh”*; *“Người ta học văn minh, còn tôi học đạo đức”*. Xem ra cả đời mình có muốn như vậy nhưng rất khó mà đạt được. Tôi đã chầm *“Người ta khư khư, còn tôi buông xả”* số một vì cuộc sống đang diễn ra các cảnh đời đầy khổ não mà rốt lại là do con người quá khư khư nắm giữ cái gì đó có khi chỉ là ảo tưởng.

Điểm tin trên các báo trong thời gian gần đây, ta thấy có biết bao chuyện đau lòng. Một bác sĩ mổ thăm mý làm chết người rồi vất xác xuống sông để phi tang.

Những vụ tham nhũng cả ngàn tỷ đồng bên cạnh những vụ bảo mẫu hành hạ trẻ thơ một cách dã man đến độ có kẻ đập chết em bé mười sáu tháng tuổi chỉ vì bắt bé nín nhưng bé vẫn khóc. Những vụ trò đánh thầy không xảy ở ngoài trường học mà chính trên bục giảng, thầy tát trò và trò xuống tấn đánh lại thầy một cách rất sòng phẳng. Tất cả những cái ác đã và đang xảy ra nói lên điều gì? Có phải đó chẳng qua là biểu hiện người ta cứ khư khư giữ chặt “cái tôi” luôn bành trướng phóng đại, “cái tôi” luôn thủ thế bất kể lợi ích của tha nhân. Mà thật ra, có “cái tôi” nào đâu, mà chỉ do ảo tưởng sinh ra để tự tung tự tác.

Nếu không khư khư bám lấy ước muốn làm giàu nhanh chóng, vị bác sĩ sẽ không mở phòng mạch bất chính mổ xẻ ngoài phạm vi chuyên môn để gây tai biến chết người. Biết rằng “Có sai lầm mới là con người” là câu nói thường hay viện dẫn trong giới ngành y, vị bác sĩ có lỡ mổ gây tai biến chết người nếu không khư



khư giữ lấy “cái tôi” luôn muốn được an toàn sẽ bình tĩnh đi khai báo thì đâu xảy ra cảnh vất người bị mổ chết xuống sông Hồng mà cho tới nay không tìm thấy xác. Nếu ai cũng không khư khư giữ chặt “cái tôi” tham lam quá độ thì làm sao xảy ra những vụ tham nhũng cả ngàn tỷ đồng. Hay các cô bảo mẫu nếu không khư khư ôm riết “cái tôi” sân si quá lớn chắc chắn không xảy ra các vụ bạo hành dã man trẻ thơ. Hay cả thầy và trò nếu không khư khư “cái tôi” quá quan trọng cao siêu thì đâu xảy ra cảnh thầy đánh trò, trò đánh thầy. Ôi, đúng là “*Người ta khư khư*” thì muôn đời vạn kiếp con người cứ trầm luân trong bể khổ. Nhưng “*còn tôi buông xả*” thì như thế nào? Những vụ việc ghê gớm kể vừa rồi là do tôi đọc trên báo chí chữ đâu xảy ra cho tôi đâu mà biết được tôi buông xả.

**2** Cô gái lái xe Honda SH chạy thong dong phía trước. Trời nắng gắt vừa phải. Những cánh đồng lúa ở hai bên đường chạy giạt lùi ra sau làm cho người chạy theo thấy cô gái lái xe với tốc độ khá cao. Màu vàng của lúa bắt đầu rộ chín xen lẫn màu xanh um của lúa còn non, màu xanh của các lốm nước phản chiếu bầu trời trong vắt và màu xám của con đường quốc lộ làm ta cảm thấy dễ chịu và tha hồ tưởng tượng về dung nhan của cô gái lái xe phía trước. Dung nhan cô gái chắc chắn là dễ nhìn vì nhìn từ sau đã thấy vóc dáng cân đối hòa điệu với sự nở nà của cái lưng ong thắt đáy và hai cánh tay tròn lẳn. Cô gái mặc cái áo sơ mi bó và khá ngắn nên vạt sau giạt lên khá cao. Chiếc quần jean bó và may theo kiểu đúng “mốt” thời nay là lưng quần quá thấp, đến độ phần hông trên của cô gái phơi bày ra trắng hếu. Chạy xe sau lưng, bất cứ ai cũng phải dán mắt mình vào khoảng hông trên lòi ra do vạt áo giạt lên cao và lưng quần tụt xuống thấp của cô gái. Người thuộc loại chính chu, đoan trang sẽ buột miệng “*Ồi! Ăn bận thiệt là dị hợm*”. Còn người thông cảm với tuổi teen sẽ mỉm cười “*Mặc sao cũng được miễn sao làm điều lành nghĩ điều tốt*”. Đối với cánh đàn ông còn phong độ, khoảng hông trắng hếu ấy có thể làm xao động sự ham muốn mà người đời gọi là “*động dục*” của phái mạnh. Kệ, mặc ai nghĩ gì cô gái lái xe rất thong dong.

Bất ngờ, xe Dream chạy phía sau cô gái tự nẩy giờ tăng tốc chạy ào lên tiếp cận với xe cô gái. Người lái chiếc xe Dream là chàng trai trẻ với đầu tóc hớt kiểu bờm ngựa, tức hai bên thái dương tóc gần như cạo trọc để chính giữa đầu là vạt tóc chia ra ôm lấy từ trán trước ra ót sau. Trên tay phải anh ta có điếu thuốc đang hút dở. Khi xe anh ta chạy song song với xe cô gái, anh giơ tay ra và thả điếu thuốc hút dở vào khe hở lưng quần lộ hông của cô gái. Điếu thuốc còn cháy lọt tòm vào bên trong quần và đốt cháy làn da trắng mịn màng. Cô gái giạt nẩy mình, tay lái loạng choạng, bánh xe trước cúp ngang và cô gái ngã xuống thật gọn xuống đường. Đúng lúc đó, chiếc xe “*công ten nơ*” đổ sộ phía

sau chạy tới, bánh xe khổng lồ bên phải hướng đúng vào chiếc Honda SH chở cô gái khốn khổ vừa đổ ngang ra đường.

Thật tình, tôi không chứng kiến trực tiếp vụ việc kinh khiếp vừa rồi. Mà tôi chỉ nghe kể lại với não bộ làm việc tối đa để hình dung ra cảnh trạng và trong lòng cứ bật ra câu nói gắn chặt vào tôi lâu rồi: “*Người ta khư khư còn tôi buông xả*”. Nếu thật sự sống trong hiện tiền, chứng kiến mồn một cảnh chàng trai trẻ đùa một cách độc ác làm cô gái ngã xuống đường, và nếu người ta khư khư bám lấy “cái tôi” an toàn chỉ biết riêng mình, người ta sẽ mặc kệ, tìm cách thoát thân, bỏ mặc “*chuyện ai nấy lo*”. Nhưng nếu tôi buông xả, dứt bỏ tính vị kỷ thì hoặc tôi sẽ dừng lại xem cô gái bị tai nạn như thế nào để cứu chữa, hoặc chạy xe đuổi theo kẻ độc ác kia bắt hẩn chịu tội. Riêng chàng trai trẻ kia, nếu không khư khư tinh chọc phá đùa cợt xuẩn ngốc thì đâu gây tội ác. Nhưng... tất cả chỉ là tưởng tượng. Vì tôi có sống trong cái “*đang là*” đó đâu mà chỉ nghe kể lại.

**3** Tôi đã về hưu gần cả năm rồi. Giờ chẳng còn chức còn quyền để khư khư giữ hoặc chiếm cái ghế nào đó, khư khư giữ cái ước muốn muôn đời của con người là được thành đạt, danh vọng, tiền tài, chiếm hữu nữa. Nhưng tôi cứ nghĩ mãi để tìm ra những điều cần buông xả. Sức khỏe của tôi hiện vẫn chưa có vấn đề để bận tâm lo nghĩ. Tôi với vợ tôi sống với nhau có chìm nổi nhưng đều vượt qua để chẳng ảnh hưởng đến việc tự nguyện “*ăn đời ở kiếp*”. Còn con cái đã lớn khôn thành đạt và có vợ có chồng. Có gì để buông xả?

- Ông ngoại ơi, sao ông khư khư nhìn con dữ vậy?

Tôi giạt mình. Trước mặt tôi là đứa cháu ngoại bé bỏng. Đáng lẽ nó phải nói “*sao ông ngoại chăm chăm nhìn con dữ vậy*” thì chẳng hiểu sao nó lại dùng đúng hai chữ “*khư khư*” vẫn đang ám ảnh tôi. Đúng là tôi đang nhìn khuôn mặt bầu bĩnh hồn nhiên kia nhưng nào có ý thức về nó đâu. Tâm tư tôi cứ mãi tràn ngập “*Người ta khư khư còn tôi buông xả*”. Tôi cứ muốn buông xả nhưng buông xả cái gì đây?

Hai chữ “*khư khư*” xuất phát từ miệng nói còn đót đất của đứa cháu ngoại làm tôi chợt vỡ òa. Phải rồi, tôi đang khư khư bám chặt lấy sự buông xả mà tôi nghĩ là cứu cánh của đời tôi và có thấy cái gì khác đâu. Ôi, tôi đang khư khư giữ lấy “cái tôi” tinh quái mà không biết. Tôi đang bám chặt “cái tôi” không vì tham sân si thường tình mà là “cái tôi” khéo léo, ma mãnh muốn đạt được sự giác ngộ, sự giải thoát phi thường trong thế gian này.

- Ông ngoại ơi, con chim nó nói kia.

- Không, con chim nó hót con ạ.

Ồ, đối với chim nói hay hót cũng vậy thôi. Tôi ôm đứa cháu vào lòng và thấy lòng nhẹ tênh. Ôi thế gian này, cứ buông xả đi! ■



# Tiếng loa đài

## hàit lòn cháng ai nghe...

LÊ HẢI ĐĂNG

**T**rong bài thơ “*Phố huyện*”, nhà thơ Xuân Quỳnh đã viết câu thơ như thế về chiếc loa phóng thanh một thời làm nên lịch sử. Bước vào thời bình, ở giai đoạn kinh tế khó khăn mà nói theo ngôn ngữ của giới khảo cổ là “thời kỳ đồ thiếu”, cuộc sống thiếu thốn đủ thứ, “suy dinh dưỡng” từ nhu yếu phẩm, thông tin cho đến văn hóa, chiếc loa không chỉ cung cấp thông tin cần thiết, dự báo thời tiết, phản ánh tình hình ôn dịch, kết quả vụ mùa... mà còn góp phần nâng cao nhu cầu hưởng thụ văn hóa, từ tường thuật bóng đá, kể chuyện cảnh giác, đọc chuyện đêm khuya cho đến ca nhạc giải trí... từ đó, chiếc loa phóng thanh trở thành một bộ phận thiết yếu trong đời sống.

Cuộc sống thay đổi cùng với những biến chuyển trong xã hội. Vai trò cung cấp thông tin, văn hóa của loa phóng thanh dần dần thay thế bằng radio, cassette, truyền hình, internet, điện thoại di động... Khoa học, công nghệ đã lay chuyển thói quen văn hóa, chiếc loa phóng thanh ngày nào giờ đây trở thành di sản của quá khứ. Nó không còn gánh trên vai trách nhiệm cấp báo thông tin hay cung cấp dịch vụ văn hóa... Mặc dù vậy, tại nhiều khu đô thị ở nước ta, tình hình sử dụng loa phóng thanh để truyền tin vẫn tiếp tục được bảo lưu. Nó như một thói quen lý lợm, bất chấp sự hiện hữu có làm nên giá trị hay không. Thái độ vô cảm của những người có liên quan đã biến một sản phẩm văn hóa thành phần văn hóa. Sự tồn tại của chiếc loa vì

thể chẳng những không đem lại nguồn vui cho bất kỳ một ai, mà còn gây nhiễu loạn cho môi trường, không gian văn hóa, khiến cuộc sống của người dân nằm trong vùng chịu ảnh hưởng thêm phiền phức. Thứ âm thanh lạc lõng của loa phóng thanh làm “thức tỉnh” nhiều người mỗi sáng sớm yên giấc. Ở nhiều khu dân cư, cứ hơn năm giờ sáng, chiếc loa lại phát oang oang những bản tin thời sự đủ kiểu, từ “tình hình trật tự an toàn giao thông” cho đến “giá cả thị trường”... Bất chấp nhu cầu của người dân, chiếc loa cứ phát huy tối đa hiệu quả gây ồn trong điều kiện đô thị. Mọi thứ đều đổ dồn vào khả năng chịu đựng của người dân. Âm thanh của loa phóng thanh cũng giống như thứ “vũ khí” tra tấn, cưỡng bức người nghe. Báo chí đã đề cập nhiều đến căn bệnh “vô cảm”. Căn bệnh này phổ biến ở cả những người làm nhiệm vụ có liên quan tới văn hóa. Nếu đặt vào địa vị của người dân, họ sẽ cảm nhận, thấu hiểu nỗi ưu tư chất chứa bao nhiêu năm qua từ những chiếc loa đưa tin kiểu cưỡng bức như trên. Tại nhiều khu vực gần doanh trại quân đội, buổi sáng tinh mơ, chiếc loa giống giả phát đi “bản tin” đánh dấu một ngày mới.

Xã hội đã chuyển từ tình trạng cách ly sang xu hướng lựa chọn, từ thiếu thông tin sang ê chề, lạm phát. Tương ứng với điều kiện thực tế, nhu cầu của con người cũng chuyển dần từ mô hình tập thể sang xu hướng cá nhân. Theo đó, chiếc loa phóng thanh đã sớm chấm dứt vai trò lịch sử ở thời điểm mà người ta không còn thụ hưởng, thỏa mãn nhu cầu văn hóa nhờ bao cấp. Ngoài ra, xét từ quan niệm “thông tin”, xã hội cũng đã có nhiều thay đổi rõ rệt. Ngày 31 tháng 7 năm 2007, Quốc hội khóa XII đã thông qua Nghị quyết thành lập Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam trên cơ sở sáp nhập Ủy ban Thể dục Thể thao, Tổng cục Du lịch và mảng văn hóa của Bộ Văn hóa và Thông tin Việt Nam (cũ), đồng thời cũng phê chuẩn thành lập Bộ Thông tin và Truyền thông theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập Bộ Bưu chính Viễn thông với Cục Báo chí, Cục Xuất bản vốn thuộc Bộ Văn hóa và Thông tin trước kia. Điều đó chứng tỏ, thông tin một mặt không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, mặt khác cũng cho thấy thông tin đã không còn nguyên nghĩa như thời kỳ đầu nằm dưới quyền chủ quản của Bộ Văn hóa, Bộ Thông tin Tuyên truyền hay Bộ Tuyên truyền Cổ động... chủ yếu nhằm cung cấp loại thông tin tuyên truyền, cổ động các phong trào văn hóa... Vì thế, loa phóng thanh không còn mang giá trị của một thiết chế văn hóa nhằm cung cấp thông tin cho người dân như thuở nào.

Sự phát triển của khoa học, kỹ thuật từ lâu đã có thể cung ứng dịch vụ (thông tin) theo lựa chọn của từng cá nhân. Chiếc loa thực sự đã được “giải phóng”, chấm dứt sứ mệnh cao cả một giai đoạn lịch sử huy hoàng. Quá trình chuyển hóa bối cảnh khiến cho chiếc loa đã

trở thành di sản văn hóa của quá khứ, không còn gia nhập vào đời sống văn hóa như một bộ phận thiết yếu. Tình trạng duy trì công năng sử dụng của loa phóng thanh để truyền tin trong điều kiện không cần thiết vô hình trung làm biến dạng một biểu trưng văn hóa. Chúng ta biết, một trong những đặc trưng cơ bản văn hóa là có thể thay đổi. Chiếc loa phóng thanh đã thay đổi kể từ khi bối cảnh văn hóa chuyển sang một giai đoạn mới. Sự duy trì không tương thích với thực trạng quyết định giá trị hiện hữu của nó. Nếu biết rút lui khỏi vũ đài lịch sử một cách đúng thời điểm, tiếng loa phóng thanh sẽ mãi như một hình tượng đẹp trong ký ức người dân, đừng để “Tiếng loa đài hát lớn chẳng ai nghe”<sup>1</sup>. Điều đó không những gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường văn hóa mà còn khiến cho hình tượng vốn dĩ đẹp của chiếc loa trở nên sống sượng, xấu xí. Ở đô thị tập trung dân cư đông đúc, khi mà mọi thứ âm thanh trở thành nỗi ưu phiền của nhiều người, âm thanh của những chiếc loa lỗi thời, lạc điệu này càng gia tăng mức độ nhiễu loạn, gây ô nhiễm môi trường sinh hoạt.

Trong thời đại bùng nổ, lạm phát thông tin, người ta có thể đọc báo, xem truyền hình, nghe radio, lên mạng, xem tin tức trên iPad, iPhone... với những chức năng đa dạng, đáp ứng nhiều sự lựa chọn, cũng như phản ánh tâm điểm của cách thức phục vụ trên từng đối tượng khác nhau. Chiếc loa phóng thanh với đặc trưng của mình chỉ phù hợp với văn hóa làng xã vào thời kỳ khan hiếm, suy dinh dưỡng thông tin truyền thông, đồng thời nhằm cấp báo những nội dung liên quan tới cộng đồng (làng, xã). Ở đô thị hiện đại, môi trường xã hội hình thành trên cơ sở tập cư, văn hóa đa dạng, không nhất thiết bắt mọi người cùng thưởng thức chung sản phẩm tinh thần, giống như kênh truyền hình từ lâu đã phát triển theo xu hướng đa dạng hóa nhằm đáp ứng nhu cầu của nhiều tầng lớp thị dân. Nhân dân cả nước đã không thể cùng nhau xem một kênh phim hoạt hình dành riêng cho trẻ nhỏ, tương tự như vậy, thông tin cũng không thể thỏa mãn nhu cầu của mọi người dân bằng một chiếc loa phóng thanh với chất lượng âm thanh tối tệ.

“Đến phố huyện lại thương về phố huyện”<sup>1</sup>, nhà thơ đã chẳng hề vô cảm đối với cả những sự vật vô tri, mong sao bộ phận cảm ứng có liên quan biết thông cảm cho nỗi lòng người dân vùng chịu ảnh hưởng. Trong bầu không gian thanh bình, yên ả... mỗi buổi sáng tinh mơ không còn bị tra tấn bởi thứ âm thanh của chiếc loa vô hồn với những bản tin đa tạp, từ “tiếp tục nâng cao hiệu quả, phát huy nội lực...” cho đến “thịt heo – bao nhiêu – nghìn đồng một kg”... ■

1. Lời trong bài thơ “Phố huyện” đăng trong tập Tuyển thơ của Xuân Quỳnh, do Nhà xuất bản Hội Nhà Văn ấn hành năm 2011.





# Mối giao hòa của đất

LINH LAN

Có một mối thâm tình không thể nào lý giải nổi giữa đất và người dù cho sự giao tiếp ấy chỉ dừng lại ở những cái nhìn cái cảm tưởng chừng vu vơ. Có một phương thức kết nối tưởng chừng vô hình nhưng lại vô cùng bền chặt giữa đất và người dù trải qua năm dài tháng tận. Khác với những phương thức liên hệ khô khan, máy móc và trừu tượng khác, người ta có thể tìm thấy cho mình một sự liên hệ gần gũi và thân thương từ mảnh đất mình gắn bó trong mối hòa cảm đặc biệt.

Từ lâu đất đã trở thành người bạn thân thiết của con người. Luôn hiện diện và gắn bó với cuộc sống

của con người, đất có mặt ở khắp mọi nơi: trên mỗi nẻo đường ta đi, nơi ta đặt chân đến, ngay cạnh chỗ ta nằm, nơi ta ngồi, ta ngủ, ta ăn... Đất có mặt trong từng sinh hoạt của con người, gắn bó với con người trên mỗi luống rau, thửa ruộng, mảnh vườn, khoảng sân. Đất thân thuộc đến mức dù có lẫn trốn ở đâu ta cũng bắt gặp được.

Thử ấu thơ, đất như một người bạn mến thương, gắn bó cùng ta trong những trò chơi pha đất sét nặn đồ vật, chở xe đất xây nhà... Những trò chơi bao năm vẫn không hề cũ kỹ với những đứa trẻ nông thôn, khi mà những món đồ chơi nhiều sắc màu, đầy chất công





nghe trở thành một thứ hàng xa xỉ, khó kiếm. Đất đã ở đây, trong mỗi cuộc vui của những đứa trẻ, hòa chung bao tâm sự với chúng để cùng đi qua những ngày tháng tuổi thơ chộn rộn tiếng cười.

Có một thế giới tinh khiết, trong lành, không ngừng xao động và buâng khuâng trong tâm hồn của những con người trẻ tuổi như thể bao năm vẫn vậy về những mảnh đất từng đặt chân đến. Chế Lan Viên khi xưa đã từng bày tỏ: *"Khi ta ở chỉ là nơi đất ở - Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn"*. Quả thật vậy. Khi ta ở đất chỉ là đất, một nơi chốn trú thân tạm bợ, gửi nhờ. Ta chưa thể nào cảm được cái tình của đất dành cho mình, cho đến ngày rời

đi. Bước đến một nơi chốn khác, mảnh đất mà ta đã ở ấy chợt trở thành một nơi chốn thiêng liêng. Nhớ về nó là nhớ về một mảng trời nhốm màu kỷ niệm, nhớ về một không gian ấm êm, thân tình với những con người thân thương, giàu lòng vị tha và chân chất thật thà. Đôi khi giữa dòng đời cuốn cuộn chảy với bao nỗi muộn phiền vây quanh, tình cảm ấy thật đẹp. Đẹp đến mức có thể làm sống dậy cả một tâm hồn cần cỗi.

Với những con người xa quê, tình yêu với đất hiện diện trong nỗi nhớ và niềm ước mong được tìm về đoàn tụ giữa không gian tràn ngập tiếng cười, ngồi bên gia đình trong bữa cơm chiều mà hàn huyên tâm sự bao chuyện vui buồn. Lúc này, đất trở thành một nơi chốn thân thương mà con người đau đáu hướng về. Cả một khoảng đời ta đã đi qua có đất chở che, bao bọc. Có những ký ức sâu đậm lưu dấu trong những mảnh đất thân thương, một thời xao động lòng người. Đất thân thuộc và gần gũi. Đất hiền hòa và bao dung. Bởi vậy, khi đi xa, người ta cứ không thôi thương nhớ hướng về...

Đất trong trái tim của những con người ấy không chỉ là một mảnh đất đơn thuần mà là nơi chốn đã ghé qua, đã gắn bó, là nơi sinh ra, được nuôi dưỡng và bảo bọc đến lúc trưởng thành. Nơi đó gắn liền với những kỷ niệm êm đềm không thể nào quên.

Đất ghi dấu bao cuộc chuyển dời, vận động của con người, chứng kiến bao cuộc biến đổi của thiên nhiên, cả sự đổi thay của lòng người nhưng rồi đất vẫn vậy, vẫn an nhiên một lòng thủy chung cùng con người và thiên nhiên đi qua bao mùa mưa nắng. Người ta thường nói đời người như một cuộc lãng du vô định nhưng giữa bao cuộc trường chinh, dịch chuyển không mệt mỏi ấy ta vẫn có đất bên mình. Đất một thời cùng ta gắn bó trong những tháng ngày tuổi thơ, luôn bên cạnh ta suốt bao hành trình khám phá, tìm tòi, trải nghiệm; để rồi đến ngày cuối đời, khi ta vẫy tay mím cười từ biệt thế gian trở về với đất mẹ bao la, về với nguồn cội thân tình, đất cũng lại nằm cạnh ta, âm thầm ôm ấp chở che ta trong một giấc ngủ dài.

Ngày nay, trước sức mạnh của nền kinh tế thị trường và cơ chế mở cửa, đẩy mạnh phát triển kinh tế của nước nhà, đất trở thành một thứ hàng hóa đắt đỏ, được rao bán khắp nơi. Một chiều rẽ vào lối xưa, nhìn thấy tấm bảng rao bán đất, chợt thấy chạnh lòng. Giờ đây, người ta nói về đất bằng một thứ ngôn ngữ mới, đơn thuần và dễ dãi hơn: "Giá thị trường" chứ chẳng hề mây may đã động gi đến những giá trị cao quý, thấm nhuần tình cảm mà những đứa trẻ thôn quê, những lữ khách phương xa và bao kẻ xa nhà luôn gửi gắm vào đất mỗi ngày.

Dù vậy, đất vẫn dịu dàng nói với đời thứ ngôn ngữ bằng hơi thở của những giọt sương mai, những cánh mầm xanh nòn và bao hơi ấm đất gửi cho đời để cây nhú mầm, kết hạt, ra hoa.

Đất hiền hòa và vị tha nên đất vẫn hiền dàng, thâm lặng... ■



# Duy tâm theo cách của bà...

## KHÁI THƯ

**C**hàng trai bảo, bà của anh là người sống rất duy tâm, một đời làm gương và dạy con cháu sống tu thân, dưỡng tính, nhân nghĩa, thủy chung. Bà xem trọng việc thờ tự, cúng giỗ người thân đã khuất. Bà chính là người khởi xướng và vận động lán giềng mỗi năm mỗi tổ chức “thanh minh xóm”. Bà cũng hay đi chùa, ngôi chùa nhỏ gần nhà, để cầu phước lành cho gia đình, cho mọi nhà... Khi chưa thành cháu dâu của bà, nghe người yêu “phác họa” về bà như vậy, cô gái hình dung bà là người kỹ tính, chuộng lễ nghi cầu kỳ, mê tín và kiêng khem đủ thứ... Vậy mà không, khi đã thành người nhà, cô gái hiểu, cái cách bà “duy tâm” rất riêng khác, chừng mực và cảm động.

Thêm một đứa cháu bà sắp sửa cưới vợ. Lần này, bà cũng đi coi tuổi xem đôi trẻ có hợp không. Cái kết quả “khắc mệnh” và lời khuyên không nên cho đôi trẻ lấy nhau làm bà day dứt, bất an. Nhưng bà không cấm cản đôi uyên ương và vẫn cho phép hai cháu tiến hành cưới hỏi như bình thường, đầy đủ thủ tục truyền thống. Ngay cả những mẹo hóa giải xung khắc như để cô dâu vào nhà chồng bằng cổng sau, vợ chồng không làm lễ gia tiên... bà cũng không ứng thuận áp dụng. “Con gái nhà người ta nuôi nặng đến chừng ấy, gả về nhà mình, mình phải trân trọng đón nhận để nó rõ ràng, không tủi phận”, bà giải thích.

Cuối ngày cưới, khi khách khứa đã về hết, chỉ còn lại gia đình thân thuộc, bà gọi đôi vợ chồng mới đến và lúc này, mang “bảo bối hóa giải” của mình ra. Bà căn dặn, vợ chồng nào cũng phải biết yêu thương, tôn trọng, chia sẻ. Những điều ấy, ở vợ chồng có tuổi xung khắc càng phải làm cho nhau, vì nhau gấp đôi ba lần. “Cơm sôi nhỏ lửa”, phải bao dung, nhường nhịn, để những hờn giận, bất hòa không đẩy thành mâu thuẫn kịch liệt, không để

họa xảy ra từ đây... Bà nói giản dị và nhỏ nhẹ. Không biết vì ý thức về “tiểu sử” không hợp tuổi của mình hay khắc cốt ghi tâm lời bà dạy mà vợ chồng người cháu ấy quý trọng cuộc sống bên nhau, sống rất êm ấm.

Bà là dâu trưởng, nhà bà cả năm có đến gần hai chục cái giỗ lớn, nhỏ. Dâu, rể rồi cháu dâu, cháu rể về nhà bà, lúc chưa biết rất lấy làm thắc mắc vì sao những ngày giỗ ở nhà bà thường rơi vào ngày nghỉ cuối tuần?! Thì ra, bà có thói quen “chuyển” một số ngày giỗ rơi vào các ngày thứ Năm thứ Sáu sang ngày thứ Bảy hay Chủ nhật. Tất nhiên, đúng ngày kỵ, bà vẫn làm mâm cơm cúng cáo. Bà cho rằng ngày giỗ phải là ngày để mọi thành viên trong gia đình được quây quần, cùng tưởng nhớ người thân đã khuất. Tổ tiên về dự giỗ, thấy đông đủ con cháu càng ấm lòng. Ngày thường, con cháu đều bận đi làm, đi học, buộc hoặc chúng phải xin phép cơ quan, nhà trường nghỉ làm, nghỉ học hoặc là viễn cảnh “cúng ra không ai ăn”. Vậy nên, giỗ ở nhà bà rất đoàn viên, vừa thiêng liêng vừa ấm cúng. Trẻ nhỏ được người lớn dắt ra mộ thấp nhang tưởng nhớ ông bà. Đại gia đình cùng nhau nấu nướng làm giỗ.

Duy tâm theo cách của bà là “chín nhịn mười lành”, là xóa những buồn thương người khác gây ra cho mình, là san sẻ cho người khó, là bệnh vực kẻ yếu... Bà sống gần trọn đời ở thế kỷ XX, vắt sang thế kỷ XXI. Người ta bảo thế kỷ XXI là thế kỷ của tâm linh. Lối sống chuộng tâm linh in hằn vào nếp nghĩ, cách ăn ở, ứng xử... của nhiều người. Nhiều người kiêng cử đủ thứ, làm điều gì cũng coi “thầy”, để chọn ngày đẹp, giờ đẹp, để được hướng dẫn phải làm điều này, tránh điều kia... Bà cũng là người coi trọng yếu tố tâm linh. Nhưng tâm linh theo cách của bà qua hai thế kỷ chẳng có gì là khác nhau. Tất cả đầy giản dị, từ tâm, thấu tình đạt lý và thắm đằm yêu thương. ■





# Lúa ão vàng bông

## TRÚC CHI

C hiều cuối tuần, tạm xa thành phố một hôm, về thăm quê người bạn. Đi dọc theo Quốc lộ 1 hơn nửa tiếng đồng hồ rồi rẽ vào con đường bê-tông nhỏ, bạn tôi chỉ tay xa xa về phía cuối cánh đồng, nơi những ngọn tre thấp thoáng trong bóng chiều dần xuống và những cánh cò nhẹ vỗ bay về, bảo đấy là quê nhà của bạn.

Không gì thoải mái bằng cảm giác được đi trên con đường mà hai bên là đồng lúa rập rờn sau những ngày bạn rộn nơi phố thị ồn ào. Từng cơn gió nhẹ dịu mát hương đồng nội đủ xua tan mọi mệt mỏi. Cánh đồng trải rộng về phía chân trời có những đám mây chiều lững lờ nhẹ trôi khiến lòng người thanh thản. Ngọn khó lam chiều trong bếp nhà ai tỏa nhẹ nhàng quyện nồng hương rơm rạ ngày xưa, chợt thấy yên bình đến lạ. Tôi cho xe chạy chậm chậm, như để tận hưởng cảm giác thoáng đãng mát lành nơi đồng quê mà ở thành phố hầu như không khi nào có được. Bạn tôi bắt chợt reo lên, lúa năm nay được mùa trĩu hạt, sắp vào mùa hè, lúa đã vàng bông...

Ừ, nhiều ngày bận bịu công việc, mùa xuân sắp qua lúc nào tôi cũng chẳng hay. Tầm khoảng thời gian này, người trồng lúa sắp bắt đầu vào mùa vụ. Bạn tôi bảo rằng, ơn trời cho gió thuận mưa hòa, lúa năm nay được hạt, mừng cho ba mẹ và bà con ở quê nhà. Chợt thấy thương anh bạn có phần "hai lúa" của tôi, cha mẹ bạn một đời quần quăn gốc rạ, đi học xa nhà nhưng bạn vẫn phải thường xuyên chạy về giúp gia đình việc lúa má. Anh chàng đi lên từ hạt thóc nên hiền lành chân chất như cây lúa trên đồng.

Tôi bỗng nhớ về cha mẹ ở quê. Cha mẹ tôi cũng một đời tần tảo nắng mưa, với cây mì gốc lúa. Bao năm rồi, hai ông bà vẫn còn lam lũ với ruộng cạn đồng sâu, với lo toan khó nhọc. Tôi tuy con nhà nông nhưng từ nhỏ chẳng phải làm gì nhiều. Lúc bé cha mẹ bảo ở nhà học bài cho tốt, không được ra đồng phơi nắng sợ bệnh. Lớn lên xa nhà trọ học, đi mãi một năm về không quá đôi ba lần. Thế nên những việc cha mẹ làm, ít khi nào tôi biết đến. Buổi chiều đi giữa cánh đồng lúa chín vàng quê bạn, chợt nghe lòng xốn xang, không biết giờ này ở quê lúa đã vàng chưa; cha mẹ hẳn cũng đã vào mùa chắc lại thêm phần vất vả...

Ngày đi lúa hãy còn non, tôi nhớ lúc cha mẹ tiễn tôi ra tận đầu làng lên thành phố học, lúa hai bên đồng với còn xanh mượt mà ngọt hương sữa lúc đương thì con gái. Mẹ sửa lại cổ áo, trao tôi một giỏ quà quê tự tay mẹ chuẩn bị. Còn cha vỗ vai tôi căn dặn, lớn rồi nhớ biết tự chăm sóc bản thân, cứ lo học tốt, việc ở nhà đã có cha mẹ lo. Tôi lên xe đi xa, ngoảnh đầu nhìn lại, vẫn đôi tay cha mẹ vẫy chào. Rồi khi hình bóng gầy gầy liêu xiêu trong gió của cha mẹ tôi khuất dần giữa bao la đồng lúa xanh rờn, ôm chặt giỏ quà của mẹ, lòng tự hứa sẽ học thật chăm và khi có dịp cũng sẽ về quê giúp cha mẹ vào mùa.

Vậy mà mãi mê bao nhiêu việc, thời gian qua khi nào, mùa vụ vào lúc nào, tôi tưởng chừng như quên mất. Lúa đã chín rồi mà tôi vẫn chưa về. Chắc giờ này ở quê, cha mẹ lại tất bật nhọc nhằn, từng gánh lúa trĩu nặng đôi vai làm mặn thêm những giọt mồ hôi rơi xuống. Gặp cha mẹ của bạn tôi lúc chập tối vẫn chưa thôi việc ruộng đồng, chợt thấy thương cha mẹ ở quê vô cùng. Tự trách lòng sao hờ hững quá, lúa bây giờ đã chín vàng bông... ■

## Độc thoại với biển

PHẦN THÀNH MINH

Giữa mênh mộng sóng nước mây trời  
Lú rú tiếng hải âu gọi bình minh thức giấc  
Hương biển mặn rú nhau vào thẳm đất  
Đào chìm chỉ có lính và đá mà thôi.

Ra với đảo tiền tiêu là đến với cuộc đời  
Đến với gian truân và lòng trung dũng  
Chuyện sinh tử - bông hồng treo ngọn súng  
Thương mẹ nghèo tiếng thờ dài cảm canh

Quanh quần tuổi già liếp lá phen tranh  
Ngọn khói vẽ vòng  
Bếp rom hoài cô  
Hình bóng mẹ liêu xiêu sóng vỗ  
Mưa nắng thường thôi cũng chạnh nỗi niềm

Bão tố phong ba bạn với đảo chìm  
Cười với biển gió sương đời lính  
Đêm im lặng đêm không yên tĩnh  
Phiên gác mắc vào sao Hôm sao Mai

Ra với đảo tiền tiêu là đến với cuộc đời  
Đến với gian truân và lòng trung dũng  
Chuyện sinh tử - bông hồng treo ngọn súng  
Thương quê nghèo bão lụt cảm canh.

## Hè nhớ

TRÀ KIM LONG

Đã nghe  
Rộn rã tiếng ve  
Nghĩ thương con cuộc  
Gọi hè quê xưa  
Ngoại ô  
Hiên vắng  
Trời trưa  
Tiếng người nói cũ  
Như vừa quanh đây  
Ngày qua  
Lại nhớ những ngày  
Sân trường phượng vĩ  
Nở đầy hoa mơ  
Xưa xa  
Lứa tuổi học trò  
Này Thầy  
Này bạn  
Bây giờ nơi đâu ?

## Dấu mốc thời gian

TRƯỜNG KHÁNH

Mãi miết xuôi dòng trôi,  
Dịch xê hết một đời,  
Vất vưởng ta-bà sót,  
Nghịch ngã đại địa cười.

Dấu tích thời gian chết,  
Thâm lặng để lại gì??  
Vội đôi chân mỗi mệt,  
Đâu lối mòn về - đi?!

Khi mặt trời lửa tắt,  
Ai hâm nóng địa cầu?  
Rét buốt buồn quay mặt,  
Hương lửa giờ ở đâu?

Chuyện bề dẫu đời đoạn,  
Ngao ngán một kiếp người,  
Ai tri âm bề bạn?  
Cuối phương trời nổi trôi!!

Kìa núi đồi tĩnh mặc,  
Khoan nhặt tiếng chuông rơi,  
Chuỗi thời gian giấu mặt,  
Tìm vết tích đời người.

Ai gọi mời ta đến,  
Vang lời nguyện yêu thương,  
Vương nét hài thánh thiện,  
Hằn in dấu chân thường.



## Miền Trung khúc ruột là đây

THÂN NGUYỄN LUẬN

Miền Trung, khúc ruột là đây,  
Quanh năm mưa bão xéo dày quê hương.  
Nằm giữa gió cát vô thường  
Con tim rỉ máu, đau thương một miền.  
Xiêu vẹo cột, tóc mái hiên,  
Nát bươm hàng chuối, nhão mềm vườn dưa.  
Gãy cành mít, rụng tàu dừa,  
Bạch đàn cầm cự đù đưa bên nhà.  
Tím bầm thớ thịt vai cha,  
Oằn cong lưng mẹ nuôi gà, chăm heo.  
Miền Trung ơi, xứ đất nghèo!  
Đừng đem tin dữ về theo đất này.  
Mỗi mùa gió bão về đây  
Là đêm lại thức, là ngày lại lo.  
Lạy trời bão ít về cho...  
Cơm ăn đủ chén, giường co đủ nằm.  
Miền Trung tôi đó về thăm  
Mời bạn cơm trắng, cải hầm, mắm nêm.  
Nghệ An ví dặm quê em,  
Quảng Bình: khoan hụi, Huế miền nhã ca,  
Quảng Nam cỡi, Quảng Ngãi la,  
Bình Định giới võ, Khánh Hòa giới xây.  
Miền Trung...  
Khúc ruột...  
... là đây...

## Chỉ là...

TƯƠNG GIANG

Chỉ là  
Cõi tạm thôi mà  
Có sao lòng mãi la đà thương vay!...

Chỉ là  
Một thoáng mây bay  
Buồn vui gói lại tháng ngày rong chơi!...

Chỉ là  
Chiếc lá mờ cõi  
Hong khô hieu quạnh rồi cười mệnh mông...

Chỉ là  
Sắc sắc không không  
Câu kinh Bát-nhã ru tâm tọa thiền!

## Gánh khuya

NGUYỄN DŨNG

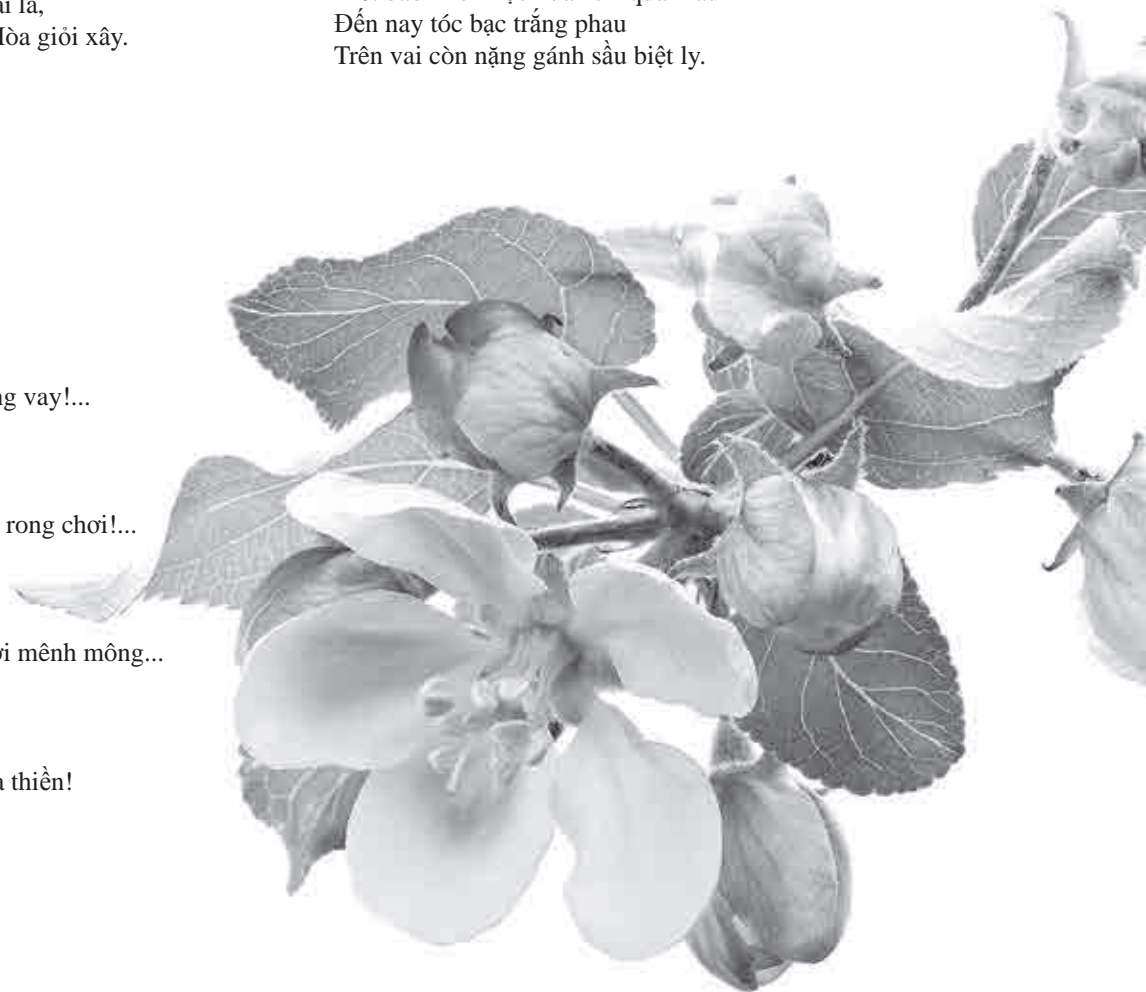
Gánh khuya một ánh trăng treo  
Sương rơi ướt đầm vai nghèo chợ xa  
Mớ rau, tím ớt, rô cà  
Lặng thềm lên chợ tiếng gà tiền chân

Mạ khuya một gánh đơn thân  
Đồng khuya một bóng trắng ngân cây đèm  
Con thơ trông mẹ bên thềm  
Nhìn trăng trời giữa êm đềm làng quê

Gánh khuya bao hạt lúa về  
Đòn cong vai rũ tóc thề đa đoan  
Hạt mưa trắng chéch đầu non  
Gánh trong mưa bụi trắng mòn hai vai

Gánh lòng những tiếng thờ dài  
Lũ tràn mùa mất bao ngày bỏ công  
Một đời cực khổ làm nông  
Bão xô nhà đổ tay không còn gì

Gánh từ thời tóc xanh rì  
Biết bao khó nhọc xuân thì qua mau  
Đến nay tóc bạc trắng phau  
Trên vai còn nặng gánh sầu biệt ly.





# Miền đất ngọt

LÝ THỊ MINH CHÂU

- Làng này là đầu mối cung cấp nguyên liệu làm nón lá, sao không thấy ai đội nón lá?  
 - Suốt ngày cặm cùi trong rừng, dây leo um tùm chẳng chặt, nón lá làm cho người ta khó xoay trở; hơn nữa nó không đủ chắc trước mọi loại gai nhọn sắc bén.  
 - Cũng phải, thế còn đợt mây nướng?  
 - Chẳng ai hiểu nổi cái bụng nhà giàu.  
 - Là sao?  
 - Có gì ngon đâu chứ, đắng đắng nhẫn nhẫn, cực chẳng đã vì đói mới phải ăn. Ngày trước chiến tranh bom đạn, đường sá đi lại khó khăn; gặp mùa giáp hạt, không ăn măng tre, đợt mây thì ăn gì. Hai thứ ấy sẽ rất ngon nếu hầm với chân giò, hay nấu chua với cá măng

thì cũng thật là tuyệt.

- Đồng ý, có nhu cầu thì mới cung cấp nhưng giá cả thế nào?

- Tạm tạm, sống được chứ chẳng dư dả gì bởi nguyên liệu ngày càng hiếm, cây cỏ mọc sao kịp miệng nhai.

- Hình như chị...  
 - Cô ấy là người Lào, gia đình ở Attapeu.  
 - Thảo nào tôi thấy các con anh nói chuyện với chị lú lo như chim mà tôi chả hiểu gì cả, còn với anh thì sao?  
 - Ngôn ngữ Lào, Việt gì cũng nghe được.

Đó là những lời thoại của Tập và Quang, hai người đàn ông một trẻ một sồn sồn, một mới một cũ, một đã lập gia đình một chưa, cùng tha hương lên vùng đất lắm nắng nhiều mưa này lập nghiệp bằng cái nghề hái đợt mây rừng về đổi lấy lá buông. Cái nắng ở đây thật là khủng khiếp, khủng khiếp tới mức người phương xa lần đầu đến sẽ chẳng bao giờ dám đầu trần chân đất đứng dưới trời trưa dù chỉ nửa tuần trà.

Giữa mênh mông mây trời biên giới, cuộc mưu sinh của những con người lương thiện chân chính bao giờ cũng vất vả và hiểm nguy hơn bọn đầu gấu tai nheo, nhất là thời chiến tranh loạn lạc. Mỗi người chỉ một cuộc đời nhưng có tới vài ba số phận, từ thuở nằm nôi đến khi về với cát bụi là biết bao nhiêu gian lao cơ cực, vất vả, thăng trầm. Giàu sang cũng đâu thể né tránh bệnh tật, vạ gió tai bay.

Ác giả ác báo, thiện giả thiện lai. Gieo gì hưởng nấy. Đó không phải điều luật của một tôn giáo nào mà là quy luật bất thành văn của siêu nhiên tự hiển lộ sau từng hành động thiện, ác mà chủ thể gây ra và chính họ sẽ cảm nhận được sự vay trả sau đó. Có thể là tức thì, có thể trong đời này và cũng có thể là thế hệ tiếp theo phải chấp pháp.

Phải chăng tin vào điều đó mà con người sẵn sàng đến nơi cùng cốc thâm sơn để tìm cuộc mưu sinh và cái làng không biên giới này đã được hình thành. Làng không tên nằm trên lằn ranh biên giới Lào-Việt. Ở đó hai ngôn ngữ đã được hòa quyện, hai dòng máu đã tự nguyện hợp thành và những tương lai đang được mở ra.

Do là tự phát nên cư dân nơi này phải tự lo liệu mọi thứ cho cuộc sống của mình, từ miếng cơm manh áo tới sách vở bút mực. Điện thắp sáng được phát ra từ những cái đầu có nhiều chữ bằng cách sử dụng công năng nước của những dòng suối nhỏ có độ cao tương ứng. Chưa có trường lớp gì nên cha mẹ tự dạy cho con mình thứ chữ viết của dân tộc mình. Nghiễm nhiên các con của họ đạt trình độ giao tiếp bằng "song ngữ" lưu loát, điều sinh viên năm



cưỡi của nhiều trường đại học cũng khó làm được.

Vì là vùng rừng núi nên cuộc sống của cư dân nơi đây không thể tách khỏi núi rừng, họ sống bằng cách khai thác lâm sản phụ như tranh tre nứa lá, thú mà không nhà nước bên nào cấm đoán.

Ở Viêng Chăn, thành phố trung ương duy nhất của Lào, có món ăn mà thực khách sành ăn tăng bốc lên thành đặc sản, đó là đọt mây nướng chấm muối ớt xay giống món ăn của người Stiêng thuộc tỉnh Bình Phước. Họ hàng nhà mây đồng đúc nhưng có loại chẳng làm được gì như mây nước để khô thì xộp rộp, mây tắt thì để đan lát còn để làm món ăn thì chỉ có mây nếp. Loại này có nhiều ở rừng núi Việt Nam, nhất là Tây Nguyên. Vì nằm ở nơi đặc địa nên cái làng không tên kia trở thành đầu mối trung chuyển mặt hàng song mây này.

Ở đây ta còn gặp một mặt hàng đối ứng khác có nguồn gốc từ nước bạn là lá buông. Đó là nguyên liệu để làm ra những chiếc nón lá nhẹ tênh nhưng duyên dáng vô cùng. Nó cũng là hồn cốt của người đàn bà quê, là vật bất ly thân khi ra đồng, khi ngồi chợ. Nó chịu mưa nắng khá tốt, giá cả lại không đắt nên hơn nghìn năm qua nó vẫn gắn bó thủy chung với người dân quê như bóng với hình. Nó là một loại lá huyền diệu làm cho các cô gái trở nên duyên dáng và đẹp xinh hơn. Hình ảnh những nàng Tôn nữ nón lá nghiêng che, đoan trang trong tà áo dài tha thướt và mái tóc thể óng ả luôn làm cho trái tim ta xuyến xao.

Có cầu thì phải có cung, theo đó các làng làm nón lá mọc lên khắp dọc dài miền Trung luôn có việc làm ổn định dĩ nhiên là nguồn nguyên liệu từ những buôn làng trên cung cấp bởi lá buông không có ở Việt Nam. Ngày trước đường giao thông còn trắc trở, phương tiện đi lại thô sơ nên lá buông không thể đến với mọi miền đất nước. Thế nên từ Bắc miền Trung trở ra người ta dùng lá lụi, lá toại, lá nón là một loại lá na ná lá cọ có màu sắc không tươi như lá buông để làm nón lá, nón ba tầm.

Vừa uống rượu vừa dùng cơm chiều, Tập hỏi Quang bằng giọng của người đi trước:

- Hãy suy nghĩ cho chín chắn đi, ở đây kiếm đồng tiền khó lắm. Còn gia đình ư? Banh mắt ra cũng chẳng thấy bóng dáng thiếu nữ Việt nào.

- Làm ra tiền rồi về quê cưới vợ đưa lên.

- Hảo huyền, liệu giữ được hạnh phúc không khi mà chúng ta phải tảo tần tha hương cầu thực? Trước đây tui cũng nghĩ như cậu và thế là dở dang.

- Thế bây giờ...

- Tập hai đấy.

Gắp một miếng cá rô mề trắng hếu bỏ vào chén Quang, Tập bảo:

- Thử xem nó béo tới cỡ nào?

- Thấy là ngon rồi, cá rô bên mình không to thế.

- Ăn đi, đừng kèm thêm rau mới cảm nhận hết hương vị đại ngàn.

- Ngon thật anh ạ, thật rất săn chắc.

- Đố cậu biết tại sao?

- Vì sống ngoài thiên nhiên, tự do tung tăng bơi lội không như cá nuôi trong lồng.

- Quá đúng, giống như gái quê và gái cửa kín lầu cao.

Hai người cùng cười, cô vợ Lào của Tập cũng cười.

- Chắc là em phải theo gót ảnh thôi, chị há. Chị có sẵn lòng giúp em không?

- Có mà. Mẹ Na cười thật đẹp. Mẹ Na là mẹ Na, gọi theo tên con, đừng chàm rượu và thức ăn cho hai người.

- Nhưng mà có đẹp như chị không?

- Hơn chứ, em ấy trẻ mà, mình già rồi.

- Em của chị ư?

- Vâng, em út bà ấy, xinh lắm mà lại giỏi giang. Tập chen vào.

- Chị không cùng ăn làm em ngại quá.

- Đừng thế, phong tục ở đây là vậy mà.

- Không công bằng.

- Ở đây phụ nữ mới là rường cột của gia đình.

- Thế thì liệu người ta có chịu lấy em không?

- Mình là chị cả mà, mình có quyền như mẹ bởi mẹ mất đã lâu rồi.

Quang chấp tay cúi chào bà chị tương lai bằng tất cả sự chân thành theo cách mà hẳn nhìn thấy trên ti-vi. Tập vui lắm bởi anh sống ở đây tuy lâu nhưng chẳng có ai là bà con thân thích và cũng chẳng có mấy bạn tâm giao.

Đèn đã được thắp lên, ánh sáng yếu ớt không soi rõ mặt cá nên rất nguy hiểm nếu phải hóc xương, nhất là với khách lạ. Tập trao đĩa cho vợ làm giúp công việc này. Khi đã ngà ngà say, anh nhắc vợ đặt ngổ trên đùi mình, chén rượu lại được bẻ đôi. Cuộc vui bây giờ mới thật sự bắt đầu. Càng vui hơn khi mà em gái Mẹ Na cũng có mặt sau đó. Mặt Quang đỏ bừng không biết vì rượu hay vì thẹn, run run rót chén rượu khác mời cô. Mắt hẳn dường như không chớp nhìn cô gái Lào uống từng ngụm nhỏ. Đôi lúm đồng tiền trên má cô gái thoảng ả thoảng hiện báo cho Quang biết là lòng cô cũng đang rộn ràng.

Trăng đã lên, núi đồi thiêm thiếp dưới màn sương mỏng. Những túp nhà sàn cheo leo, rời rạc, im lìm làm cho khung cảnh càng thêm vắng vẻ, đìu hiu. Tiếng chim ăn đêm nghe rờn rợn giăng dài suốt chiều không gian giúp Tập nhớ tới điều gì, anh nhướng nhướng mắt nhìn Quang.

- Tí nữa cậu đưa cô ấy về nhé, anh say rồi.

Quang đưa mắt hỏi cô gái, cô cười cười. Chẳng lẽ tình yêu lại đơn giản và nhanh đến thế. Không cần phải đắn đo xem xét đoạn đời phía trước của người mình yêu ư? Có đấy. Qua Tập, mẹ Na đã biết khá tường tận về gia cảnh của Quang ở quê và qua mẹ Na, cô gái cũng đã hiểu khá chi tiết về người mà trái tim cô muốn trao gửi. Bếp lửa đã tàn, tiệc đã tan, cô gái níu nhẹ vai áo Quang:

- Đưa em về nhé, nhà cũng gần đây thôi.

Quang nhìn Tập và mẹ Na. Tập chẳng cần giữ gìn:

- Khoái thì bà còn làm bộ.

Mế Na phì cười, bốn người cùng cười. Mế Na tiễn hai người ra cửa, chị nhìn theo cho tới khi màn sương nuốt chửng hai người. ■

# Leân vung cao A Lööü

Bài & ảnh: CAO HUY HÓA

C ho đến gần đây, tôi mới đặt chân đến A Lưới, huyện miền núi của tỉnh Thừa Thiên Huế, đầu tôi ở Huế, chỉ cách A Lưới khoảng 70 cây số. A Lưới nằm biệt lập trên vùng cao, sát với nước Lào ở phía Tây, là nơi đầu nguồn của sông Hữu Trạch, chảy về ngã ba Bằng Lăng thì hợp lưu với sông Tả Trạch để thành sông Hương. A Lưới thông thương với Huế bằng Quốc lộ 49 cheo leo hiểm trở, chưa phải là địa danh để dân thành thị đi chơi. Nhưng càng ngày trong tôi càng dậy lên ước muốn đến đó cho được, nơi mà từ thời chiến tranh ác liệt là nỗi ám ảnh hãi hùng, để xem bây giờ cuộc sống ra sao, và tôi cứ tin rằng, hiểm trở là tất nhiên rồi, nhưng chốn non cao ở đầu cũng đẹp, người cũng lành.

Quốc lộ 49 lên A Lưới thành thang đường nhựa hơn tôi tưởng, càng lên cao thì rừng núi càng bát ngát cây xanh, nhiều đoạn đường đèo uốn lượn rất ngoạn mục. Qua các địa danh Bình Thành, Bình Điền – một thời là vùng kinh tế mới khó khăn, vùng mà cán bộ công nhân viên đi trồng khoai, sắn theo phong trào sau năm 1975 – bây giờ nhìn từ đường quốc lộ, nhà cửa khang trang, ẩn trong vườn cây xanh tốt. Vì đây là con đường huyết mạch của A Lưới nên Nhà nước đầu tư kỹ lưỡng, hiện nay những nơi bị sạt lở trong mùa mưa bão thì được làm kè gia cố, thậm chí có đoạn đường đèo phải chỉnh

lại hoặc phải thay một đoạn đường mới cho an toàn hơn. Khi tôi đi vào mùa xuân Giáp Ngọ vừa qua, nơi đây là công trường dang dở, nhiều nơi còn ngổn ngang, nhưng bây giờ tôi nghe nói đường đã hoàn thành.

Xe qua khỏi Bình Điền thì quang cảnh thượng du rõ nét, không thấy phố, thưa dần bóng người. Hun hút con đường vào rừng cây, rồi đến đường đèo, núi cao, vực sâu. Phần còn lại của 70 cây số trông thăm thẳm, khiến ai đó trên xe nôn nao: “Ràng mà lâu ri?”. Không sao, chẳng qua vì mình đi lần đầu, hơi hãi một chút; nhưng kìa, Sơn Thủy đây rồi, cửa ngõ của thị trấn A Lưới đây rồi, với đường nhựa rộng rãi, phong quang, chạy dài tít tắp, ở giữa có dải phân cách trồng cây. Đi mười phút nữa là đến Sơn Nguyên, trung tâm của thị trấn A Lưới. Ngôi chợ bề thế, hàng hóa dồi dào, trường học, cơ quan đảng hoàng như ở thành phố, như phố huyện miền xuôi. Người các dân tộc Tà Ôi, Pa-cô, Cơ-tu, Pa-hy... ở các bản sâu, còn tại thị trấn, người dân tộc hòa lẫn vào người Kinh, cùng đảm đương công việc như người Kinh, nhiều nơi đã nắm vị trí lãnh đạo. Tôi không có điều kiện để tìm hiểu cuộc sống một cách rộng rãi, tôi chỉ có thiện duyên được đến A Lưới vào ngày rằm tháng Giêng để được sống trong không khí trang nghiêm và thân tình của buổi lễ cầu an đầu năm mới với đồng bào Phật tử, một nghi lễ vốn đã thiêng liêng với Phật tử Huế từ bao đời nay, lại càng có ý nghĩa đối với Phật tử tại nơi xa xôi này.

Niềm hân hoan đầu tiên của chúng tôi là được ngắm ngôi chùa, khang trang, thanh tịnh, chánh điện khá rộng, tôn tượng Quán Thế Âm thanh thoát, tôn trí ngoài trời. Ngôi chùa, đồng thời cũng là Niệm Phật đường Sơn Thủy, có đạo tràng khá đông. Trong không khí ấm áp đầu xuân, chúng tôi được lạ Phật cùng với các bác, các anh chị đạo hữu, các em trong Gia đình Phật tử. Không chỉ dừng chân ở ngôi chùa này, chúng tôi còn được hướng dẫn thăm Niệm Phật đường và đạo tràng Sơn Nguyên, cũng trong không khí đầm ấm, trang nghiêm của lễ cầu an đầu năm. Niệm Phật đường ở đây đang mượn tạm nhà một Phật tử, một ngôi nhà mái tôn khiêm tốn.

Nơi xa, không ngờ chúng tôi gặp được người như là cố nhân, vốn đã dẫn thân đấu tranh trong Pháp nạn 1963, đã tâm tình: “Đời tôi nay về già, nguyện vọng được thấy trên vùng cao này một ngôi Tam Bảo đàng hoàng đã đạt được, rứa là quá vui!” Trong các dịp đại lễ, không những Phật tử của huyện về dự, mà các cơ quan,







ban, ngành, kể cả các quý vị chức sắc về hưu cũng đến dự, Kinh cũng như Thượng.

Hơn bất cứ nơi nào, ở đây, ngôi chùa duy nhất này là trái tim, các Niệm Phật đường phải là mạch máu lưu thông đến các bộ phận của cơ thể. Thế là sau Sơn Thủy ở cửa ngõ A Lưới, Niệm Phật đường Sơn Nguyên ra đời ở trung tâm A Lưới, đầu còn khó khăn về trụ sở. Cả hai nơi, đạo tràng đông đủ, trang nghiêm, thanh tịnh, đón thầy về làm lễ cầu an đầu năm. Quý biết bao Niệm Phật đường, nơi lan tỏa đạo pháp, ngôi nhà tâm linh, ngôi nhà thứ hai của các đạo hữu vùng cao!

Niệm Phật đường không chỉ lo cho các bác, các anh chị trong đạo tràng, lo nghi lễ thường xuyên, mà đã nghĩ đến môi trường vui chơi cho trẻ dưới ánh đạo vàng: Mỗi nơi đều có Gia đình Phật tử, có Đoàn quán hần hoi, đã sinh hoạt nên nếp như bất cứ Gia đình Phật tử nào đã có truyền thống, quy tụ nhiều em tham gia.

Thế còn đồng bào dân tộc có đến với đạo Phật hay không? Lấn trong màu áo lam đạo tràng, có các khuôn mặt của các Phật tử người dân tộc, các bác khuôn hội cho biết như vậy. Tôi tin dần dần trong quá trình làm quen vào nếp sống đô thị, người dân tộc sẽ đến với đạo Phật, không phải ở ạt theo phong trào, mà với ý thức rằng mình đến một cách tự do, không bị o ép, không bị mua chuộc, để họ bắt đầu có căn cơ hơn, có nền nếp hơn, nếu khuôn hội lan dần đến các vùng dân cư xa hơn, quý thầy cô thăm viếng nhiều hơn, hiểu văn hóa của họ nhiều hơn để biết cách sống với họ, song song với hoạt động nhân đạo và từ thiện. Đồng bào dân tộc giữ cho được vốn quý thật thà, không tham sở hữu,

không nhận của không cho, nếu thấm nhuần hương đạo, niềm tin không bị lung lạc, thì tốt biết mấy!

Ngôi chùa không chỉ là cơ sở tôn giáo mà còn là địa chỉ văn hóa, giáo dục, nhất là ở vùng đất mới, khó khăn. Tôi khâm phục Ban Trị sự Phật giáo huyện A Lưới đã thành lập thư viện và phòng đọc sách khang trang trong chùa, với khá nhiều sách. Ngày tôi đến thăm, đã 11 giờ, thế mà những em học sinh vẫn mượn sách và đọc sách tại chỗ. Mong sao thư viện tiếp nhận nhiều sách và tạp chí Phật giáo để làm món ăn tinh thần cho mọi người, cũng như tiếp nhận những sách cần thiết cho thanh thiếu niên, cho học sinh để hỗ trợ cho việc giáo dục và bồi dưỡng văn hóa cho lớp trẻ. Tôi được biết các ngày lễ lớn: ngày Tết, ngày Phật đản, Vu lan báo ân cha mẹ... chùa là nơi hội vui tập trung, nhờ thế đạo Phật càng gần hơn với dân. Trong niềm vui như thế, Phật tử ở nhiều xã muốn thiết trí lễ đài và cổng chào vào dịp Phật đản năm nay.

Từ một nơi hải hùng thời chiến tranh, một nơi trắc trở bởi núi cao, vực sâu, đường đèo cheo leo, cứ mùa mưa bão là sạt lở, một nơi địa bàn dân cư nhiều dân tộc khó tiến triển đồng đều, dân thưa, canh tác khó khăn; bây giờ, trước mắt tôi là một A Lưới vào xuân, hứa hẹn một cuộc sống mới ấm bụng, ấm lòng, trong đó đạo Phật thực sự đem lại an lạc cho mỗi người, và an dân cho đất nước. Mong sao cho những mùa mưa bão sắp đến, Quốc lộ 49 chịu đựng gan lì để đảm bảo huyết mạch lưu thông không bị đứt đoạn, và để cho những người xa lạ với chốn núi rừng được đến nơi chắc chắn là đẹp, là hùng vĩ, là dân tình dễ thương. ■



# Thanh âm choán queênhaø

THẢO NGUYỄN

**B**uổi chiều đầu tháng Tư, trời sắp ngã hoàng hôn nhưng nắng vẫn còn vương những vệt dài trên hè phố. Nắng gió miền Trung bao giờ cũng khắc nghiệt. Tôi vừa chạy xe trên phố đông người lao xao, vừa suy nghĩ đến việc nhỏ bạn đồng nghiệp vừa gọi điện nhờ tôi bày cho cô con gái của nhỏ đang học lớp ba về bài văn tả con gà trống gáy... Bất chợt bao nhiêu ý nghĩ lại hiện lên trong sâu thẳm ký ức ngày xưa yêu dấu đã qua. Tôi hình dung tôi sẽ khuyến khích cháu bé miêu tả con gà trống gáy là thế này thế nọ, hãy từ sự quan sát và bằng con tim bé bỏng của thế giới tuổi thơ thần tiên, rằng con ơi, hãy viết đi, viết những gì con đã nghe, đã thấy...

Chao ôi, cháu bé thổ lộ chân thành: "Cô ơi, cháu chưa nhìn thấy gà trống gáy bao giờ ạ!". Tôi rối bời, thế này thì coi như hỏng bài văn rồi... Tôi nhìn lại căn hộ chung cư của nhỏ bạn, vuông vức, sáng loáng, giữa trung tâm thành phố. Rồi bất chợt, nhận ra: Những đứa trẻ lớn lên trong không gian như thế, sáng chiều đi học, hối hả ngồi sau xe ba mẹ đón đưa từng ngày. Có được về quê, cũng chỉ những ngày lễ, Tết ngắn ngủi, cả năm cũng chỉ

một, hai lần. Họa chăng, chỉ thấy con gà qua trang sách, phim hoạt hình, hướng chi là con gà trống gáy thì khó quá, biết con gà trống khi cất tiếng gáy ra sao, tiếng gáy nó thế nào... Mới học lớp ba, bảy tám tuổi đầu, làm sao cháu bé có thể hình dung, tưởng tượng ra được cái dáng mạnh mẽ, vươn vai, rướn cổ, vỗ cánh phành phạch gáy lanh lảnh mỗi sớm mai bắt đầu ngày mới...

Tôi trở về với ký ức của riêng mình, với những tháng năm đồng đất quê nhà. Tôi nhớ lại tuổi thơ tôi đã đồng hành với nắng mưa nhọc nhằn, với con đường sùt sùi bùn đất, với biết bao kỷ niệm thời thơ ấu ngày nào. Đặc biệt hơn, tuổi thơ tôi đã trôi qua cũng những buổi sáng tinh mơ với dàn đồng ca ồn ã của những chú gà trống giữa xóm làng bình yên xanh mướt đồng lúa, nương dâu. Nhớ lại, càng thấy ấm áp, nao lòng. Thường bắt đầu từ tiếng của một con gà gáy vỗ cánh gáy trước như báo hiệu ngày mới; tiếp đó đồng loạt các con gà khác cũng gáy râm ran thôi. Tiếng gà gáy vọng gần, vọng xa... Tôi nhớ từng buổi sáng tinh sương, nhất là vào mùa thu hoạch lúa, nghe tiếng gà gáy thì ánh lửa hồng đã bập bùng ở các bếp, ngoài đường đã có tiếng





Í ới gọi nhau của bà con chòm xóm ra đồng. Tôi lại nhớ những sáng mùa đông lạnh lạnh, nghe tiếng gà gáy mẹ đã dậy thổi cơm, nhóm bếp, chuẩn bị cho chị em tôi bữa cơm sáng đến trường... Tiếng gà gáy đã đi qua bao năm tháng tuổi thơ với những lần giật mình tỉnh giấc, dậy sớm học bài vào mùa thi... Suốt những năm tháng sống giữa quê nhà, tôi nhận ra nhiều điều thú vị về... tiếng gà gáy. Thường những chú gà trống "trưởng thành" hầu như gáy suốt bốn mùa, mùa xuân nghe trong trẻo, có chút tất bật, mùa hạ nghe khan hơn, mùa thu thì tiếng gáy có vẻ mơ hồ và mùa đông thì hơi buồn... Hình như tiếng gà gáy cũng đi theo thanh sắc của trời đất trong những mùa khác nhau của năm, có khi theo thời khắc khác nhau trong ngày nữa. Ví như vào buổi sáng, tiếng gà gáy thường hồi hả báo hiệu ngày mới bắt đầu, buổi trưa thì xa xôi, quạnh vắng như lời nhạc rất hay của Trịnh Công Sơn "*Tiếng gà trưa gáy khan trên đồi*" và đến chiều thì chợt nghe đã xao lòng...

Rồi xa quê nhà đến giảng đường đại học, trong ký ức sâu thẳm ấy tôi vẫn dành riêng cho... tiếng gà gáy ở quê nhà. Mẹ tôi mua cho tôi chiếc đồng hồ báo thức, dặn cố mà nhớ đúng giờ giấc học hành. Nghe tiếng "reng reng" báo thức ấy, tôi càng nhớ tiếng gáy "ò ó o..." của chú gà trống ở nhà, có cái mào đỏ tía và bộ lông bóng mượt, có cả đôi chân rắn rỏi, cứng cáp lắm. Những tháng ngày đầu tiên như thế, tôi nhận ra tiếng gà gáy cùng với nhiều thứ khác nữa của quê nhà da diết biết nhường nào...

Thời gian cứ thế đồng hành trên lối rẽ cuộc đời mỗi người. Tạm biệt giảng đường đại học, tôi rong

ruổi tìm việc. Lại phải xa quê nhà yêu dấu, theo công việc và lập nghiệp ở thành phố. Cứ thế, những tất bật của công việc, gia đình, thời gian cuốn lại nhau theo nhịp đời, rồi những lần về quê cũng ít hơn, chủ yếu những ngày lễ, Tết, kỵ giỗ... Rồi tôi cũng quen dần với việc không còn được nghe nhiều tiếng gà gáy sáng, không còn thấy nhiều những hình ảnh quê nhà như lũy tre xanh, dòng sông, con đò, giếng nước... Trái lại, tôi quen dần với dòng người hối hả trên phố, những ngôi nhà cao tầng... và mỗi sáng mai đã nghe inh ỏi tiếng xe cộ ngoài đường. Thú thật, có đôi lúc tôi dường như quên những nét bình dị, đáng yêu ở quê nhà đã thuộc về một miền ký ức xa xôi, đã bỏ quên trong góc nhỏ sâu thẳm rất riêng trong tâm hồn mình...

Chỉ là một bài văn tả tiếng gà trống thôi, rất đơn giản, gần gũi, bình dị vốn có nhưng với cháu bé con nhỏ bạn đồng nghiệp là một "bài toán" khó, trong khi với tôi lại là cả khung trời kỷ niệm ngọt ngào; nhưng sao tôi thấy có chút gì nghẹn đắng trong sâu thẳm tâm hồn. Âm thanh tiếng gà ấy, bản hòa ca của làng quê mình tôi đã nghe, đã thấm, đã mang đi trong hành trình cuộc đời có bóng dáng tần tảo của mẹ cha, hương đất đồng, có sân nhà, có những ngày lụt bão hay nắng hạn... Tôi cho đó là ngăn kéo ký ức về quê hương. Bây giờ, giữa chốn thị thành, buổi sáng thức dậy với tiếng chuông reo từ chiếc điện thoại di động hay đồng hồ báo thức, và ngoài phố đã inh ỏi tiếng còi xe. Bấy nhiêu thôi cũng đã làm tôi, hoặc ai đó, lòng se sắt lại, níu chân về và cuộn trong nỗi nhớ yêu thương những tiếng gà gáy – thanh âm chốn quê nhà... ■



# Lời cảm ơn cuộc sống

Được tin bố tôi phải vào điều trị ở Quán y viện 7A TP.HCM, mẹ bảo tôi vào thăm, vì bà còn phải chăm sóc ông nội tôi đã già yếu. Vào đến Sài Gòn, hóa ra bố tôi chỉ bị mất sức vì quá lo lắng công việc của đơn vị, đã được cho ra viện về nghỉ an dưỡng. Ở với bố hơn một tuần, tôi về lại Hà Nội. Lúc vào, vì vội vàng nên phải đi máy bay; khi ra, tôi quyết định theo xe lửa để được nhìn dọc đất nước. Lấy vé xe SE2, tôi ngồi ở toa số 1, ghế mềm có máy lạnh. Tàu không đông khách nhưng toa số 1 vẫn kín chỗ. Ngồi cạnh tôi là một ông bác ngoài sáu mươi trông nghiêm nghị đang đọc báo nhưng khi thấy tôi bước vào, ông cũng quay qua hỏi thăm bằng một giọng hơi khó nghe. Sau khi nghe tôi trình bày qua về mục đích chuyến đi, ông gật gù rồi trở lại với tờ báo. Tôi nhìn ra cửa sổ toa tàu còn lơ mờ ánh sáng buổi chiều tà, một lát sau chỉ biết đưa mắt nhìn hành khách lên xuống mỗi khi tàu dừng ở một ga nào đó. Đến nửa khuya, vì người xuống đã nhiều, toa tàu trở nên trống. Lúc tàu ghé ga Diêu Trì, nghe thông báo tàu sẽ dừng hơn 15 phút để lấy nước, tôi xin phép ông bác cho tôi bước ra ngoài để xuống tàu. Sợ nhờ tàu, tôi chỉ mua ít quà rồi vội vàng lên tàu. Thấy hàng ghế phía sau trống, tôi ngồi vào đó rồi thiu thiu ngủ. Vừa chớp mắt thì tôi bị đánh thức dậy. Thì ra, khi tàu bắt đầu chuyển bánh đi tiếp, ông bác không thấy tôi trở về chỗ, sợ tôi lỡ chuyến tàu, vội báo động cho những người ngồi quanh nhờ gọi tôi. Có người ngồi gần đó biết tôi đã lên tàu nên đánh thức tôi dậy và bảo cho ông bác biết. Bấy giờ tôi mới nói với ông để tôi ngồi ở hàng ghế phía sau cho thoải mái; ông bác nghe tôi nói, cũng chỉ gật gù đầu. Khi đến ga Tam Kỳ thì ông bác xuống tàu. Thấy ông bác nghiêm nghị có vẻ khó gần, thế mà bác ấy cũng quan tâm đến tôi, một thanh niên trẻ người non dạ mới đi xe lửa lần đầu, sợ tôi nhờ chuyến tàu mà phải phá vỡ cái vẻ lạnh lùng cố hữu của mình. Xin cảm ơn tấm lòng của bác, đã nghĩ đến tôi, dù chỉ gặp nhau qua một chuyến đi chưa quá một ngày trời.

**Phạm Hữu Chính, Thanh Xuân, Hà Nội**

Nguyên nhân dẫn tôi đến với Phật giáo cũng hay hay và tôi muốn chia sẻ với mọi người. Lần ấy tôi vào Huế công tác. Một hôm, đang loanh quanh trong Đại nội, chiếc giày bên chân phải của tôi bị bong lớp đế ở đầu mũi khiến tôi đi lại thật khó khăn; đôi giày này tôi mới mua, sử dụng chưa quá sáu tháng. Một người cùng đi vốn là thổ địa xứ Huế cho biết là có một chỗ sửa giày ở góc đường Tống Duy Tân - Đinh Tiên Hoàng. Lấy cố sửa giày, tôi hẹn với mọi người đến trưa sẽ về thẳng khách sạn, rồi tìm xe ôm ra đó. Khi tôi bước vào quầy, một người quăng ngoài năm mươi đứng lên tiếp. Ông ta mời tôi ngồi, bảo đưa cả đôi giày cho ông xem, rồi nói nếu muốn nhanh thì chỉ cần dán keo nhưng không bền; còn muốn chắc chắn thì phải mất hai tiếng đồng hồ để ông ấy may lại. Tôi chọn phương án sau. Ông ấy rót một tách trà bảo tôi ngồi chờ. Nghe tôi phàn nàn về đôi giày mới mua đã hỏng, ông thợ bắt tay vào việc và cười bảo biết đầu đó là cái duyên gặp nhau. Sẵn bụng mình, tôi hỏi gặp nhau thì có gì tốt. Không trả lời, người thợ bảo rằng mỗi khi gặp việc chưa hài lòng, ông ấy thường nghĩ sẽ có chuyện vui hơn đi kèm sau đó và không bực tức vì chuyện vừa gặp, cho biết đó là cách chuyển hóa tâm để luôn chấp nhận hoàn cảnh. Thấy một người thợ sửa giày mà nói chuyện có vẻ triết lý, tôi tò mò hỏi thăm. Ông ấy tự giới thiệu là một Phật tử và nói rằng lối sống của Phật tử là biết đủ và ít ham muốn nên có hạnh phúc, và vì không tin vào thần quyền nên họ có ý chí mạnh mẽ khi tìm sự thanh thản trong cuộc sống. Tôi bác rằng Phật giáo là chúa mê tín, quanh năm cầu cúng, lại còn đốt vàng mã để hối lộ thần Phật. Ông bình tĩnh trả lời tôi bằng những lập luận mà tôi không ngờ là được trình bày bởi một người thợ. Ông đề nghị tôi nên đọc sách báo Phật giáo để hiểu rõ đạo Phật, đặc biệt giới thiệu với tôi tạp chí Văn Hóa Phật Giáo. Nhờ trao đổi với ông mà việc chờ đợi của tôi không tẻ nhạt. Xong việc, ông tính công mười ngàn đồng, còn cảm ơn và chúc tôi được an lạc. Hôm ấy tôi lùng lụng mua trong thành phố một số báo Văn Hóa Phật Giáo, cũ có mới có, đem về đọc. Từ đó, tôi chú tâm đọc sách báo Phật giáo và nhận ra giáo lý của Đức Phật xứng đáng để mọi người áp dụng trong cuộc sống. Bản thân tôi cũng áp dụng lối sống đó và thực sự thấy thanh thản. Về sau tôi mới hiểu rằng cuộc gặp gỡ hôm ấy, đúng như người thợ nói, là một cái duyên, và tôi thật sự biết ơn cả cái duyên lẫn người bạn ấy.

**Cầm Đức Lai, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa**

# Đột quỵ

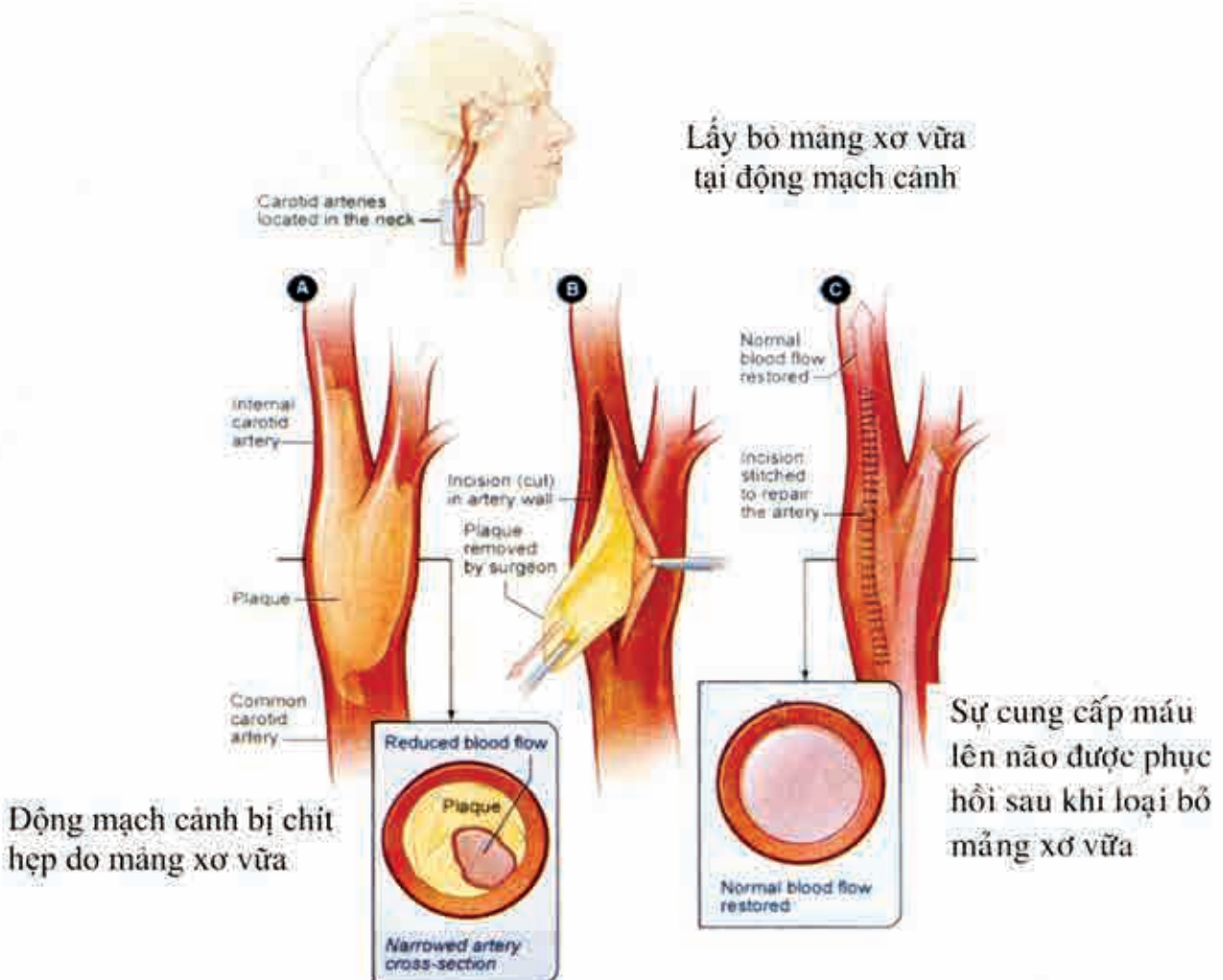
## Những điều cần biết

(Tiếp theo)

### Các thuốc thường được sử dụng trong điều trị đột quỵ + Thuốc ly giải huyết khối (Actilyse)

Đây là phương pháp hiệu quả nhất trong điều trị đột quỵ thiếu máu não cấp hiện nay trên thế giới. Thuốc ly giải huyết khối được Hoa Kỳ chấp thuận sử dụng từ năm 1996 trong điều trị đột quỵ thiếu máu não cấp trong vòng 3 giờ đầu (kể từ lúc bắt đầu khởi phát triệu chứng). Kết quả nghiên cứu cho thấy, thuốc làm tăng khả năng phục hồi vận động của bệnh nhân sau đột quỵ. So với điều trị thông thường, có thêm 13% bệnh nhân đột quỵ trở về cuộc sống một cách bình thường nếu được điều trị bằng phương pháp này. Nếu bệnh nhân được điều trị càng sớm, khả năng thành công càng cao. Do vậy, sau khi phát hiện các triệu chứng của đột quỵ, bệnh nhân cần được đưa đến **cơ sở y tế có khả năng điều trị bằng phương pháp này càng sớm càng tốt**, tránh

giữ bệnh nhân tại nhà vì bất kỳ lý do gì. Thuốc được bắt đầu sử dụng tại Việt Nam từ năm 2005, có thể sử dụng thuốc qua đường truyền tĩnh mạch hoặc bơm thuốc trực tiếp vào cục huyết khối qua một ống dẫn từ động mạch đùi. Khoa Bệnh lý Mạch máu não, Bệnh viện Nhân Dân 115 là nơi có số bệnh nhân được sử dụng thuốc ly giải huyết khối nhiều nhất hiện nay, và là đơn vị đầu tiên trong cả nước sử dụng thuốc ly giải huyết khối qua đường động mạch. Qua hơn 100 trường hợp điều trị, kết quả thu được rất khả quan, khoảng 40% bệnh nhân có thể hòa nhập với cuộc sống bình thường sau đó, tránh được cuộc sống tàn phế do đột quỵ. Tuy nhiên, thuốc chỉ sử dụng ở các bệnh nhân nhập viện trước **3 giờ tính từ lúc khởi phát triệu chứng**. Ngoài ra, thuốc có thể gây chảy máu trong não ở một số ít trường hợp (khoảng 6%). Quyết định sử dụng thuốc sẽ phụ thuộc vào sự đánh giá tình trạng



Phẫu thuật bóc tách động mạch cảnh loại bỏ mảng xơ vữa



bệnh của thầy thuốc và ý kiến của gia đình bệnh nhân.

#### + **Thuốc chống kết tập tiểu cầu**

Đối với bệnh nhân đột quỵ thiếu máu não nhập viện trễ, vượt quá thời gian có thể điều trị bằng thuốc ly giải huyết khối, thông thường sẽ được điều trị ngay bằng các thuốc kết tập tiểu cầu. Có 3 loại phổ biến nhất:

**Aspirin:** Là thuốc được sử dụng nhiều nhất.

Ưu điểm: rẻ tiền.

Nhược điểm: có thể có tác dụng phụ trên dạ dày, rất thận trọng khi sử dụng ở bệnh nhân có tiền sử loét hay xuất huyết dạ dày.

#### **Clopidogrel (Plavix)**

Ưu điểm: có hiệu quả hơn Aspirin trong phòng ngừa đột quỵ và các bệnh tim mạch, ít có tác dụng phụ trên đường tiêu hóa.

Nhược điểm: đắt tiền.

#### **Thuốc phối hợp Aspirin & Dipyridamol (Aggrenox)**

Ưu điểm: có hiệu quả rõ rệt hơn Aspirin.

Nhược điểm: mặc dù hàm lượng Aspirin trong Aggrenox rất thấp (50mg/ngày). Tuy nhiên thuốc vẫn có tác dụng phụ trên đường tiêu hóa. Ngoài ra thuốc có thể gây đau đầu, và buồn nôn trong 5-7 ngày đầu tiên sử dụng thuốc, các triệu chứng này sẽ giảm bớt khi sử dụng liều thấp trong tuần đầu (có thể kèm với thuốc giảm đau để làm giảm bớt tác dụng phụ của thuốc).

#### + **Thuốc kháng đông**

Thuốc kháng đông có thể sử dụng bằng đường uống, tiêm dưới da hoặc tiêm tĩnh mạch. Thuốc có tác dụng trong việc phòng ngừa huyết khối gây lấp mạch não (thường có nguyên nhân từ tim), hoặc được chỉ định để điều trị và phòng ngừa huyết khối tĩnh mạch sâu và thuyên tắc động mạch phổi.

#### + **Thuốc điều trị tăng cholesterol trong máu**

Các loại thuốc điều trị tăng cholesterol máu nhóm statin được chỉ định sử dụng lâu dài cho hầu hết các bệnh nhân đột

quy, có liên quan đến xơ vữa mạch máu. Theo nghiên cứu SPARCL, sử dụng *Atorvastatin* liều cao có thể làm giảm 16% nguy cơ đột quỵ tái phát trong 5 năm.

#### **Các phương pháp điều trị khác**

##### **• Phẫu thuật bóc tách động mạch cảnh**

Được chỉ định đối với các bệnh nhân đột quỵ có kèm theo hẹp nặng (>70%) động mạch cảnh trong do nguyên nhân xơ vữa. Trong kỹ thuật này, mảng xơ vữa sẽ được lấy ra khỏi động mạch cảnh. Nhờ vậy lưu lượng máu lên não sẽ được cải thiện và giảm bớt nguy cơ bong các mảng xơ vữa gây tắc mạch não.

##### **• Đặt stent động mạch cảnh**

Một ống dẫn được đưa lên từ động mạch đùi giúp đặt giá đỡ có tác dụng nong lòng động mạch cảnh. Phương pháp này có ưu điểm ít xâm lấn, tuy nhiên giá thành rất đắt và hiệu quả không tốt hơn so với phẫu thuật bóc tách động mạch cảnh.

(*Tư vấn trực tiếp ngoài giờ từ 16g30 mỗi ngày, xin gọi: 01667 220 215 gặp TS.BS Thăng*)

**NHÀ THUỐC 2999**

**Chuyên:**

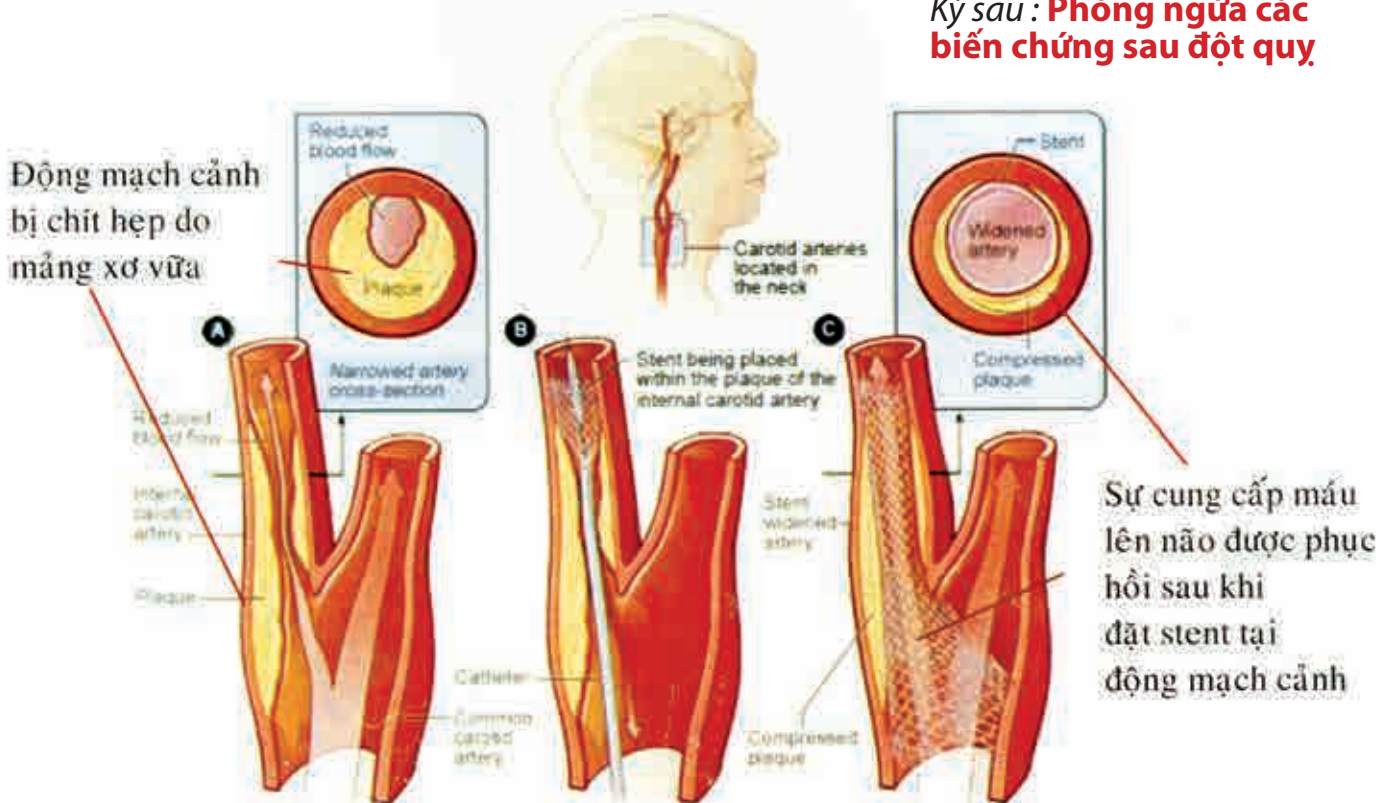
- Cung Cấp Sĩ & Lê Các Loại Thuốc Nội-Ngoại Nhập
- Bán Các Loại Thực Phẩm Chức Năng
- Hàng Xách Tay (Mỹ Và Châu Âu)
- Các Dụng Cụ Y Tế

**MỞ CỬA 24/24**

*Chất Lượng Là Tiêu Chí Của Nhà Thuốc*

ĐC: 140A Nguyễn Cư Trinh, P. Nguyễn Cư Trinh, Q. 1, Tp. HCM  
Số điện thoại Trực tiếp Tư vấn 0120.789.2999  
Và giao hàng tận nơi

#### **Kỳ sau : Phòng ngừa các biến chứng sau đột quỵ**



Sự cung cấp máu lên não được phục hồi sau khi đặt stent tại động mạch cảnh

Kỹ thuật đặt stent động mạch cảnh

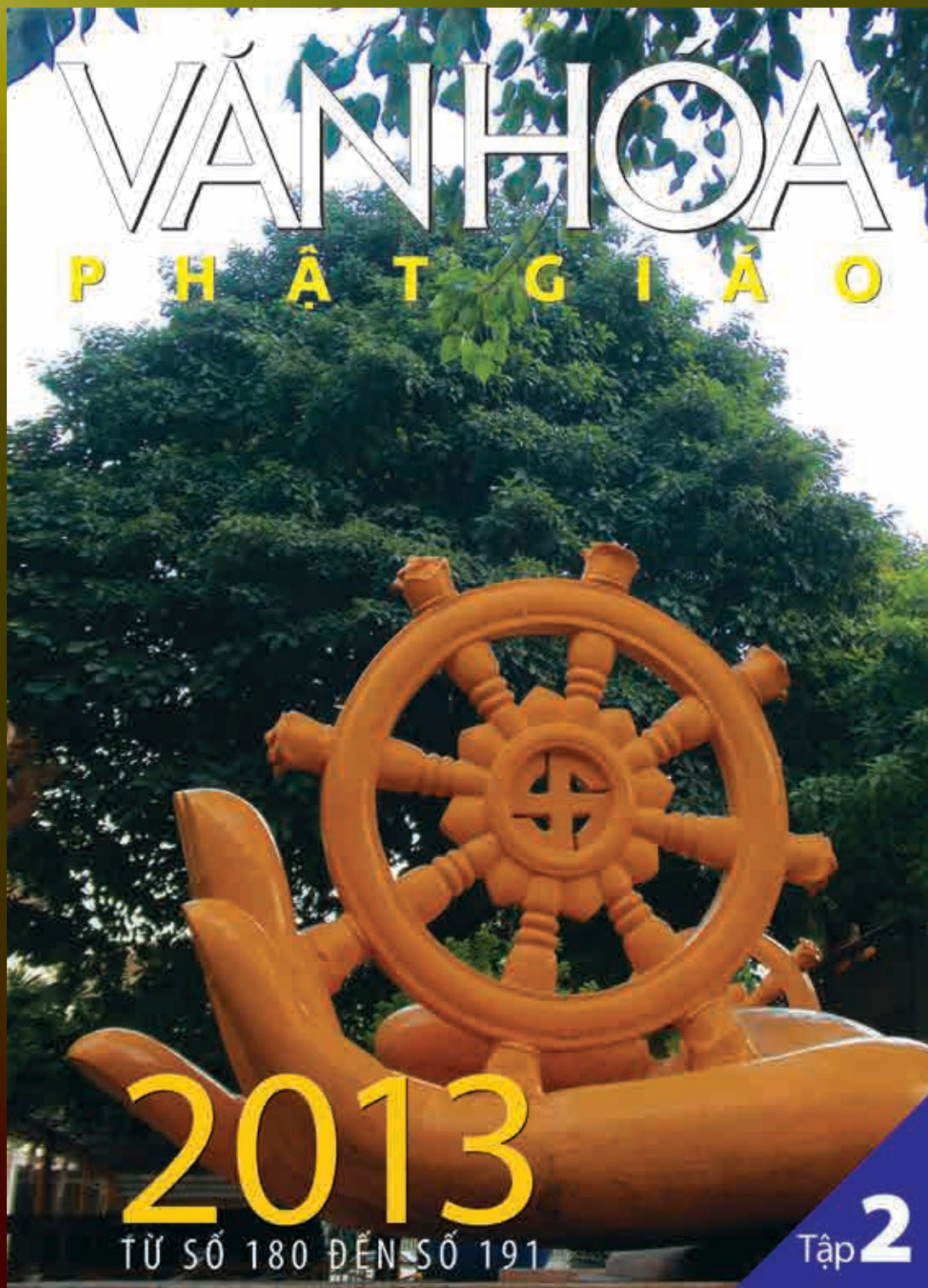


**Đang phát hành**

# VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 2 năm 2013**,  
từ số 180 đến số 191  
giá: **210.000đ/cuốn**



*Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:*

Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại  
toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ

2009 (2 tập): 360.000VNĐ

2010 (2 tập): 380.000VNĐ

2011 (2 tập): 420.000VNĐ

2012 (2 tập): 420.000VNĐ

2013 (2 tập): 420.000VNĐ



**DIÊU TƯỢNG AM**  
**NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO**

**DIÊU TƯỢNG AM NAM KỲ**  
382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM.  
ĐT: (08) 38 484558

**DIÊU TƯỢNG AM 3/2**  
212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10, TP.HCM.  
ĐT: (08) 38 604 913

**VIETGEM (ĐÁ PHONG THỦY)**  
311A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, TP.HCM.  
ĐT: (08) 33265177

[www.dieutuongam.com](http://www.dieutuongam.com)

**pháp uyển**  
QUÁN CHAY - DHARMA FOODS  
Email: [quanchay@phapuyen.com](mailto:quanchay@phapuyen.com)

**DHARMA GARDEN**  
website: [www.phapuyen.com](http://www.phapuyen.com) - email: [lienhe@phapuyen.com](mailto:lienhe@phapuyen.com)

**NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS**  
Email: [nhasach@phapuyen.com](mailto:nhasach@phapuyen.com)

17/2 Nguyễn Huy Tường, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM  
ĐT: (08) 36 026 818 - 0916 943 877

**phát hành:** kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ, quả lưu niệm, pháp phục Tăng Ni, cứ sĩ...

**ăn phẩm:** trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ**



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

**"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"**



**Công ty TNHH SX-TM QUANG NGHỆ**  
QUANG NGHỆ CO., LTD.  
HÈN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tím đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

**Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

**Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước**  
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM  
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506  
Email: [quangnghecandle@yahoo.com.vn](mailto:quangnghecandle@yahoo.com.vn)  
Website: [www.quangnghecandle.com](http://www.quangnghecandle.com)

**CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM**  
Phụ Kim Nghệ & Sculpture

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lễ:

- Móc khóa, quả lưu niệm
- Quả tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466  
(08) 3880 9766

Email: [saigonphukim@gmail.com](mailto:saigonphukim@gmail.com) - Website: [www.sgpk360.com](http://www.sgpk360.com)  
Showroom: 378/B Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM

**THÔNG BÁO**

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, doanh nhân và độc giả trong và ngoài nước tham gia đọc, viết, cổ động phát hành báo, đăng quảng cáo và viết PR giới thiệu hoạt động từ thiện, quảng bá các sản phẩm và hoạt động của doanh nghiệp, công ty, nhà hàng chay, quán chay, cửa hàng... trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

Tạp chí được phát hành vào ngày 1 và 15 hàng tháng trên toàn quốc và nước ngoài.

**1- Giá báo phát hành:**

- Trọn năm 2013: **580.000đ** (đã CK 5%)  
- 6 tháng đầu năm: **304.000đ**  
- 6 tháng cuối năm: **304.000đ**

**2- Giá đăng quảng cáo và viết PR:**

- Trang bìa 4: 10.000.000đ  
- Trang bìa 3: 8.000.000đ  
- 1/2 bìa 3: 5.000.000đ  
- Trang ruột 4 màu: 5.000.000đ  
- 1/4 trang ruột 4 màu: 1.000.000đ  
- 1/8 trang ruột 4 màu: 500.000đ

Đăng quảng cáo dài hạn sẽ có giá ưu đãi và nếu được yêu cầu, chúng tôi sẽ giúp việc thiết kế mẫu quảng cáo.

Thời gian giao nhận file quảng cáo: ngày 7 và 22 trong tháng.

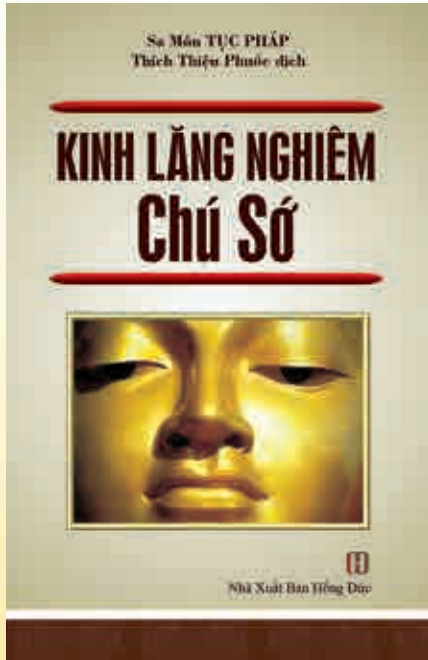
**Vui lòng liên hệ:**

Tòa soạn Tạp chí VHPG, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3 8484 335

0907164066 - 0918032040 - 0913810082

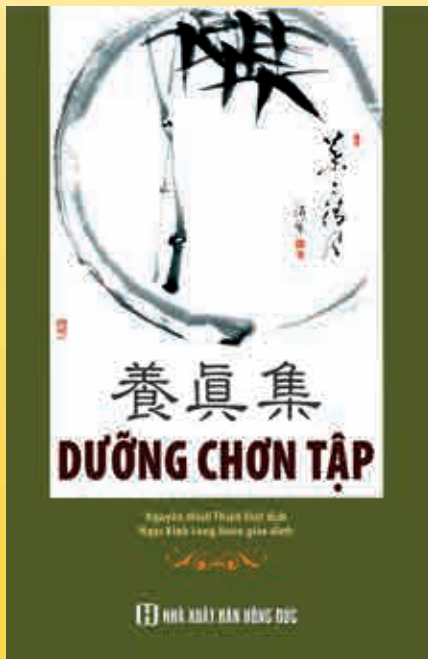
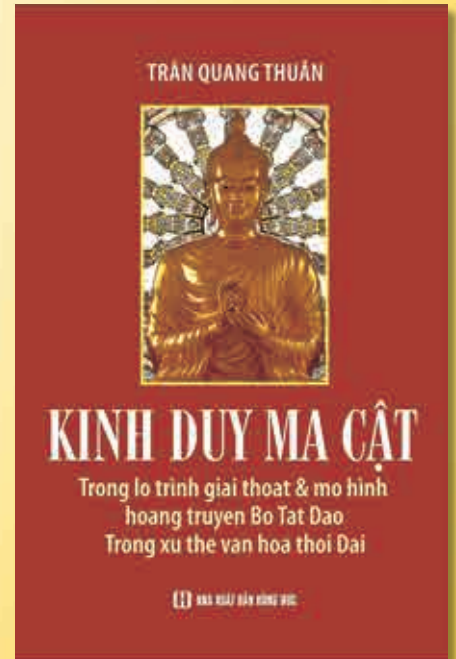
Email: [toasoanvhp@gmail.com](mailto:toasoanvhp@gmail.com)



◀ **Chú giải ý nghĩa và nói về những phương pháp trì tụng chú:**

Trì Chú Phương Tiện. Kiến Lập Đàn Nghi Để Cầu Hiện Chứng. Trước Hết Là Nói Về Chơn Ngôn Năm Hội. Thiên Thủ Thiên Nhãn Quan Thế Âm Bồ-tát Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Dịch Thích. Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni. (*Chép Ra Từ Đại Minh Nhơn Hiếu Hoàng Hậu Mộng Cảm Kinh*).

THẤT CÂU CHI PHẬT MÃU SỞ THUYẾT CHUẨN ĐỀ ĐÀ LA NI KINH. CHUẨN ĐỀ THẦN CHÚ NIỆM TỤNG NGHI QUỶ. KIM CANG CHÁNH TỌA. ĐẠI TAM MUỘI ẤN. TỊNH PHÁP GIỚI QUÁN. KIM CANG QUYỀN ẤN. CHUẨN ĐỀ THỦ ẤN. TÂM NGUYỆT PHẠM TỰ QUÁN. NĂM CÁCH TỤNG MẬT GIÁO. CHUẨN ĐỀ TRAI KỶ. KẾ ĐẾN TỤNG LONG THỌ BỒ TÁT KHAI CHÚ KÊ. ĐẠI LUẬN NHẤT TỰ CHÚ. ĐƯỢC SƯ LƯU LY QUANG NHƯ LAI QUÁN ĐÁNH CHƠN NGÔN. VĂNG SANH TỊNH ĐỘ THÂN CHU. ĐÀ LA NI TRỪ SẠCH HẾT NGHIỆP CHƯỚNG NẶNG NHE, ĐƯỢC VĂNG SANH VỀ TỊNH ĐỘ. CHÁNH XUẤT ĐỊNH CHÚ



◀ **Dưỡng Chân tập (Tinh hoa Tam Giáo Đồng Nguyên).**

“Con người chỉ có một cái **tâm**, ra ngoài là **tinh**, vào trong là **tánh**, đi xuôi là **thức**, trở ngược là **trí**.” Chỉ một câu ngắn gọn đủ bao hàm yếu chỉ của triết lý Phật giáo.

Lão nói: “**Văn dĩ tải Đạo**”, Phật nói: “**như tiêu nguyệt chỉ**”, Khổng nói: “**cách vật trí trí**”, người xưa đã chỉ dẫn rành rẽ cả rồi, người đời nay càng diễn giảng càng chạy đuổi theo hình thức, càng đi xa với chủ ý của người xưa, cho nên chỉ nên biết quay trở vào để đạt cái trí bất nhị thì hơn. Sắp xếp các bài thành bốn phần, dựa theo lời dạy của Bạch Tẩn lão nhưn:

1. Đạo của Trời Đất nhật nguyệt: học Đạo, luận Đạo;
2. Pháp Xuất Thế: khởi đầu bằng Tâm, luận về Tâm, tu Tâm;
3. Pháp Nhập Thế: giải bày mục tiêu con người tầm cầu;
4. Thuật Siêu sanh, Trường sanh: pháp tu giải thoát.

**CHI NHÁNH QUẬN 9**

**Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106**

**Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pali và Sanskrit.**



Đón đọc

# VĂN HÓA P HẬT G I Á O

SỐ 200

Số đặc biệt mừng Đại lễ Phật đản  
Phát hành ngày 1 - 5 - 2014

## CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

### HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay – trà đạo  
Bồ Đề Tâm  
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa  
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình  
Hà Nội  
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân  
74 Quán Sứ, Hà Nội  
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1  
Chuyên viên Phòng Tổng hợp  
Trường Đại học Kiến trúc  
Km 10, đường Nguyễn Trãi,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội  
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân  
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2  
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,  
Hà Đông - Hà Nội  
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân  
ĐT: 0938 071 188

### QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm  
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB  
Cô Nguyễn Phước (Trình Hương)  
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

### THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý  
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức  
182 Phan Bội Châu, TP. Huế  
ĐT: 0905 168 411

### ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,  
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng  
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Tứ Nghiễm,  
chùa Phổ Đà  
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm  
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)  
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 05113873128

Cửa hàng Thanh Nhã  
124 Lê Đình Dương, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 05113565021  
(Chị Ty)

### QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành  
Văn hóa phẩm Phật giáo  
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi  
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211  
(chị Linh)

### BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng  
Phòng phát hành Hiến Nam  
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn  
ĐT: 0935 272 261

### ANH HÙNG

Thư quán chùa Long Khánh  
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn  
ĐT: 0987 219 374

### KHÁNH HÒA

Chị Hương,  
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn  
số 20 đường 23 tháng 10,  
TP. Nha Trang  
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

### NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,  
chùa Diệu Nghiễm, số 54 đường 21 tháng 8,  
Phan Rang, Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

### DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,  
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,  
TP. Buôn Ma Thuột  
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

### LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ  
90B/32 Vạn Hạnh P.3, TP. Đà Lạt  
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ  
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc  
ĐT: 0169 8287 177  
(Cô Hương)

### BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Tứ Quang  
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu  
Bà Rịa-Vũng Tàu  
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên  
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,  
Bà Rịa Vũng Tàu  
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

### SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu  
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng  
ĐT: 0907 465 073

### CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành  
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,  
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,  
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,  
TP. Cần Thơ  
ĐT: 0918800707 - 07103827685

### TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiễm, chùa Tịnh Nghiễm  
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,  
TP. Mỹ Tho  
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt  
TP. Mỹ Tho  
ĐT: 0733.877.054

### VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường  
135B đường 2 tháng 9, P.1  
thị xã Vĩnh Long  
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654  
(Chú Tư Nở)

### TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3  
ĐT: 88.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách  
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG